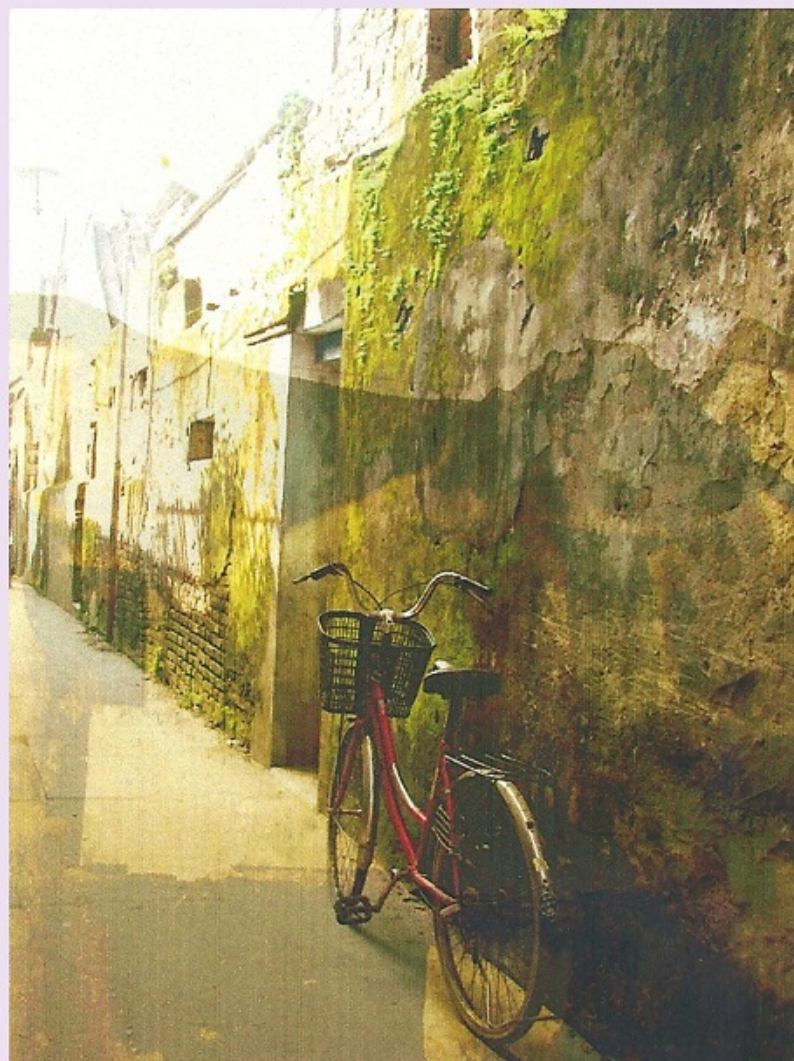




CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



“Cái xe vừa đi dù được trang hoàng lộng lẫy cũng phải hư hoại, thân này dù có trau tría cũng phải già yếu. Chỉ trừ pháp của bậc thiện nhân là không bị suy già mà cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác.” (Kinh Pháp Cú, phẩm Già, câu 151)



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Nhiên An**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp cố gắng để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mẫu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **MƯA ĐÁ THÁNG BA** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- **NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 7
- **HƯƠNG TRẦN, PHƯỢNG HỒNG** (thơ Minh Đạo), trang 9
- **DUYÊN KHỞI VÀ Ý NGHĨA CỦA KIẾT HẠ AN CƯ** (HT. Thích Trí Thủ), trang 10
- **PHẬT TÁNH** (Nguyễn Thế Đăng), trang 12
- **CON ĐƯỜNG VIÊN DUNG** (Bạch Xuân Phê & W. Edward Bureau), trang 14
- **CHÚC MỪNG ĐẠI HỘI 7 THÀNH CÔNG** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 18
- **CHIẾN TRANH VÀ BẤT BAO ĐỘNG**, t.t. (HT. Thích Quảng Độ dịch), trang 19
- **NGỌN ĐÈN CHÁNH PHÁP, TẬP NIỆM** (thơ Tịnh Bình), trang 21
- **HỒI CHUÔNG CỔ TỰ** (Nguyễn Siêu), trang 22
- **AN TRÚ TRONG TÂM BẤT SINH** (Ni sư Trí Hải dịch), trang 23
- **TỨ CÚ LỤC BÁT VỀ "CHÁNH PHÁP"** (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 24
- **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ**, t.t. (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), trang 25
- **MÂU NI - BẠC TỊCH TĨNH – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- **TỬ ĐIỆN RIÊNG, MÙA HÈ 2021** (Nguyễn Ngọc Tư), trang 31
- **THẾ GIỚI KHÔNG CÓ NGÔN NGỮ** (Tamura Ryuichi – Hoàng Long dịch), trang 32
- **MIỀN MAN NỖI NHỚ** (Hạnh Thuần), trang 34
- **RUN TAY** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 39
- **NHÂN NGƯỜI LÀM ANH** (thơ TM Ngổ Tăng Giao), 40
- **HÃY LÀ NGƯỜI CẦU PHÁP, KHÔNG MONG CẦU TÀI VẬT** (Quảng Tánh), trang 41
- **THE STORY OF IMPRISONMENT** (Daw Tin), trang 42
- **ĐÊM TRĂNG ĐỌC THƠ ĐƯỜNG 2** (thơ Nguyễn An Bình), trang 43
- **THƯ GỬI NGƯỜI CƯ SĨ TRẺ** (Nguyễn Giác), trang 44
- **BÚN CHAY NGÀY RẼM** (Nguyễn Hân), trang 48
- **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **HƯƠNG KINH CHIÊU** (thơ Nhật Quang), trang 50
- **EM VỀ THÁNG HẠ MÂY HỒNG** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 51
- **CHIẾN TRANH UKRAINE** (thơ Diệu Viên), trang 52
- **BỔ THÍ VẬT THỰC** (Truyện cổ Phật giáo), trang 53
- **ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN 2, NHIỆM KỲ IV** (Thanh Huy), trang 54
- **ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN TRONG LỊCH SỬ VN**, t.t. (Tạ Văn Tài), trang 56
- **NHỚ VỀ QUÊ HƯƠNG VN YÊU DẤU** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 60
- **NGÕ THOÁT – chương 14** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 128, tháng 07 năm 2022, do Chùa Quang Minh (Chicago, IL) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

NGƯỜI CHÁNH THIÊN

Có chăng một giai cấp cao tốt, thượng đẳng trong xã hội? Có chăng một giai cấp thấp hèn chỉ vì màu da, chủng tộc của họ? — Kinh Pháp Cú, câu 43 có thể trả lời rõ ràng các câu hỏi trên: *"Chẳng phải cha mẹ hay bà con nào hết, nhưng chính tâm niệm hướng về hành vi chánh thiện làm cho mình cao thượng hơn."*

Chánh thiện là các việc lành khởi xuất từ lòng từ bi và chánh kiến (thấy biết chân chánh, như thật). Vì **lòng thương**, lúc nào cũng nghĩ đến việc đem lại lợi ích an vui cho kẻ khác. Nhờ **chánh kiến**, thấy được điều gì ác nên từ bỏ, điều gì lành nên thực hiện; xa lìa những ác nhân, rời bỏ những tà kiến, xảo quyệt và ảo tưởng.

Trái với người chánh thiện là người ích kỷ, vị ngã. Người ích kỷ thường vui thích với những lời dua nịnh, đái bôi, dối trá; không bao giờ chấp nhận sự thật, vì sự thật thường là điều đi ngược lại với sở thích và khuynh hướng vụ lợi cho bản thân họ.

Trong hành xử với gia đình, xã hội, người này luôn co rút, bảo thủ, luôn mưu tìm lợi ích cá nhân, được lợi gì hay thiệt hại gì trong giao tiếp này; không bao giờ nghĩ đến niềm vui hay quyền lợi của kẻ khác, chỉ luôn đòi hỏi cái vui, cái lợi cho chính mình.

Đối tượng mà người ích kỷ có thể chia sẻ, ca tụng, thậm chí tôn thờ, chính là kẻ ích kỷ tột cùng, ích kỷ trăm lần hơn.

Cái tôi của thần tượng ích kỷ được trau chuốt, tô vẽ bằng những điều ngoa ngụy, dối trá; và điều này ve vuốt, khích lệ, xoa dịu những bản ngã vốn co cụm trong những vỏ ốc kiên cố của vị kỷ, tham lam. Nay được sự tán thưởng và đồng cảm của thần tượng ích kỷ, những con ốc bắt đầu chui ra khỏi vỏ, tràn ra ngoài, không còn e dè, ngại ngùng chi để dằn trải kiến năng và tâm địa nhỏ bé của mình. Sự dối trá, giao hoạt được tăng bốc lên những tầng mây và được xem như là điều bình thường của xã hội. Dối trá càng nhiều càng bồi đắp nguy nga cho lâu đài hoang tưởng; nâng vị kỷ lên một tầng bậc cao hơn; khỏa lấp, biện minh cho tính ích kỷ bằng sự tự tin, tự đại; và công khai trao cho người ích kỷ một vị trí cao hơn, một giai cấp vượt trội hơn trong xã hội.

Khi giai cấp vị ngã được hình thành và được cổ vũ như đội ngũ tiên phong của một phong trào thì dù là thiểu số, cũng tác động rất nhiều đến xã hội, quốc gia và nhân loại. Đây có thể nói là giai đoạn mà ma vương, kẻ ác chiếm lĩnh những pháo đài và trận địa cuộc sống (1).

Không phải vì sinh ra trong gia đình quyền quý, vọng tộc mà con người trở nên cao thượng; mà con người cao thượng hay không là do chính nơi tâm lượng và hành xử của mình. Ngồi ở nơi cao, với địa vị quyền uy, với màu da và chủng tộc như thế, nhưng tâm lượng hẹp hòi, ích kỷ, vị ngã, chỉ mưu cầu lợi ích cá nhân thì con người ấy cũng chẳng có giá trị gì.

Nhưng xã hội văn minh ngày nay không phải là xã hội được sắp xếp theo những tầng bậc cao thấp, mà là một xã hội có xu hướng tiến đến bình đẳng, hài hòa. Nếu miễn cưỡng có một thứ lớp thì đó là thứ lớp tự nhiên dành cho người hiền thiện, sống đời đạo đức thanh cao, biết trải lòng thương và tận tụy giúp đỡ mọi người; chứ không phải là địa vị dành cho ai đó chỉ vì màu da, chủng tộc.

Thế giới đã bước vào thế kỷ 21 trên hai mươi năm rồi. Khi nền văn minh vật chất tiến đến đỉnh cao thì cũng cần song hành phát huy nền văn minh tinh thần đến cực điểm. Đừng lạc hậu quay về với sự thù ghét, đổ kỵ, phân chia giai cấp của những thế kỷ mù lòa đen tối quá khứ.

Sống chánh thiện là nếp sống văn minh tinh thần của thế kỷ mới.

- 1) Ma vương và quyền thuộc có thể giăng bẫy, khuyến dụ con người chạy theo dục lạc, sân hận, si mê. Những ai thiếu sự tu tập và tỉnh thức sẽ dễ dàng trở thành quyền thuộc của Ác ma. Chỉ có những bậc hiền thiện, với tâm từ bi hỷ xả rộng lớn mới có thể tránh khỏi sự dụ hoặc của tham lam, sân hận, cuồng si. Đây là một đoạn trích từ Kinh Lạp Sư số 178, phẩm Tâm, Trung A-hàm, Tuệ Sỹ dịch Việt và hiệu chú: *"Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỷ-kheo tâm câu hữu với từ, bi, nhẫn, xả, thành tựu và an trụ... Cũng như vậy, đối với bi và hỷ. Tâm câu hữu với xả, nhẫn, xả, thành tựu và an trụ... Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương bằng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập bi, nhẫn, xả, thành tựu và an trụ. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được."*

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Chùa Hương Đạo bắt đầu dự án mở rộng với kinh phí 100 Triệu usd

Chủ nhật, ngày 15- 5 là một ngày tốt lành đối với các thành viên của Hương Đạo, một ngôi chùa Phật giáo ở Fort Worth, Texas. Họ đã đặt viên đá đầu tiên của dự án mở rộng 5.7 hecta, vốn dự kiến hoàn thành sẽ tiêu tốn 100 triệu USD. Công trình mới nói trên sẽ bao gồm 840 bảo tháp lưu giữ nhiều giáo lý Phật giáo.

Dự án mở rộng này được đặt tên là dự án "Bảo tháp Kinh thánh Phật giáo Cổ đại" để vinh danh nhiều bảo tháp sẽ được xây dựng.

Tất cả các bảo tháp sẽ được xây dựng bằng đá granit và thép, và chúng sẽ lưu giữ các giáo lý từ Tam Tạng Kinh điển.

Các giáo lý sẽ được dịch sang ngôn ngữ của 6 quốc gia, Cam Bốt, Lào, Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan và Việt Nam, và được khắc trên các phiến đá và đồng.

Chùa Hương Đạo đã là một nền tảng của cộng đồng ở Fort Worth trong 25 năm. Chùa cung cấp các dịch vụ thờ cúng cho một giáo hội khoảng 1,000 người và có một điện thờ rộng 1,115 mét vuông.

(NewsNow - June 1, 2022)



PAKISTAN: Phật tử cùng nhau tham dự Ngày lễ Vesak ở Taxila

Phật tử đã tổ chức Ngày Đại lễ Vesak tại Bảo tháp Mohra Moradu gần Taxila vào thứ Hai ngày 15-5-2022

Các Phật tử từ vùng nông thôn Sindh cũng tham gia sự kiện này.

Đại sứ Thái Lan Chakkrid Kraichaiwong khởi xướng lễ kỷ niệm bằng cách đánh chuông hòa bình tại Bảo tàng Taxila. Đây là chiếc chuông đã được Đại sứ Thái Lan trao tặng và khánh thành.

Phát biểu nhân dịp này, Giám đốc điều hành Trung tâm Văn hóa và Phát triển (CCD), ông Nadeem Omar Tarar cho biết Pakistan là người bảo tồn nền văn minh Gandhara.

Trao đổi với giới truyền thông, Đại sứ Thái Lan Chakkrid Kraichaiwong cho biết Pakistan và Thái Lan có mối quan hệ ngoại giao và văn hóa lâu đời hàng thập kỷ.

Ông nói Pakistan, đặc biệt là Taxila, rất nổi tiếng với người dân Thái Lan và các nhà sư đã nhiều lần đến thăm các địa điểm Phật giáo cổ của Pakistan trong chuyến hành hương của họ.

(Tipitaka Network - June 2, 2022)

Chùa Hương Đạo ở Fort Worth, Texas (ảnh trên)
Đồ họa các bảo tháp của dự án trong tương lai tại chùa Hương Đạo (ảnh dưới)
Photos: NewsNow



Phật tử tổ chức Ngày Đại lễ Vesak tại Bảo tháp Mohra Moradu, Pakistan
Photo: Tipitaka Network

TRUNG QUỐC: Hang động Phật giáo hơn 500 năm tuổi được tìm thấy ở Hà Bắc

Một hang động với 20 tượng Phật bằng đá có niên đại từ thời nhà Minh (1368-1644) đã được tìm thấy ở thành phố Shahe, tỉnh Hà Bắc, phía bắc Trung Quốc.

Được xây dựng vào năm 1503, hang động này nằm trên sườn đồi tại làng Beipenshui ở độ cao 1,200 mét. Động có chiều rộng 5.8 mét và cao 2.8 mét.

Một tấm bia đá cao 2 m và rộng 0.69 m đã được tìm thấy bên ngoài hang động ở phía tây.

Dòng chữ trên tấm bia đá ghi lại rằng tổ tiên của một gia đình địa phương đã chuyển đến đây từ một ngôi làng khác để tía cây, trồng trọt trên núi và xây dựng các tượng Phật.

(NewsNow - June 1, 2022)

ANH QUỐC: Phật tử ở thị trấn Kendal được công nhận là Nữ Tuyên úy Linh Cứu hỏa đầu tiên trên thế giới

Jacquetta Gomes, một Phật tử ở thị trấn Kendal đã được công nhận là Nữ Tuyên úy Phật giáo đầu tiên trên thế giới, và trở thành nhân vật hàng đầu trong việc hướng dẫn đức tin của cộng đồng.

Jacquetta Gomes cũng là một trong những người sáng lập Nhóm Phật giáo Nguyên thủy Kendal (BGKT) vào năm 1991.

Jacquetta được công nhận là Nữ Tuyên úy Phật giáo đầu tiên trên thế giới, sau khi được Cơ quan Cứu hỏa và Cứu nạn ESFRS East Sussex bổ nhiệm làm Tuyên úy Cứu hỏa.

Bà là Tuyên úy Phật giáo thứ tư, và cũng là nữ Phật tử đầu tiên giữ chức vụ này trên thế giới.

(Tipitaka Network - June 4, 2022)



Jacquetta Gomes, nữ Tuyên úy Phật giáo đầu tiên trên thế giới
Photos: tipitaka.net

HOA KỲ: Hội Khyentse đánh dấu 20 năm phụng sự Phật pháp

Hội Khyentse, một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập bởi Lạt ma Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche, nhà làm phim và là tác giả nổi tiếng người Bhutan, đã thông báo đạt mốc 20 năm hoạt động phụng sự Phật pháp.

Trong lịch sử hai thập niên của mình, Hội này đã thành lập nhiều sáng kiến và dự án dựa trên Đạo pháp trong các lĩnh vực dịch thuật, học thuật, lưu giữ văn bản, đào tạo và hơn thế nữa, cũng như thiết lập mạng lưới hỗ trợ cho các giáo viên, học giả và các học viên Phật giáo.

Những thành tựu của Hội trong 20 năm qua bao gồm: hơn 15 triệu trang văn bản Phật giáo được lưu giữ và cung cấp trực tuyến; dạy cho trẻ em của hơn 1,000 gia đình; hỗ trợ cho nghiên cứu Phật học tại hơn 35 trường đại học lớn và thành lập các trung tâm nghiên cứu Phật học; tài trợ hơn 1 triệu đô la Mỹ cho việc đào tạo giáo viên Phật giáo; dịch các văn bản Phật giáo thiêng liêng sang hơn 15 ngôn ngữ; tài trợ 1.8 triệu đô la Mỹ để duy trì Phật giáo ở các mẫu quốc của tôn giáo này; cấp hơn 2,000 học bổng và phần thưởng

ghi nhận những thành tích xuất sắc trong học tập và thực hành Phật pháp; hỗ trợ cho hơn 3,000 Tăng Ni để duy trì truyền thống Phật học tại cơ sở tự viện; và hơn 120 tài trợ Ashoka và Trisong truy cập mở được cấp phát để hỗ trợ các chương trình Đạo pháp và phúc lợi.

(NewsNow - June 1, 2022)



Hội viên Hội Khyentse kỷ niệm 20 năm hoạt động phụng sự Phật pháp
Photo: buddhistdoor.net

MÔNG CỔ: Phái đoàn Ấn Độ mang Xá lợi Phật đến Mông Cổ nhân Lễ Phật đản

Vào ngày 13-6, một phái đoàn đặc biệt gồm 25 chức sắc Ấn Độ, do Bộ trưởng liên bang Kiren Rijiju dẫn đầu, đã đến thủ đô Ulaanbaatar mang theo 4 xá lợi Phật thiêng liêng. Xá lợi có nguồn gốc từ Kapilvastu ở Nepal ngày nay, nơi Đức Phật nhập niết bàn - là một phần trong một cử chỉ thiện chí của chính phủ Ấn Độ đối với Mông Cổ. Các xá lợi sẽ được trưng bày trong 11 ngày để tôn vinh lễ kỷ niệm của người Mông Cổ về lễ Buddh Purnima, ngày Đức Phật đản sinh, vào ngày 14-6.



Các xá lợi được trưng bày tại Tu viện Gandan, Mông Cổ

Photos: twitter.com

Các xá lợi đã được vận chuyển trên một máy bay chở hàng của Không quân Ấn Độ, cùng với các nhà sư Phật giáo và các chức sắc chính trị. Trên đường đi, để đảm bảo việc bảo quản, các xá lợi được lưu giữ trong điều kiện được kiểm soát khí hậu phù hợp với điều kiện của Bảo tàng Quốc gia ở New Delhi.

Các thánh tích này đã được đưa đến Đền Batsagaan trong Tu viện Gandan ở thủ đô Mông Cổ, nơi chúng sẽ được trưng bày cho đến ngày 24-6.

(Buddhistdoor Global - June 14, 2022)

HOA KỲ: 20 học giả Phật giáo được nêu tên trong vòng tài trợ mới nhất của Hội Robert H. N. Ho Family

Ngày 6-6-2022, Hội đồng Hiệp hội Học giả Hoa Kỳ (ACLS) đã thông báo rằng 20 học giả sẽ được cấp kinh phí cho những công trình nghiên cứu, viết và dịch thuật xuất sắc của họ trong lĩnh vực nghiên cứu Phật học. ACLS cũng đã thông báo vào ngày 8-6 rằng 4 học giả mới vào nghề sẽ kiếm được tài trợ để hỗ trợ các bảo tàng và ấn phẩm thuộc hoạt động trong các truyền thống nghệ thuật và tư tưởng Phật giáo.

Các khoản tài trợ này tạo nên những người được trao giải thưởng năm 2022 của Chương trình Nghiên cứu Phật học của Hội Robert H. N. Ho Family, và chương trình Học giả Công chúng về Phật giáo mới được thành lập.

Cùng với khoảng 200 học giả trước đây đã được nhận tài trợ, 20 người được trao giải mới này sẽ tham gia để hỗ trợ công việc luận văn, nghiên cứu đầu sự nghiệp và các bản dịch của họ.

Những nghiên cứu sinh được duyệt luận văn đã được trao tặng 30,000 đô la Mỹ để sử dụng trong quá trình thực địa, nghiên cứu và viết. Họ đại diện cho các trường đại học ở Mỹ và Châu Âu và làm việc về nhiều chủ đề khác nhau, từ nghiên cứu về cảm giác (tiếng Pali: vedana) trong Phật giáo sơ khai đến tuyên úy Phật giáo Hàn Quốc

và chủ nghĩa quân phiệt của Phật giáo.
(buddhistdoor.net – June 9, 2022)



Biểu trưng của Hội Robert H. N. Ho Family. Photo: rhfamilyfoundationglobal.org

ẤN ĐỘ: Giữa căng thẳng cộng đồng ở Kargil, nhà sư Choskyong Palga Rinpoche và các tín đồ hủy bỏ cuộc tuần hành

Kargil, Ladakh - Trong bối cảnh căng thẳng ở Ladakh sau khi nhà sư Choskyong Palga Rinpoche cùng với các tín đồ của ông công bố một cuộc tuần hành để đặt viên đá nền móng của một tu viện Phật giáo ở quận Kargil do Hội giáo thống trị, sự kiện này đã bị hủy bỏ.

Chính quyền, thông qua nghị sĩ Jamyang Tsering Namgyal, đã yêu cầu sư Choskyong Palga Rinpoche hủy bỏ sự kiện này. Người ta được biết rằng tình hình đang được Bộ trưởng Bộ Nội vụ theo dõi.

Sư Choskyong Palga Rinpoche đã bắt đầu cuộc hành trình với các tín đồ của mình vào ngày 31-5 từ Leh và được lên kế hoạch đặt viên đá nền trên một mảnh đất gây tranh cãi ở Kargil vào ngày 14-6.

Các sự kiện đang diễn ra đã tạo nên căng thẳng giữa các cộng đồng Hồi giáo và Phật giáo của Ladakh.

Hiện tại, Rinpoche đang ở Mulbek, một ngôi làng do Phật giáo thống trị, cách Kargil gần 40 km.

(tribuneindia.com - June 13, 2022)



BA LAN: Hội Phật giáo Từ Tế Đài Loan cứu trợ những người tị nạn Ukraine đang cư trú tại thành phố Opole của Ba Lan

Hội Phật giáo Từ Tế Đài Loan đã quyên góp 2.6 triệu Zloty Ba Lan /PLN (= 560,000 Euro) trong phiếu mua hàng cho những người tị nạn Ukraine đang cư trú tại thành phố Opole của Ba Lan.

Tổ chức này bắt đầu phát phiếu mua hàng vào thứ Ba, 14-6-2022. Mỗi phiếu mua hàng trị giá 2,000 PLN (= 430 Euro), và có thể đổi thành sản phẩm tại chuỗi cửa hàng. Các nhà tổ chức của ổ đĩa dự định phát 1,300 phiếu thưởng như vậy ở Opole.

Đủ điều kiện để được giúp đỡ là những người tị nạn đã thấy mình sống trong điều kiện vật chất tồi tệ nhất. Các nhân viên trợ giúp xã hội của Opole đã giúp Hội Từ Tế xác định những người cần sự giúp đỡ.

Đây là một chương khác trong hoạt động từ thiện của các tình nguyện viên Từ Tế. Trước đó, tổ chức từ thiện này đã tặng phiếu mua hàng trị giá vài triệu euro cho những người tị nạn ở Warsaw, Lublin, Poznań, Gorzów Wielkopolski và những nơi khác.

(REUTERS, TVP WORLD June 14, 2022)



Các nhân viên trợ giúp xã hội của thành phố Opole, Ba Lan (hàng trước), và tình nguyện viên Hội Từ Tế Đài Loan
Photo: TVP WORLD

Khởi hành vào ngày 31-5 từ Leh để đến Kargil vào ngày 14-6, nhưng cuộc tuần hành do sư Choskyong Palga Rinpoche chủ trì phải hủy bỏ do căng thẳng cộng đồng
Photo: Google



HOA KỲ: Sáng kiến '84000' thông báo 25% Tây Tạng Kinh Tạng (Kangyur) hiện đã được cung cấp miễn phí bằng tiếng Anh

'84000: Dịch Lời Đức Phật', một sáng kiến phi lợi nhuận toàn cầu do Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche - Lạt ma, tác giả và là nhà làm phim nổi tiếng người Bhutan sáng lập, để dịch và chia sẻ Kinh điển Phật giáo Tây Tạng, đã thông báo rằng tổ chức này đã dịch sang tiếng Anh và xuất bản trực tuyến toàn bộ một phần tư của bộ Kangyur (Tây Tạng Kinh Tạng) dày 70,000 trang. Gồm có khoảng 900 tác phẩm trong hơn 100 tập, Kangyur đại diện cho những lời dạy được sưu tầm của Đức Phật, tất cả đều được dịch sang tiếng Tây Tạng từ các văn bản gốc của Ấn Độ.

"Vào ngày tốt lành của lễ Saga Dawa Duchen - kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh, thành đạo và nhập Niết bàn - 84000: Dịch Lời Đức Phật thông báo rằng 25% trong số 70,000 trang Kangyur Tây Tạng hiện đã được xuất bản bằng bản dịch tiếng Anh và được cung cấp miễn phí ra thế giới," 84000 cho biết. "Cột mốc quan trọng này trong dự án 100 năm của 84000 đã đạt được cùng với việc xuất bản bản dịch 'Sư Toàn thiện của Trí tuệ trong Mười tám Ngàn Dòng', một trong những bộ kinh dài nhất trong Kinh điển Phật giáo Tây Tạng.

(Buddhistdoor Global - June 13, 2022)



Một cặp bìa bản thảo từ Kinh Sư Toàn thiện của Trí Tuệ (Ashtasahasrika Prajnaparamita Sutra)



TRANSLATING THE WORDS OF THE BUDDHA

Photo: Viện nghệ thuật Chicago
Biểu trưng của '84000: Dịch Lời của Đức Phật
Photo: Google

NHẬT BẢN: Momoka Miyoshi và các tác phẩm điêu khắc về những vị hộ pháp Phật giáo 'nghỉ ngơi, thư giãn'

Nio (Thiên vương) là những vị hộ pháp trông dữ tợn và cơ bắp, đứng bên ngoài các ngôi đền Phật giáo trên khắp Nhật Bản và các khu vực khác ở Đông Á để xua đuổi tà ma bằng những vẻ hung dữ và đáng sợ của họ.

Nhưng đó chỉ là khi các ngài đang làm nhiệm vụ. Khi không hoạt động, những hộ pháp này chắc chắn phải có cách để nghỉ ngơi, thư giãn và thả lỏng các cơ bắp đó, phải không? Đó thực chất là ý tưởng khiến nữ nghệ sĩ Miyoshi Momoka tạo ra hàng loạt tác phẩm điêu khắc bằng đất nung.

Miyoshi bắt đầu thực hiện loạt tác phẩm điêu khắc đùa vui của mình khi đang theo học ngành nghệ thuật tại Đại học Nghệ thuật Tokyo:

- Tác phẩm "Day Off"/Ngày nghỉ, có cảnh Thiên vương vui vẻ ôm ấp đứa cháu với sự hộ vệ của 2 chú chó của ngài, sẽ trở thành tác phẩm luận văn tốt nghiệp của nữ nghệ sĩ này.

Miyoshi tiếp tục lấy bằng Thạc sĩ Mỹ thuật (MFA) từ Đại học Nghệ thuật Tokyo và tiếp tục hoàn thiện những tượng hộ pháp của mình. Một trong những tác phẩm mới nhất của cô ấy có tên "Segway Nio" và có hình ảnh một hộ pháp vui vẻ cười trên chiếc xe 2 bánh Segway.

Ngoài các tác phẩm điêu khắc kích thước lớn như người thật của mình, nữ nghệ sĩ cũng đang sáng tác các tượng hộ pháp thu nhỏ đang xem phim và chơi với những con chó của họ.

(SPOON & TAMAGO - June 16, 2022)



Tượng hộ pháp nơi đền chùa (hình 1) và hộ pháp 'thư giãn' của Momoka Miyoshi (hình 2).



MÙA ĐÁ THÁNG BA

*Năm nay khí hậu lạ kỳ,
Gió thổi rù rì, tuyết đổ theo sau.
Bao nhiêu cây cảnh ủa nhà,
Mới đâm chồi lộc đã mau lụi tàn.
Tâm tư thơ thần bàng hoàng,
Nhìn vườn cây cảnh chỉ toàn màu đen,
Do vì tuyết đổ liên miên,
Cộng thêm gió lạnh buồn phiền quá đi.
Miền đông của xứ Hoa Kỳ,
Mưa tuôn, lửa cháy trăm bề bất an.
Ven biển bão tố ngập tràn,
Nhà xiêu, cây ngã hoang tàn thảm thương...
Một bầu không khí bất thường,
Biết đâu mà đỡ mà nương mà nhờ...
Cành cây, cột điện trợ trợ...
Nắng vừa tắt lịm, tuyết vừa rớt rơi...
Tháng ba khí hậu lạ đời,
Trẻ già trai gái đông thời bệnh luôn.
Cùng nhau tìm đến nhà thương,
Giường nằm chật chỗ biết nương nơi nào?
Cứu thương xe chạy ào ào,
Cời bấm, xe chạy, rì rào, tứ tung.
Bác sĩ, y tá phát khùng,
Vì mưa, vì gió bão bùng gây nên...
Riêng tôi câu nguyện liên miên
Cầu cho phong thuận bão yên quý rồi.
Không nên than đứng thờ ngời,
Nhất tâm cầu nguyện người người bình an,
Cầu cho thế giới ba ngàn,
Cầu cho tất cả muôn phương thuận hòa.
Cầu cho thế giới Ta bà,
Voi đi đâu khổ có mà tiến tu...
Cùng nhau vượt khỏi sương mù,
Khỏi vương vào nghiệp ngục tù tâm thân.
Nói xa thôi lại nghĩ gần,
Tự mình tu tỉnh phước phần tính sau.
Cùng nhau ý hợp tâm đầu,
Giống như hai loại bí bầu nương nhau.
Chúng sanh tạo nghiệp bấy lâu,
Phát tâm trả nghiệp ngõ hầu thoát ra...
Nghiệp dư đeo đuổi đó mà,
Than thân trách phận chính là vụng tu.*



ĐIỀU NGŨ TỬ TÍN NGHĨA

Nhâm dần Mạnh hạ - Apr. 10th, 2022

NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM

Nguyên tác Hán văn: **Kha Diệu Kỳ**

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo)

PHẦN IV: SỰ SANH SANH CỦA CHUNG TỬ

Trước đã bàn đến chung tử của Bản Thức nhờ năng lực huân tập có thể tăng trưởng hoặc mới sanh. Giờ đây chúng ta bắt đầu bàn về vấn đề lực lượng huân tập sản sanh chung tử để nghiên cứu thêm.

“Huân Tập” hai chữ đây theo như Thuật Ký giải thích: “Huân là phát khởi, hoặc là dẫn tới. Tập là sanh ra, là gần gũi, là phép tắc; nghĩa là phát khởi dẫn tới quả nơi trong Bản Thức, khiến chung tử sanh khởi, gần gũi khiến sanh trưởng.” Ý đây là nói, pháp năng huân của bảy Chuyển Thức cùng với pháp sở huân của Thức thứ tám đồng thời hòa hợp; do sự tác dụng của pháp năng huân ảnh hưởng đến pháp sở huân, khiến chung tử mới sanh chưa sanh khởi liền sanh khởi ngay và đã sanh khởi sẵn có chung tử liền phát khởi khiến tăng trưởng.

Pháp năng huân cùng với pháp sở huân mỗi mỗi đều đầy đủ bốn điều kiện mới có thể thành lập, bốn điều kiện đó riêng theo Thành Duy Thức Luận Thuật Ký giải thích như sau:

A.- Bốn Điều Kiện Của Pháp Sở Huân:

1.- Nghĩa Tánh Kiên Trụ: Kiên là nghĩa an trụ bền bỉ lâu dài, mà không phải là nghĩa kiên mật. Đây là nói pháp sở huân tất nhiên thì chung phải là một loại liên tục nối tiếp nhau không gián đoạn và không có biến khác; mà còn có thể tác dụng bảo trì tập khí để làm pháp sở huân. Đây là giản biệt nơi bảy Chuyển Thức trước và các Tâm Sở của chúng cùng với Sắc Pháp. Nguyên vì bảy Chuyển Thức trước và các Tâm Sở của chúng cùng với tiếng gió, v.v... của Sắc Pháp đều là chuyển biến di động, không thể thường trụ, không có tác dụng chấp trì chung tử, cho nên không phải là pháp Sở Huân.

2.- Nghĩa Tánh Vô Ký: nếu như tánh kiên trụ mà cũng là pháp sở huân, như thế Phật Quả của Thức thứ tám cũng là tánh kiên trụ tương tục và cũng là sở huân sao? Vì khác biệt như thế mới nói thể lực của tánh vô phú vô ký là yếu kém và cũng nhờ yếu kém nên mới trở thành pháp sở huân. Ý nghĩa vô ký tức là chỉ cho tánh bình đẳng của Thức thứ tám không có chỗ trái nghịch và nhờ đó mới có thể dung nạp tập khí. Căn cứ vào nguyên nhân của điều nói trên thì thể lực của pháp thiện,

của pháp nhiễm quá cường thịnh cho nên không thể dung nạp pháp huân tập kia và cũng không thể trở thành sở huân được. Thí dụ như trầm hương (là dụ cho tánh thiện), như củ tỏi (là dụ cho tánh ác), v.v... đều có mùi thơm hoặc mùi hôi mạnh yếu cao độ; hương thơm không thể dung nạp tập khí của mùi hôi thối và mùi hôi thối không thể dung nạp tập khí của mùi hương thơm. Thí dụ đây là chỉ cho pháp thiện pháp nhiễm đều không thể dung nạp huân tập pháp thiện pháp ác khác với nó. Thế nên Như Lai Tỉnh Thức thứ tám độc nhất chỉ là tánh thiện, không thể tiếp nhận không phải pháp sở huân.

3.- Nghĩa Tánh Khả Huân: ý khả huân đây là chỉ cho tự thể của Thức A Lại Da thứ tám; tự thể này thì tự tại và tánh của nó không phải kiên cường, không phải tinh vi, vì thế mới có thể dung nạp tập khí, cho nên gọi là sở huân. Đây là so sánh sự khác biệt giữa pháp Sở Huân cùng với các pháp Biến Hành, v.v... gồm 51 Tâm Sở tương ứng và các pháp Hư Không Vô Vi, v.v... Nguyên vì Tâm Sở đều có tánh chất độc lập đặc biệt của chúng là Y Tha Khởi mà Hư Không Vô Vi thì không chứng ngại tất cả vật và tất cả vật cũng không chứng ngại pháp vô vi, cho nên không phải là pháp Sở Huân.

4.- Nghĩa Tánh Hòa Hợp cùng với Năng Huân: cùng với Năng Huân hòa hợp thì mới có thể tương ứng, ý đây bảo rằng Thức A Lại Da thứ tám cùng pháp Năng Huân cần phải đồng thời, đồng xứ, không phải ngay liền, không phải ly cách mới là sở huân. Quả đúng như thế, dù có trước và có sau, chính tự bản thân mình không đủ khả năng huân tập để thành chung tử. Nói cách khác, ta tạo tội lỗi, người khác không thể thay mặt chịu tội, nghiệp đã tạo ở quá khứ hoặc vị lai, hiện tại cũng không thể huân tập.

Thức A Lại Da thứ tám đã được tường thuật đầy đủ bốn nghĩa ở trên, cho nên có thể làm thành pháp sở huân và cũng chính là năng lực chấp trì chung tử khiến không cho mất. Ngoài đây đã có pháp sở huân thì tất nhiên cũng phải có pháp năng huân; pháp năng huân chính là bảy Chuyển Thức và chúng cũng đầy đủ bốn điều kiện như sau:

B.- Bốn Điều Kiện Của Pháp Năng Huân:

1.- Nghĩa Hữu Sanh Diệt: nghĩa là pháp này không phải thường trụ, chủ yếu là chuyển biến



HT Thắng Hoan

từng sát na từng sát na một thì mới có thể tác dụng huân tập và mới có thể huân tập hiện pháp thành chủng tử. Đây là giải thích sự khác biệt của chúng đối với Pháp Vô Vi thuộc loại trước sau không biến, không sanh, không diệt.

2.- Nghĩa Hữu Thắng Dụng: nghĩa là thể lực của những pháp này tăng trưởng phần vinh mới có thể hướng dẫn tập khí và mới có thể huân tập. Thắng Dụng có hai loại: một là Năng Duyên Thắng Dụng và hai là Cường Thịnh Thắng Dụng. Năng Duyên Thắng Dụng chính là chỉ cho Tâm và Pháp Tâm Sở. Cường Thịnh Thắng Dụng chính là chỉ cho tánh thiện ác hoặc tánh hữu phũ vô ký. Pháp Năng Huân tất nhiên phải trang bị đầy đủ hai thứ Thắng Dụng này. Đây là giải thích sự khác biệt của chúng đối với Sắc Pháp và Tâm Dị Thục, đối với Tâm và Tâm Sở Vô Phũ Vô Ký của Thức thứ tám và Tâm Nghiệp Quả Vô Ký trong Thức thứ sáu. Nguyên vì Sắc Pháp chỉ có cường thịnh thắng dụng mà không có năng duyên thắng dụng; còn Tâm Dị Thục, v.v... thì có năng duyên thắng dụng mà không có cường thịnh thắng dụng; hơn nữa không có pháp tương ứng là không có hai dụng cụ nói trên. Vì thế đều không thể trở thành Pháp Năng Huân và Chủng Tử Huân Sanh.

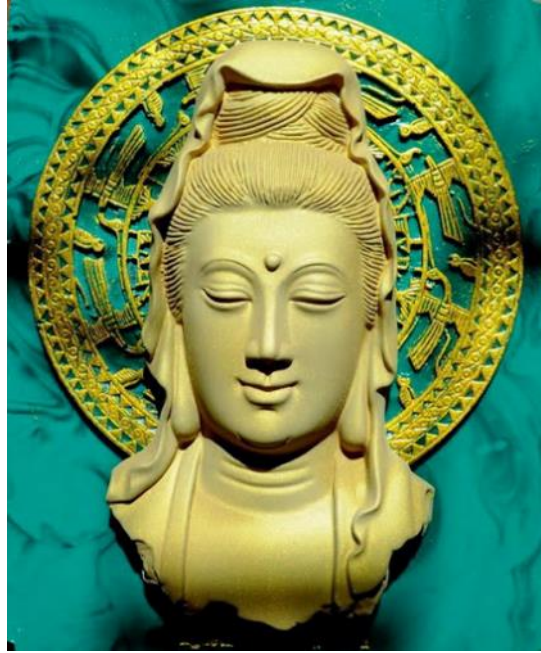
3.- Nghĩa Hữu Tăng Giảm: nghĩa là pháp này không chỉ có thắng dụng mà lại có thể tăng giảm để gieo trồng và giữ gìn tập khí, cho nên mới gọi là Năng Huân. Đây là giải thích sự khác biệt của chúng đối với pháp thiện Phật Quả, không tăng không giảm, nên không phải là năng huân.

4.- Nghĩa Hòa Hợp Cùng Với Sở Huân: nghĩa là pháp năng huân cùng với pháp sở huân cần yếu là phải đồng thời, đồng xứ, không ngay liền, không ly cách thì chủng tử mới có thể huân sanh. Đây là giải thích sự khác biệt của chúng đối với tha thân và sát na trước sau.

Sự kết quả từ nơi phán đoán của bốn nghĩa nói trên, chỉ có bảy Chuyển Thức và Tâm Sở tương ứng của chúng thì mới đúng là Năng Huân, ngoài ra các pháp khác đều không phải thế. Bảy Chuyển Thức của năng huân cùng với Thức Dị Thục của sở huân khi sanh khởi thì cùng sanh và khi diệt thì cùng diệt. Ý nghĩa của huân tập nơi sự thành tựu thì giống nhau. Đây mới có thể khiến chủng tử Thức Dị Thục sở huân nhờ đó mà sanh trưởng, cho nên gọi chúng là huân tập.

PHẦN V: SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA CHỦNG TỬ

Ở trước chúng ta bàn đến chủng tử là danh xưng riêng biệt của Thức và Thức là danh xưng chung của chủng tử. Nhân đây sự chuyển biến của chủng tử cũng gọi là Thức Chuyển Hóa, đây là



thuyết minh quá trình chủng tử sanh khởi hiện hành.

Sự quan hệ tình hình chuyển biến của chủng tử, xưa nay đối với những bài pháp được dịch của văn Tụng có chỗ sai biệt nhau; Ngài Huyền Trang dịch là: "Năng Biến đây có ba, gọi là Dị Thục, Tư Lương và Liễu Biệt Cảnh." Nhưng Hoắc Thao Hối căn cứ nơi Tam Thập Duy Thức của ngài An Huệ giải thích rằng: "Chuyển Hóa đây có ba, gọi là Dị Thục, Tư Lương và Cảnh Chi Biểu Biệt." (Chú thích 14).

Từ hai bài Tụng đây xem ra rất rõ ràng có hai điểm sai biệt nhau, tức là "Năng Biến" và "Chuyển Hóa" cho đến Liễu Biệt Cảnh Thức" và "Cảnh Chi Biểu Biệt". Trước đã thiên trọng chiều hướng chủ quan, tức là

"Năng Biến" "Năng Liễu", sau đó thiên trọng chiều hướng tĩnh lặng của khách quan, tức là "Chuyển Hóa" "Biểu Biệt". Nay nêu ra sự sai biệt của hai điểm trên đối với văn Tụng để giải thích:

Thành Duy Thức Luận giải thích: "Chỗ biến tướng của Thức, mặc dù có vô lượng chủng loại; nhưng Thức Năng Biến, phân loại riêng biệt chỉ có ba thứ: một là Dị Thục, hai là Tư Lương, ba là Liễu Biệt Cảnh. Ba thứ đây đều gọi chung là Năng Biến. Năng Biến cũng có hai loại: một là Nhân Năng Biến, nghĩa là hai Nhân Đăng Lưu Tập Khí và Nhân Dị Thục trong Thức thứ tám. Đăng Lưu Tập Khí là do huân tập thiện, ác, vô ký trong bảy Thức khiến sanh trưởng; hai là Quả Năng Biến, nghĩa là hai loại năng lực tập khí ở trước [Nhân Đăng Lưu và Nhân Dị Thục] nhờ có tám Thức mới phát sanh và hiện ra các thứ Tướng." (Chú thích 15).

An Huệ Tam Thập Duy Thức giải thích: "Nương nơi đây (Thức chuyển hóa) thì có ngã, v.v... được thiết lập và có pháp, v.v... được thiết lập. Lại nữa, (Thức chuyển hóa) đây lại có tánh nhân và tánh quả không giống nhau. Tánh Nhân chuyển hóa trong đây tức là Dị Thục Tập Khí và Đăng Lưu Tập Khí trong Thức A Lại Da tăng trưởng. Còn Tánh Quả chuyển hóa tức là khi Túc Nghiệp [nghiệp kiếp trước] đã được viên mãn, do nơi sự hoạt động của Dị Thục Tập Khí khiến Thức A Lại Da từ trong Chủng Đồng Phần [tánh đồng loại] sanh ra. Sau đó do nơi sự hoạt động của Đăng Lưu Tập Khí khiến các Chuyển Thức và Ý nhiễm ô cũng từ trong Thức A Lại Da (sai biệt) mà sanh ra." (Chú thích 16).

Duy Thức Thuật Ký đối với Thành Duy Thức Luận có đoạn giải thích rằng, xưa nay có chỗ phê bình (Thấy trong An Huệ Tam Thập Duy Thức Thích quyển 36 linh 3, trang 8) là đây nói không rườm rà. Tôi nay trích đoạn chỗ yếu điểm để thảo luận và dung hòa ý kiến trên của hai nhà về biến.

Khi tánh chủng tử vô ký đã thành thực còn ở

trong tám Thức, do nghiệp lực thúc đẩy khiến nó xuất hiện ngã tướng (ngã đẳng thi thiết) năng tri, năng duyên và pháp tướng (pháp đẳng thi thiết) sở tri, sở duyên. Nguyên lý của chủng tử chuyển biến đây có thể phân thành Nhân Tánh và Quả Tánh để thuyết minh; từ Nhân Tánh mà xem, có Nhân Dị Thục, có Nhân đồng loại. Từ Quả Tánh mà xem, có Quả Dị Thục, có Quả Đẳng Lưu. Nhân đồng loại tức là Tập Khí Đẳng Lưu, cũng tức là chủng tử Danh Ngôn, nó hình thành là do hoạt động thiện, ác, vô ký, v.v... của bảy Thức trước huân tập nơi Thức A Lại Da khiến cho sanh trưởng. Chủng tử Danh Ngôn tức là tri thức, là năng lực chuyên môn, đều là quả chiêu cảm của nó và cũng gọi là Quả Đẳng Lưu, chọn lấy Ý tương tục của nó làm Tướng nhân quả, v.v... Tất cả ngay lập tức còn có chọn lấy Tập Khí Đẳng Lưu làm Nhân để chuyển biến thành hiện hành, cho nên gọi là Chuyển Hóa và Tập Khí Đẳng Lưu mới là thân nhân của tất cả pháp.

Nhân Dị Thục tức là Tập Khí Dị Thục và cũng chính là chủng tử Nghiệp. Nó hình thành là do sự hoạt động thiện, ác hữu lậu của sáu Thức trước đã được huân tập nơi trong Thức A Lại Da và khiến nó sanh trưởng. Chủng tử Nghiệp là chỉ cho phẩm đức, là tiết tháo gìn giữ và quả của nó chiêu cảm tức là Quả Dị Thục, nằm lấy ý của nó phải trải qua biến dị để thành thực. Quả báo của nó bất luận là khổ cũng tốt, là vui cũng tốt, đều là tánh vô ký. Quả báo khi xuất hiện thì Nhân lại theo nó mà tiêu diệt, tất cả đều không tương tục, cho nên nó chỉ có thể làm Tăng Thượng Duyên cho chủng tử Danh Ngôn tương tục mà thôi. Quả Dị Thục có thể phân làm hai: Tổng Báo và Biệt Báo; Tổng Báo là quả báo chung kỳ hạn cho một sanh mạng, do nơi "Nghiệp lực dẫn dắt báo thù", từ vô thì đến nay liên tục không dứt, nên gọi là "Dị Thục". Biệt Báo là thân thể mạnh yếu, thọ mạng dài ngắn, giàu nghèo, sang hèn, v.v... nên gọi là "Mãn nghiệp báo thù", nguyên vì nó có gián đoạn từ khi dị thục sanh khởi, cho nên chỉ có thể gọi là "Dị Thục Sanh."

(còn tiếp)



HƯƠNG TRẦN

(Thủ nhất tự - Bát vĩ đồng âm
– Ngũ độ thanh)

*Lá rọi xanh đồng tỏa ngõ sân,
Lòng vui chẳng động lắng hương trần.
Len vào cửa tĩnh càng vô tận,
Lóng mở thời an sẽ lộng ngân.
Lặng lặng am thiền soi trí lẫn,
Lầm than cõi thế dụng tâm cần.
Lần ra nẻo khổ sao buồn phận,
Lý sự tu tròn hiểu nghĩa chân.*

PHƯỢNG HỒNG

(Đôi họa /
Thủ nhất tự - Bát vĩ đồng âm
– Ngũ độ thanh)

*Phượng thắm chưa về tỏa ngõ sân,
Phân ta sợ mãi dáng vai trần.
Phờ duyên nổi nhớ dài không tận,
Phải dạ tình trông rồi đã ngân.
Phốt bệnh... lười mơ thành chảnh lẫn,
Phòng đau... giám lụy biết đang cần.
Phù dung mấy nẻo buồn than phận,
Phá được ngây lòng tỏ ngưỡng chân.*

thơ MINH ĐẠO

DUYÊN KHỞI VÀ Ý NGHĨA CỦA KIẾT HẠ AN CƯ

HT Thích Trí Thủ

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



HT Thích Trí Thủ (1909 – 1984)

Theo luật Tứ phần[1] duyên khởi của Đức Phật qui định mùa an cư của chúng tỳ kheo xảy ra khi Ngài đang trú tại Xá Vê, trong vườn của Ông Cấp Cô Độc. Nguyên do của việc chế định này là bởi vì sự than phiền của các người cư sĩ đối với nhóm 6 tỳ kheo. Nhóm 6 tỳ kheo này thường du hành trong dân gian bất cứ vào mùa nào. Khi mùa mưa đến, họ dẫm đạp chết vô số côn trùng. Các cư sĩ than phiền rằng những tu sĩ ngoài đạo hằng năm vẫn có 3 tháng cố định tại một chỗ, ngay đến các loại cầm thú vẫn còn có mùa trú ẩn của chúng, huống chi những người Sa môn Thích tử lại không biết nghỉ chân vào mùa mưa, trái lại du hành bất cứ mùa nào. Đức Phật hay biết sự này, và Ngài đã khiển trách nhóm tỳ kheo 6 người ấy.

Ở đây, chúng ta có thể rút ra hai nhận xét. Thứ nhất sự than phiền của các cư sĩ chứng tỏ rằng an cư mùa mưa đã trở thành tục lệ chung cho mọi tu sĩ của các giáo phái tôn giáo thời bấy giờ. Các tỳ kheo do bởi không chấp hành tục lệ này nên bị các cư sĩ chỉ trích. Thứ hai, sự khiển trách của Đức Phật chứng tỏ rằng mặc dù trước đó Ngài chưa qui định việc an cư mùa mưa, nhưng các thánh tăng hay các tỳ kheo sống tri túc và tri luật nghiêm chỉnh đều không đi lang thang trong các tháng mùa mưa. Như vậy, sự ấn định ba tháng an cư mùa mưa của Phật là hợp pháp hóa một thông lệ hay một tập tục đã được chấp hành một cách tự nhiên giữ các tỳ kheo nói riêng, và cũng chung cho mọi tu sĩ của các giáo phái ngoài đạo Phật đương thời.

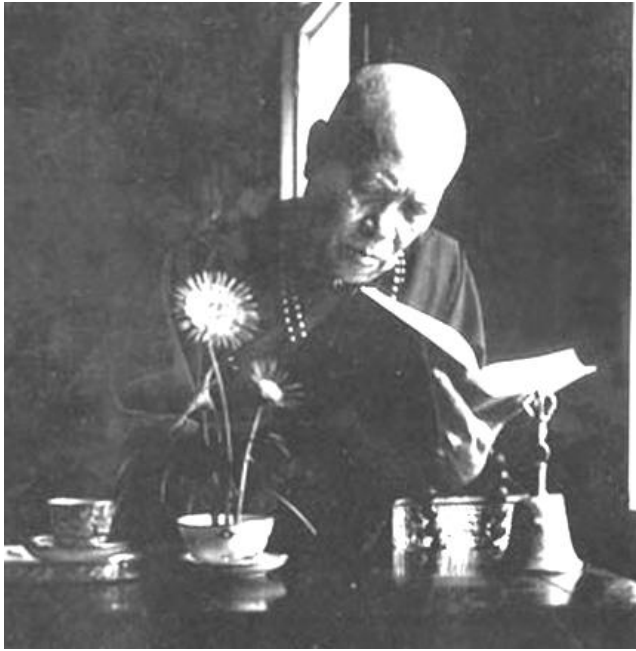
Tuy nhiên, xét theo thực tế, hành trì của giáo đoàn tăng lữ về việc an cư mùa mưa, thì sự an cư này không chỉ giới hạn bởi sự việc đi lại gây tổn

hại cho các sâu bọ và các thứ cây cỏ sinh trưởng nhiều trong mùa mưa. Tham khảo thêm trong các kinh điển, chúng ta sẽ thấy việc an cư còn có những mục đích khác hơn thế nữa.

Trước hết, một đoạn ngắn trong kinh Điển Tôn [2] có ghi sự kiện như vậy. Đức Phật kể lại một câu chuyện quá khứ. Trong một tiền kiếp xa xưa, lúc đức Thích Tôn còn hành Bồ Tát đạo. Bấy giờ ngài thọ anh làm vị đại thần có tên là Điển Tôn. Vị đại thần này được mọi người tôn kính, cho rằng là đã từng thấy Phạm Thiên. Nhưng thực tế thì Điển Tôn chưa từng thấy Phạm Thiên. Điển Tôn tự suy nghĩ rằng, theo truyền thuyết các bậc tôn túc nói lại, nếu ai tu tập 4 vô lượng tâm trong suốt 4 tháng mùa mưa sẽ được diện kiến với Phạm Thiên. Do vậy, đại thần Điển Tôn xin phép nhà vua được nghỉ ngơi để có thể tu tập 4 vô lượng tâm trong suốt 4 tháng mùa mưa. Sau 4 tháng, quả nhiên Điển Tôn được hội kiến với hình đồng Phạm Thiên, và được Phạm Thiên đích thân giảng giải đạo lý cho.

Câu chuyện kể như vậy chứng tỏ việc an cư cố định tại một chỗ để tu tập vào mùa mưa là một quan niệm đã có từ xưa, trước thời Đức Thích Tôn rất lâu xa. Cho nên, việc an cư, hạn chế sự đi lại trong mùa mưa, không chỉ vì tránh dẫm đạp vào côn trùng và cây cỏ, mà mùa mưa còn được quan niệm từ xa xưa là thời gian thích hợp nhất cho sự tu tập để có những tiến bộ tâm linh đáng kể. Chính do điều này mà kinh Chánh pháp niệm xứ nói rằng vào thời kỳ an cư mùa mưa các tỳ kheo ngoại trừ các việc đi lại và tiểu tiện, còn lại thường xuyên phải ngồi kiết già tại một chỗ để tu tập thiền định[3].

Ngoài ra, sự an cư mùa mưa còn có một ý nghĩa quan trọng khác nữa. Đó là biểu hiện cho tinh thần sống chung hòa hợp của cộng đồng Tăng lữ tại một trú xứ. Điều này được thấy rõ trong luật Tứ phần[4]. Lúc bấy giờ Đức Thích Tôn trú tại Xá Vê, trong vườn Cấp Cô Độc. Sau 3 tháng an cư mùa mưa, một số đồng các tỳ kheo ở Câu Tát La đến hầu thăm Ngài. Đức Thế Tôn theo thông lệ hỏi thăm đời sống của họ như thế nào trong ba tháng an cư. Họ trình bày với Ngài sinh hoạt thường nhật của họ. Theo đó, các tỳ kheo này giao ước với nhau trong suốt mùa an cư rằng không ai nói chuyện với ai bất cứ điều gì. Nếu có những việc cần thiết mà người này cần đến sự giúp đỡ của người khác thì chỉ được phép ra dấu chứ không được phép nói. Sinh hoạt này cũng thường xảy ra giữa các nhóm tỳ kheo và được biết nhiều nhất là nhóm 3 tỳ kheo dòng họ Thích gồm Tôn Giả – A Na Luật – tôn giả Nan Đề – và tôn giả Kim Tỳ La. Các tỳ kheo khi thì ở Bát Na Nạn Xá[5], khi thì ở



Sa Kê Đế[6] và luôn luôn được Phật khen ngợi. Nhưng trong trường hợp các tỳ kheo ở Câu Tát La này, thay vì được khen ngợi, đã bị Đức Thế Tôn khiển trách. Ngài nói các tỳ kheo này là những người ngu si, sống chung như vậy là khổ nhưng lại tưởng là an lạc, chẳng khác nào những kẻ thù cùng sống trong một trú xứ. Nhiệm vụ của các tỳ kheo sống chung là phải giáo giới lẫn nhau, chỉ điểm và sách tấn nhau, chứ không thể sống như những người câm với nhau.

Cùng một lẽ lối sinh hoạt, nhưng có trường hợp Phật khen ngợi, có trường hợp bị Ngài khiển trách, ấy là thế nào? Đức Phật luôn luôn ca ngợi đời sống trầm lặng của các tỳ kheo, sống xa lánh những nơi ồn ào náo nhiệt. Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa rằng một tỳ kheo nên sống cách biệt ngoài cộng đồng Tăng lữ. Sống chung và hòa hợp trong cuộc sống thánh thiện cao cả, giáo giới và sách tấn lẫn nhau, đó là sinh mệnh của Tăng đoàn. Đời sống của một tỳ kheo là sống không gia đình không có định vĩnh viễn tại một trú xứ nào, nhưng các tỳ kheo được nối kết nhau thành một cộng đồng thống nhất bằng giới bốn mà họ phải cùng nhau hòa hiệp để tụng đọc trong mỗi nửa tháng. Và sự hòa hiệp ấy được củng cố bằng ba tháng an cư vào mùa mưa.

Như vậy, an cư mùa mưa không phải đơn giản chỉ có nghĩa là hạn chế sự đi lại của các tỳ kheo để tránh tổn thương các sinh vật bé nhỏ và các thứ cây cỏ non. Trong lịch sử phát triển của đạo Phật sinh hoạt an cư kiết hạ là một nhân tố tích cực để các đệ tử tại gia có điều kiện thuận tiện tham gia vào sự nghiệp củng cố và phát triển giáo đoàn tăng lữ. Tăng đoàn thanh tịnh và hòa hiệp là tiêu biểu của sức sống cụ thể của giáo pháp mà Đức Thích Tôn đã từng giảng dạy. Đó cũng là nơi nương tựa tinh thần vững chắc, và là niềm tin chân chính cho những người tại gia sống giữa cuộc đời hỗn tạp, đầy những hận thù và tranh chấp.

Một Phật tử tại gia, có niềm tin thuần tịnh trong sáng đối với Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới luôn luôn được ghi nhận với 4 đức tính:

- Thân cận thiện sĩ,
- Học hỏi Chánh pháp,
- Suy nghĩ sâu sắc những điều mới học hỏi, và
- Hành trì những điều đã được chiêm nghiệm.

Trong 4 đức tính ấy, đức tính thứ nhất, thân cận thiện sĩ, tức gần gũi các bậc thiện tri thức, những bậc đạo cao đức trọng. Mỗi năm, vào mùa mưa, khi các tỳ kheo tạm thời dừng chân tại một trú xứ, thì đây là thời gian mà những người tại gia có điều kiện thích hợp nhất để thường xuyên gần gũi các bậc thiện sĩ học hỏi chánh pháp. Do thế, họ có thể phát huy các đức tính đặc trưng của một Phật tử tại gia có niềm tin thuần tịnh đối với Chánh pháp.

Trong thời gian đức Thế Tôn còn tại thế, các Phật tử tại gia hoặc tự lực cá nhân nếu có đủ điều kiện, hoặc những người thân thuộc nhau hoặc những người cùng sống trong một làng, một thành phố, hợp tác nhau thỉnh các tỳ kheo về tại trú xứ của mình an cư kiết hạ, và hỗ trợ các tỳ kheo các nhu cầu cần thiết để các Ngài có điều kiện thuận tiện cho sự tu tập suốt trong ba tháng mùa mưa. Các truyền ký của Phật giáo thuộc các nền văn học bàng sanh và bàng duyên thường ghi nhận có nhiều tỳ kheo đã chứng đắc quả A La Hán trong thời gian an cư này, nhờ sự hỗ trợ của các cư sĩ về các nhu cầu hằng ngày.

Một cộng đồng thanh tịnh và hòa hiệp, cùng học và cùng tu như sữa với nước vậy, quả là niềm tin và hy vọng cho con người sống giữa cảnh đời náo nhiệt, và nó chứng tỏ rằng Chánh pháp mà Đức Thích Tôn đã giảng thuyết, nếu được thực hành một cách trọn vẹn, sẽ là cơ sở cho một thế giới an lành. Đây là điều mà vua Ba Tư Nặc đã bày tỏ với đức Thế Tôn về niềm tin của mình đối với Chánh pháp được Thế Tôn giảng dạy và chúng đệ tử thực hành trọn vẹn[7].

Nói tóm lại, duyên khởi của sự an cư kiết hạ, của chúng tỳ kheo dù đơn giản được nói là do Đức Thế Tôn tùy thuận theo ước muốn của các đệ tử tại gia, nhưng trong ý nghĩa sâu xa thì nó là sinh mạng tồn tại của chánh pháp được duy trì bằng đời sống thanh tịnh và hòa hiệp của cộng đồng Tăng lữ. Chừng nào chúng tỳ kheo còn nhiệt thành trong phận sự an cư 3 tháng thì bấy giờ chánh pháp vẫn còn là sức sống phong phú để loài người làm nơi quy ngưỡng và xây dựng một thế giới an lành.

[1] Tứ phần luật 37, An cư ký đệ (Đại 22, tr. 630b)

[2] Trường A Hàm 5 (Đại 1, tr. 32b)

[3] Dẫn bởi Tứ phần luật san phiên bổ khuyết hành sự sao, Thượng 4 (Đại 40, tr. 58a)

[4] Tứ phần luật 37, Tự Tứ Kiên Độ (Đại 22, tr. 637c)

[5] Trung A Hàm 17, Trường Thọ Vương Bản Khởi (Đại 1, tr. 536a)

[6] Trung A Hàm 18, Sa Kê Đế Tam Mộc Tánh Từ (Đại 1, tr. 544b)

[7] Trung A Hàm 59, Kinh Pháp Trang Nghiêm (Đại 1, tr. 795b)

PHẬT TÁNH

Nguyễn Thế Đăng

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Kinh Đại Bát Niết Bàn do ngài Đàm Vô Sấm (385 - 433) một cao tăng Ấn Độ mang qua Trung Hoa và dịch sang tiếng Hán. Kinh này cũng được ngài Pháp Hiển (sinh năm 340) đi qua Ấn Độ thỉnh về Trung Hoa và dịch, nhưng không đầy đủ bằng bản của ngài Đàm Vô Sấm.

"Tất cả chúng ta đều có Phật tánh," câu này được nhắc rất nhiều lần trong Kinh. Đó cũng là chủ đề của Kinh. Dùng chữ của Kinh Pháp Hoa, thì Kinh Đại Bát Niết Bàn là sự Khai Thị Ngộ Nhập Phật tánh mà mỗi chúng sanh vốn có.

Trước khi nói đến Phật tánh, Kinh giảng về thân Như Lai thường trụ:

"*Thân Như Lai là thân thường trụ, thân kim cương, chẳng phải thân do sự ăn uống mà thành, chính là Pháp thân. Thân Như Lai chẳng sanh chẳng diệt, không có sự tu tập, vô lượng vô biên, không có dấu vết, không thể thấy biết, rốt ráo thanh tịnh, không có lay động, không có thọ nhận không có hành động, chẳng trụ chẳng làm, chẳng phải hữu vi, chẳng phải nghiệp chẳng phải quả, chẳng phải hành chẳng phải diệt, chẳng phải tâm chẳng phải tâm sở, chẳng thể nghĩ bàn, thường trụ chẳng thể nghĩ bàn, không có thức, lìa tâm cũng chẳng phải lìa tâm*" (Phẩm Kim Cương Thân).

Kinh lần đầu tiên nói "tất cả chúng sanh đều có Phật tánh" trong đoạn sau:

"*Nếu có chúng sanh ở nơi chư Phật nhiều như số cát tám sông Hằng mà phát tâm Bồ đề, rồi mới có thể ở trong đời xấu ác mà chẳng phi báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, cũng khuyên người khác biên chép. Tự mình có thể nghe nhận, cũng khuyên người khác được nghe nhận, đọc tụng thông hiểu, ủng hộ kiên trì, vì thường xót chúng sanh thế gian mà cúng dường kinh này, lại khuyên người khác khiến họ cúng dường, cung kính, tôn trọng, đọc tụng, lễ bái cũng lại đầy đủ như vậy.*"

Có thể giảng giải thấu suốt ý nghĩa của nó, đó là: Như Lai thường trụ bất biến, rốt ráo an lạc. Nói rộng ý nghĩa của nó, tức là: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Khéo biết pháp tạng vốn có của Như Lai, cúng dường chư Phật vô số như vậy rồi, kiến lập vô thượng chánh pháp như vậy và thọ trì, ủng hộ." (Phẩm Như Lai Tánh).

"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh," đó là pháp tạng vốn có của Như Lai, đó là chánh pháp vô thượng mà tất cả chúng sanh cần tin nhận, đọc tụng thông hiểu, thọ trì, ủng hộ.

Tóm lại, mỗi chúng ta cần tin nhận Phật tánh hiện có nơi chính mình, đọc tụng thông hiểu, thọ trì ủng hộ Phật tánh này, được giảng giải trong Kinh và được Đức Phật khai thị và nói rõ những phương pháp thực hành để nó hoàn toàn hiển lộ như ở chư Phật.

"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh" là tiếng rống của sư tử giữa chúng sanh. Đức Phật thường được ví như sư tử, và lời thuyết pháp của ngài như tiếng rống sư tử, xé nát tâm thức vô minh của chúng ta.

"*Thiên nam tử! Như Lai chánh giác, trí huệ như nanh vuốt, Bốn như ý túc là chân, Sáu ba la mật là thân đầy đủ, Mười lực hùng mạnh, Đại bi là đuôi, an trụ Bốn thiền là hàng động thanh tịnh, vì các chúng sanh mà phát tiếng sư tử rống, phá dẹp quân ma, chỉ bày cho đại chúng Mười lực, khai bày chỗ hành của Phật, vì các*

chúng sanh tà kiến mà làm chỗ quy y, an ủi vỗ về chúng sanh sợ hãi trong sanh tử, giác ngộ những chúng sanh vô minh ngủ mê... nên phát tiếng rống sư tử.

Tiếng rống sư tử là nói một cách quyết định: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh; Như Lai là thường trụ, không có biến đổi, sai khác." (Phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống)

Tiếng rống sư tử đó cho chúng ta niềm tin quyết định, như Kinh Phạm Võng Bồ tát giới nói:

*"Đại chúng nên tin chắc
Các người là Phật sẽ thành
Ta là Phật đã thành
Thường tin được như vậy
Thì giới phẩm đã trọn đủ."*

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, và chúng sanh cùng với Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều đồng nhất một Phật tánh. Phật tánh thông suốt cả thánh lẫn phàm:

"*Thiên nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát cũng vậy, thầy đều đồng một Phật tánh, như sữa kia vậy. Tại sao thế? Vì đồng hết sạch phiền não. Những người phàm phu có lòng nghi đối với Ba Thừa: tại sao không khác nhau? Các chúng sanh ấy lâu về sau mới tự hiểu rằng cả ba thừa đồng một Phật tánh, như người kia tình ngộ hiểu*



ra rằng các tướng khác nhau của sữa (váng sữa, lạc, để hồ...) là do nhân duyên nghiệp báo.

Thiền nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát cũng thế, đều thành tựu được một Phật tánh đồng nhất. Vì sao thế? Vì dứt trừ phiền não như khoảng vàng kia trừ bỏ những chất cặn bẩn. Vì nghĩa ấy nên tất cả chúng sanh đồng nhất Phật tánh, chẳng có chút gì sai khác". (Phẩm Như Lai tánh)

Phật tánh ấy "sẵn có" nơi tất cả mọi chúng sanh:

"Thiền nam tử! Phật tánh của chúng sanh lại cũng như vậy. Tất cả chúng sanh chẳng thể thấy được, như kho báu của mình mà người đàn bà nghèo khổ kia chẳng có hay biết.

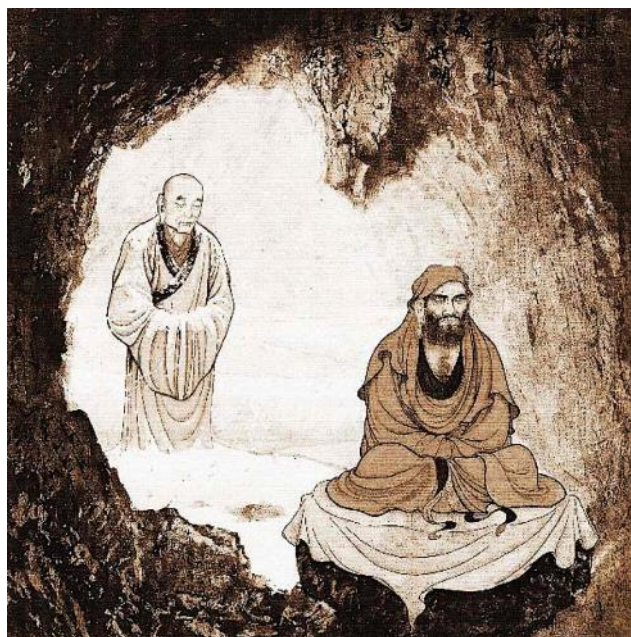
Thiền nam tử! Nay ta chỉ bày khắp hết thấy chúng sanh vốn sẵn có Phật tánh, chỉ vì bị các phiền não che lấp, như người nghèo khổ kia sẵn có kho tàng vàng ròng nhưng không thể thấy. Ngày nay Như Lai chỉ khắp cho chúng sanh kho báu tánh giác của họ, đó là Phật tánh. Các chúng sanh thấy Phật tánh rồi, tâm sanh hoan hỷ, quy ngưỡng Như Lai. Người đàn bà nghèo khổ ấy là tất cả vô lượng chúng sanh. Kho vàng ròng ấy tức là Phật tánh" (Phẩm Như Lai tánh).

"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh", đó là điểm khởi đầu, là nền tảng của con đường "kiến lập vô thượng chánh pháp" của đạo Phật. Con đường ấy dành cho tất cả chúng sanh, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, vì "cả ba thừa đều đồng một Phật tánh". Và đích đến, hay quả, là "Như Lai là thường trụ, không có biến đổi, sai khác".

Tất cả mọi con đường, mọi tông phái đều khởi từ Phật tánh, đi trong Phật tánh, để đạt đến Phật tánh hiển lộ hoàn toàn. Hai dòng phái Thiền đầu tiên của Việt Nam từ Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi (thế kỷ thứ 6) và Tổ Vô Ngôn Thông (thế kỷ thứ 8) cũng đi trong con đường Phật tánh này.

Bài kệ của Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi:

Tâm ẩn chư Phật
Tất không lừa dối
Tròn đồng thái hư
Không thiếu không dư
Không đi không đến
Không được không mất
Chẳng một chẳng khác
Chẳng thường chẳng đoạn
Vốn không chỗ sanh
Cũng không chỗ diệt
Cũng chẳng lìa xa
Chẳng không lìa xa
Vì đối vọng duyên
Nên giả lập tên.
Bởi thế chư Phật ba đời
Cũng do như thế
Tổ sư nhiều đời
Cũng do như thế mà đắc
Ta cũng do như thế mà đắc
Người cũng do như thế mà đắc
Cho nên hữu tình vô tình
Đều do như thế mà đắc.
Vả, Tổ ta Xán công
Khi ẩn cho ta tâm này
Bảo ta mau Nam hành hóa
Không nên ở đây lâu
Trải qua nhiều nơi
Nay gặp người đây
Hợp lời huyền ký.



*Người khéo giữ gìn nó
Giờ đi của ta đã đến.*

"Do như thế mà đắc" là do Phật tánh mà đắc.
"Khéo giữ gìn nó" là khéo giữ gìn, hộ trì Phật tánh.

Bài kệ của Tổ Vô Ngôn Thông:

Các nơi đồn đại
Dối tự lưu truyền
Rằng thủy tổ ta
Gốc từ Tây Thiên
Truyền pháp nhãn tạng
Gọi đó là Thiền
Một hoa năm cánh
Hạt giống liền miên.
Thầm hợp lời mật
Muôn ngàn có duyên
Đều gọi tâm tông
Thanh tịnh bản nhiên.
Tây thiên cõi này
Cõi này Tây Thiên
Xưa nay nhật nguyệt
Xưa nay sơn xuyên.
Chạm đến thành trệ
Phật, Tổ thành oan
Sai nó mấy may
Mất nó trăm ngàn.
Người khéo quán sát
Chớ lừa cháu con
Nếu hỏi ta đây
Ta vốn vô ngôn.

"Pháp nhãn tạng" là "kho tàng con mắt pháp", kho tàng (tạng) này là "pháp tạng" của Kinh đã trích ở trên. Trong Kinh thường nói "đắc pháp nhãn tịnh", được con mắt pháp thanh tịnh, để chỉ những vị thấy được "pháp tạng". Thiền được gọi là "tâm tông", nghĩa là tìm thấy Phật tánh ở ngay trong tâm mình. "Sai nó mấy may, mất nó trăm ngàn": Nó ở đây là Phật tánh.

Mục đích của Thiền là "thấy tánh", và sống, tương ứng với tánh ấy cho đến mức trọn vẹn. Thấy tánh là thấy Phật tánh vậy.

CON ĐƯỜNG VIÊN DUNG (THE O PATH)

*Sống Hòa bình và Từ bi để giải quyết
các vấn đề của nhân loại*



Tiến sĩ Bạch Xuân Phê, EdD
Chùa Kim Quang và
Sáng lập công ty C. Mindfulness

Tiến sĩ W. Edward Bureau, PhD
Phó giáo sư lâm sàng đã nghỉ hưu,
Đại học Drexel



ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

*"Sống 24 giờ trong tình thức đáng giá hơn sống
100 năm mà không có nó." - Đức Phật*

Chúng tôi tin rằng việc tạo ra các cộng đồng hòa bình và hợp tác có thể giúp chúng ta vượt qua những khác biệt và tranh chấp, cho dù những tranh chấp đó là ở cộng đồng địa phương, quốc gia hay quốc tế. Với vai trò là thành viên cộng đồng toàn cầu, chúng ta phải hợp tác giải quyết các vấn đề quốc tế cấp bách về sức khỏe, nghèo đói, môi trường và bất bình đẳng - dưới mọi hình thức. Cùng nhau, chúng ta có thể tạo ra các xã hội quan tâm, tìm kiếm lợi ích chung cho tất cả mọi người và tạo ra hạnh phúc, hòa nhập và hòa hợp.

Liên quan đến các vấn đề quốc tế và nhân loại, chúng ta nhớ về lời nhắc nhở của Thầy Thích Nhất Hạnh: *"Thế kỷ XXI có trở thành thế kỷ tâm linh hay không tùy thuộc vào năng lực xây dựng cộng đồng của chúng ta. Nếu không có cộng đồng, chúng ta sẽ trở thành nạn nhân của sự tuyệt vọng. Chúng ta cần nhau. Chúng ta cần tập hợp lại, tập hợp trí tuệ, cái nhìn sâu sắc và lòng từ bi của chúng ta."*

Suy ngẫm về sự khôn ngoan của Thầy, chúng ta tự hỏi: "Làm thế nào chúng ta có thể đến với nhau để tạo ra hy vọng và công ích?" Chắc chắn, chúng ta có thể suy đoán và tranh luận về điều đó không ngừng, nhưng các vấn đề hiện tại mà con người đang đối mặt đang kêu gọi chúng ta tương tác và chuyển hoá vấn đề xã hội một cách có định hướng, có hiệu quả và tuyến tính như các nhà lãnh đạo - theo phương thức "con người của mọi hành động." *Con đường viên dung* cung cấp cho chúng ta một quá trình trở thành "con người của sự tỉnh thức", khi chúng ta cùng hành động vì hòa bình và với lòng từ bi, trắc ẩn - là hai điều cơ bản để giải quyết những khủng hoảng của loài người chúng ta.

Con đường viên dung tạo ra sự bình đẳng trong vai trò và tương tác giữa chúng ta. Như vậy, nó trái ngược với các mô hình phân cấp điển hình của các tổ chức với các nhà lãnh đạo ở trên cùng và một dòng người theo hình tháp xuống phía dưới. Thêm một phương thức lãnh đạo phân tán, *Con đường viên dung* tạo ra các mô hình thu nhỏ

của "con người của mọi hành động" và "con người của sự tỉnh thức". Trong khi thực sự có những việc "phải làm", để biến đổi các vấn đề của con người, cá nhân và tập thể, chúng ta cần phải nuôi dưỡng lòng từ bi và hòa bình trong bản thân và lẫn nhau. Quá trình nuôi dưỡng vì lợi ích chung đang diễn ra và là trọng tâm của việc đi theo "Con đường viên dung", trong đó biểu hiện là giải quyết các vấn đề chung của chúng ta.

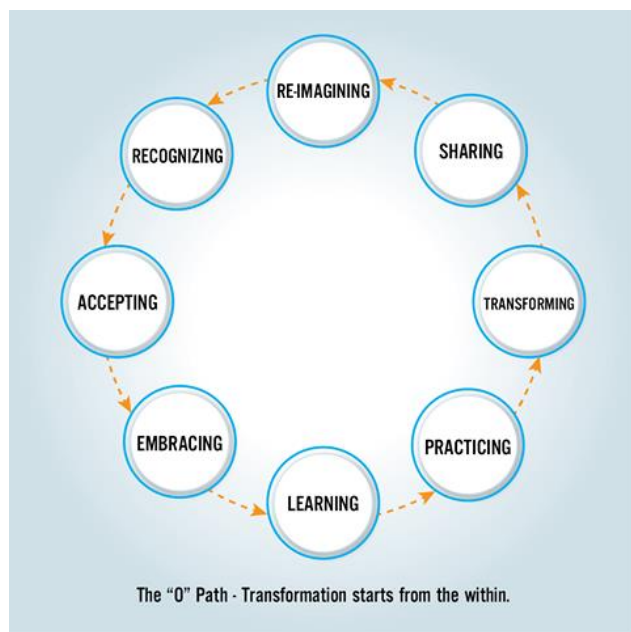
Thông thường, các nhà lãnh đạo phân cấp tin rằng khi một thứ gì đó được duy trì, nó đã đạt đến trạng thái tĩnh và sẽ tiếp tục ở trạng thái đó theo thời gian. Các nhà lãnh đạo và những người trong một hệ thống có thể cố gắng nắm bắt và giữ một kết quả cuối cùng, chỉ để thấy nó bị trượt đi. Với một sự trượt dài như vậy, "sự tiến bộ" của con người trở nên viễn vông. Cố gắng giữ tiến độ tĩnh cũng giống như cố gắng nắm bắt ngọn gió. Nếu chúng ta điều chỉnh lại và suy nghĩ lại về sự tiến bộ, chúng ta có thể biết nó là vô thường và có mối liên hệ với nhau với các hiện tượng và lực lượng khác. Để chấp nhận một quan niệm năng động về sự tiến bộ của con người, chúng ta cần sống trong hòa bình và từ bi, cả hai đều là điều kiện cơ bản để cộng tác với những người khác nhằm tạo ra và duy trì công ích.

Ví dụ, hòa bình bền vững tự neo mình trong chánh niệm, sự có mặt trọn vẹn của giây phút hiện tại-bây giờ và ở đây, con người và các mô hình thu nhỏ mà chúng ta đang tồn tại. Thay vì tồn tại như một trạng thái tĩnh, hòa bình là hữu cơ và năng động, tự nó chảy quanh những mơ hồ của "sự không hòa bình". Như vậy, trong chánh niệm, chúng ta thực hành tỉnh thức an lạc, giúp sự thực tập hiển lộ mỗi ngày. Làm như vậy là mầm mống để từ đó các hệ thống và hoàn cảnh có thể duy trì hòa bình. Tương tự và đồng thời, chúng ta thực hành và thể hiện lòng từ bi mỗi ngày.

Từ bi, lòng trắc ẩn và hòa bình có thể tồn tại lâu dài nếu chúng ta chấp nhận rằng chúng không có sự bắt đầu hay kết thúc. Chúng là những hiện tượng năng động và hữu cơ, chảy qua thời gian và bối cảnh của con người. Biết được điều đó, chúng ta cùng nhau tạo ra và tái tạo chúng thông qua các quá trình của *Con đường viên dung*. Không có

sự bắt đầu hay kết thúc, con đường ấy tạo ra một dòng chảy liên tục, một quá trình đệ quy, trong đó con người chúng ta tạo ra những tương tác nhân ái và hòa bình bền vững. Như vậy, “Con đường viên dung” không đến trạng thái tĩnh; chúng ta không “đạt được” lòng từ bi và hòa bình. Thay vào đó, chúng ta sống từ bi và hòa bình qua các giai đoạn đưa chúng ta đi theo những giai đoạn đó lại chảy ngược trở lại các giai đoạn trước hoặc sau. Chúng ta cùng nhau tồn tại trong một dòng chảy liên tục dẫn chúng ta đến việc giải quyết các nhu cầu và khủng hoảng của con người.

Tất cả chúng ta trong “hệ thống hữu cơ” đều có thể nắm bắt dòng chảy liên tục và có thể biết rằng kết thúc rõ ràng chỉ là khởi đầu mới. Chúng ta có thể biến đổi bản thân, tổ chức và xã hội của mình thông qua lòng nhân ái và hòa bình. Sống “Chữ O” là một quá trình trôi chảy vòng tròn, qua lại, thông qua các yếu tố: nhận biết, chấp nhận, chấp nhận, học hỏi, thực hành, chuyển đổi, chia sẻ, tưởng tượng lại. Khi chúng ta xem xét ý nghĩa của mỗi yếu tố, chúng ta cũng hãy xem xét cách mỗi yếu tố kết hợp với tất cả các yếu tố khác.



Hình 1: **Con đường viên dung** - Sự chuyển đổi bắt đầu từ bên trong.

Nhận thức: Đầu tiên và quan trọng nhất, chúng ta phải nhìn rõ và thấy được thực tế hiện tại như thế nào và con người/sự việc đó đang là, làm như vậy không có biên kiến, thành kiến và định kiến. Điều đó không phải là một bài tập trí óc; nó là một “trạng thái của con người” được trau dồi thông qua thực hành chánh niệm hàng ngày và nuôi dưỡng lòng từ bi. Khi “nhận thức”, chúng ta thừa nhận rằng có tồn tại các tính hai mặt và đối lập của sự việc. Tuy nhiên, chúng ta có “quan điểm bất nhị” bằng cách không đăng ký vào bên nào. Theo một nghĩa nào đó, chúng ta tiếp cận thực tại và con người từ lập trường của tánh không, bằng tâm không phân biệt.

Chấp nhận: Với nhận thức ngày càng cao và liên tục, chúng ta chấp nhận sự tương quan mật thiết – kết nối của tất cả con người với tất cả

những gì hiện có. Chúng ta chấp nhận rằng những quan điểm định kiến của chúng ta là vô thường. Thông qua sự chấp nhận, chúng ta tạo ra một tấm lòng rộng lượng lan tỏa trong suy nghĩ, lời nói và hành động của chúng ta đối với các cộng đồng vượt xa bản thân và đối lập với nhau. Đó là sự hào phóng cho phép chúng ta nói, “Tôi chấp nhận bạn vì bạn là bạn” và “chúng ta hãy đến với nhau trong những nỗ lực chuyển hoá.” Từ bi chấp nhận lẫn nhau mở ra những khả năng không lường trước được. Thông qua sự chấp nhận, chúng ta có thể tạo ra các hệ thống nhân văn và hợp lực của con người.

Ôm ấp: Thông qua thực hành chánh niệm, chúng ta hãy ôm ấp những gì đang là hoặc có thể, và thậm chí buông bỏ những gì đang có. Khi hệ thống nhân văn và hiệp lực của chúng ta xuất hiện, chúng ta phát hiện ra rằng không có gì là tuyệt đối hoặc chắc chắn. Con đường phía trước của chúng tôi, mặc dù không được xác định rõ ràng, có thể được tin tưởng bởi vì chúng ta đã chấp nhận “sự tương hỗ” của nhau - sự liên kết giữa chúng ta với tư cách là con người tôn trọng cuộc sống và cộng tác vì lợi ích chung.

Học hỏi: Với một tâm hồn và trái tim rộng mở, chúng ta học được rằng các hệ thống như sự biến chuyển của sinh thái, ở chỗ là chúng đang sinh sống và thay đổi một cách tự nhiên. Vì vậy, các hệ thống không thể được kiểm soát bởi tư cách cá nhân. Các hệ thống sống mà chúng ta cùng tạo ra và cùng tồn tại thích ứng và đa dạng hóa thông qua các mạng giống-như-web được tạo ra bằng cách chúng ta tiếp tục chấp nhận và sống thực với nhau. Chúng ta cùng nhau học cách nuôi dưỡng sự phát triển của hệ thống để đáp ứng các nhu cầu và khủng hoảng của con người.

Thực hành: Trong khi chúng ta học cách đồng phát triển hệ thống (hữu cơ - thay đổi tự nhiên), chúng ta nhận ra rằng chúng ta đang sống trong một mô hình thu nhỏ với những người khác. Sức khỏe của mô hình thu nhỏ đó phụ thuộc vào cảm nhận của cá nhân chúng ta về lòng trắc ẩn và sự tương tác với người khác. Thay vì “hành động” từ bi và hòa bình, chúng ta “hãy là” từ bi và hòa bình. “Bản thể” như vậy tự nó thể hiện từ việc thực hành hàng ngày của chúng ta riêng lẻ và / hoặc cùng nhau trong bất kỳ phương pháp nào chúng ta chọn, chẳng hạn như thiền định, chánh niệm, cầu nguyện hoặc nghi lễ. Từ cốt lõi của lòng từ bi và hòa bình, chúng ta hành hoạt, dẫn dắt và phát triển từ trong ra ngoài.

Chuyển đổi: Các quá trình *Con đường viên dung* nhận biết, chấp nhận, ôm ấp, học hỏi và thực hành có thể dẫn đến sự biến đổi của bản thân và hệ thống, với việc tạo ra các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề khó khăn. Thông qua các quy trình đệ quy này, chúng ta nhìn xa hơn những gì đang có và vào một tương lai mới nổi của những gì có thể là. Hợp lực mà chúng ta cùng tạo ra không bị ràng buộc bởi những nhị nguyên, biên kiến, thành kiến và định kiến.

Chia sẻ: Trong quá trình chuyển đổi, chúng ta tham gia vào hoạt động chia sẻ nhằm tạo ra những ý tưởng đổi mới và làm phong phú thêm các giác quan của chúng ta về sự kết nối lẫn nhau và cộng đồng của nhau. Thông qua việc chia sẻ, chúng ta tìm thấy điểm chung và tạo ra những chuyển đổi bền vững có thể giải quyết các nhu

cầu và khủng hoảng của con người.

Tái tưởng tượng:

Thay vì một điểm kết thúc cho thấy giải pháp cuối cùng của một vấn đề hoặc sự chấm dứt sự kết nối giữa chúng ta, đó chỉ mới là sự bắt đầu. Có lẽ chúng ta đã tạo ra một giải pháp nguyên mẫu, giải pháp này sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp hơn nữa trong quá trình thử nghiệm. Có lẽ sự hợp lực tập thể của chúng ta tiếp tục tạo ra những cách nhìn nhận các vấn đề của con người một cách khác biệt. Với sự tưởng tượng lại, chúng ta tái nhập sự nhận dạng; cùng nhau, chúng ta cuộn theo dòng chảy liên tục.

Có vẻ như vòng tròn chữ O hay *Con Đường Viên Dung* là con đường tròn dung hoà, dung thông, đã hoàn tất, không có bắt đầu hay kết thúc, nhưng chúng ta có thể chọn một điểm trong vòng tròn dung hợp như sự bắt đầu. Chữ viên dung cũng có thể là sự dung hợp, là dung hòa với nhau trong một thể thống nhất, giữa lý và sự, giữa tướng và tánh. Đó cũng là một trong những yếu tố cần thiết tối ưu của từ bi và hòa bình. Với bản chất con người và tính nhân văn của các hệ thống hữu cơ (thay đổi tự nhiên), chúng ta thấy rõ và chấp nhận những thách thức đang nổi lên đối với từ bi, lòng nhân ái và hòa bình cũng như quyết tâm chung của chúng ta để giải quyết các vấn đề vì lợi ích chung.

Con đường viên dung soi đường cho chúng ta tận tâm sống theo dòng chảy của lòng từ bi và hòa bình, cả hai điều này đều rất cần thiết nếu chúng ta hợp tác giải quyết các vấn đề quan trọng chung ở tầm quốc tế, cấp bách của chúng ta.

Khi chúng ta xem xét cuộc sống của *Con đường viên dung* ra sao, chúng ta có thể cân nhắc việc áp dụng nó cho một vấn đề đang đe dọa nhân loại như biến đổi khí hậu, hâm nóng địa cầu. Theo báo cáo của NASA (<https://climate.nasa.gov/evidence/>), bằng chứng về sự thay đổi khí hậu nhanh chóng là áp đảo và hấp dẫn, như được thấy trong dữ liệu về sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu, đại dương ấm dần, các tảng băng tuyết co nhỏ lại (vì tan đi), băng hà rút dần, tuyết giảm che phủ, mực nước biển dâng, băng biển Bắc cực suy giảm, các hiện tượng khí hậu khắc nghiệt, axit hóa đại dương. Từ các nguồn tin tức, chúng ta thấy một cách sinh động những trận cháy rừng tàn phá miền Tây nước Mỹ - thiếu rui cảnh quan, nhà cửa, của cải, động vật hoang dã và cuộc sống của con người. Biến đổi khí hậu gây ra hạn hán và làm khô đất, từ đó các đám cháy rừng bùng phát. Những đám bụi cháy thành mây hạt từ những đám cháy rừng đó trôi dạt ở độ cao trên khắp đất nước chúng ta và đến tận Vương quốc Anh. Chúng ta không đơn độc trước hậu quả



của những đám cháy đang hoành hành, như chúng ta đã thấy ở Úc và các nơi khác trên toàn cầu.

Hạn hán do biến đổi khí hậu gây ra nạn đói ở châu Phi và giảm diện tích đất canh tác trên toàn cầu, bao gồm cả đất nông nghiệp của Mỹ. Đáng chú ý, ở Thung lũng Trung tâm giàu lương thực của California, việc bơm nước ngầm để tưới cây trồng đang làm giảm tầng nước ngầm đến mức mặt đất bị lún xuống; tầng chứa nước không thể thay thế được. Ngược lại, biến đổi khí hậu bao vây các khu vực khác của đất nước và thế giới với quá nhiều nước. Số lượng dãi dào hơn và cường độ dữ dội hơn, các trận cuồng phong và bão gây ra lũ lụt thảm khốc. Những tác động của biến đổi khí hậu... rất nhiều trận cuồng phong được sinh ra ở Đại Tây Dương, băng vĩnh cửu tan

chảy ở các vùng khí hậu phía bắc, nứt gãy và sinh ra các sông băng, con người vật lộn trong cát bụi khô cằn...

Dù ở cấp độ toàn cầu, quốc gia, địa phương hay cộng đồng, chúng ta có thể tham gia với nhau trong *Con đường viên dung* để tìm ra giải pháp và bắt đầu giảm thiểu khủng hoảng khí hậu. Có lẽ chúng tôi nghĩ rằng bối cảnh toàn cầu và quốc gia là quá lớn và quá sức nên những nỗ lực của chúng tôi sẽ vô ích. Tuy nhiên, nếu chúng ta cảm thấy thoải mái với quan niệm rằng tất cả các sinh vật sống và sinh vật chết được kết hợp chặt chẽ với nhau, chúng ta biết rằng ngay cả trong các mô hình thu nhỏ của chúng ta, chúng ta cũng có thể tạo ra những khác biệt tích cực đối với các hệ thống tương tác lớn hơn.

Bất cứ ai đến với nhau, dù chúng ta đặt tên cho đội nào, nhưng chúng ta giao tiếp với nhau như thế nào, tất cả đều thể hiện mong muốn chung của chúng ta để giải quyết cuộc khủng hoảng biến đổi khí hậu. Tìm kiếm điểm chung, chúng ta bắt đầu bằng cách "*nhận thức*" hiện tượng biến đổi khí hậu, làm như vậy mà không thiên vị hay đổ lỗi, đó là những tính chất kếp ngăn cản chúng ta nhìn và cảm nhận hiện tượng. Nếu chúng ta có thể mở lòng mình với sự trống rỗng, chúng ta có thể cảm nhận được khủng hoảng khí hậu như một hiện tượng hữu cơ bao trùm tất cả. Đúng vậy, chúng ta có thể hiểu điều đó từ góc độ trí tuệ, lý trí, nhưng thông qua sự trống rỗng, chúng ta có thể cảm nhận rằng khủng hoảng khí hậu là một hiện tượng sống động.

Bằng cách "*chấp nhận*" sự sống và tính liên kết của hiện tượng khủng hoảng khí hậu, chúng ta trở nên hào phóng và chấp nhận mạng lưới rộng lớn và các mảng liên kết với nhau trong cuộc khủng hoảng. Chúng ta trở nên cởi mở với các phương pháp tiếp cận tình cảm, tinh thần và trí tuệ của nhau đối với cuộc khủng hoảng, từ đó bắt

đầu xuất hiện những khả năng không lường trước để giải quyết tình huống khẩn cấp. Thông qua sự chấp nhận như vậy, chúng ta bắt đầu "ôm ấp" khái niệm rằng không có gì là tuyệt đối hoặc chắc chắn trong cuộc khủng hoảng khí hậu - ngoài việc chấp nhận rằng không giải quyết nó sẽ hủy diệt hành tinh của chúng ta và tất cả các sinh vật sống. Chúng ta cùng nhau nắm bắt sự mơ hồ về những gì có thể xảy ra - quan niệm rằng chúng ta không biết Trái đất có thể như thế nào ở phía bên kia của cuộc khủng hoảng khí hậu, vì nó sẽ không trở lại như trước đây.

"*Học hỏi*" các bản chất sinh thái và hữu cơ của biến đổi khí hậu, chúng ta cùng nhau tạo ra các phương pháp để thích ứng với các hệ thống hiện có và đưa ra các giải pháp mới giúp giảm thiểu khủng hoảng. Những giải pháp như vậy, có thể kể đến một vài giải pháp, có thể là của chính phủ, nông nghiệp, y tế, khoa học, kinh tế hoặc năng lượng dựa trên tự nhiên. Tuy nhiên, vì "Con đường viên dung" là để quy chung, chúng ta có thể quay trở lại *nhận thức, chấp nhận và ôm ấp* để cảm nhận và phát triển các hệ thống giải pháp mà chúng ta không thể nhìn thấy vào lúc này. Với sự hợp lực của mình, chúng ta tạo ra và nuôi dưỡng các hệ thống giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu dù ở cấp độ vĩ mô hay vi mô.

Một lần nữa, Con đường O là hình tròn trong tinh thần và thực hành lý sự viên dung; như vậy, nó tạo ra các hệ thống hiệp đồng với các hệ thống khác, đến lượt nó, tạo ra các hệ thống hữu cơ để giải quyết các vấn đề, chẳng hạn như khủng hoảng khí hậu. Cả hai đều là phi tuyến tính về bản chất; Giải quyết khủng hoảng khí hậu không phải là con đường trực tiếp từ điểm này đến điểm khác. Thay vì "hành động" một giải pháp, chúng ta phải "hãy là" một giải pháp. Bằng cách "*thực hành*" điều đó, chúng ta trở thành một phần của giải pháp. Ví dụ, việc giảm lượng khí thải carbon của chúng ta có những hành động cần làm, nhưng trở thành một thành viên trung lập với carbon của xã hội là một quá trình "*chuyển đổi*" bản thân và hệ thống chung. Chúng ta hãy thay đổi quan niệm của mình về chủ nghĩa tiêu dùng, phương tiện đi lại, ăn uống, v.v... Thực hiện các hành động trung hòa carbon có thể là một biểu hiện của bạn là một người không trung tính với carbon. Khi chúng ta đang thay đổi bản thân và chuyển hoá lẫn nhau, chúng ta nắm lấy bản chất đệ quy của việc giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu. Các giải pháp mà chúng ta tạo ra là hữu cơ và như vậy, sẽ cần được liên tục theo dõi và điều chỉnh để đáp ứng với sự phát triển, bản chất sinh thái của cuộc khủng hoảng.

Giống như sự "*chuyển đổi*" thúc đẩy chúng ta trở thành một phần của giải pháp cho cuộc khủng hoảng, nó đưa chúng ta đến tương lai mới nổi của một Trái đất được cứu khỏi cuộc khủng hoảng khí hậu. Biết được tính liên kết của tất cả những điều đó, chúng tôi tham gia "*chia sẻ*" những đổi mới và nỗ lực của mình để giải quyết khủng hoảng. Không có gì trong nỗ lực của chúng tôi là độc quyền; tất cả chúng ta—tất cả chúng sinh—đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng đe dọa sự sống trên hành tinh. Giải pháp trung hòa carbon của chúng tôi là giải pháp của bạn. Giải pháp của bạn để giảm nhựa trong biển là giải pháp của chúng tôi.

Thông qua việc "*chia sẻ*", chúng ta tìm thấy

điểm chung và tạo ra các giải pháp bền vững trên khắp hành tinh. Với bản chất hữu cơ và sinh tồn của cuộc khủng hoảng khí hậu - bản chất mà chúng ta đã nhận ra, chấp nhận và ôm ấp - chúng ta đã biết rằng cuộc khủng hoảng phát triển bởi vì những nỗ lực của chúng ta trong việc giảm thiểu đang thay đổi nó, theo những cách chúng ta hy vọng và theo những cách chúng ta không thể lường trước được. Thay vì cuối cùng và cố định, các giải pháp của chúng ta đang bắt đầu. Một nguyên mẫu để tạo ra năng lượng không phải nhiên liệu hóa thạch đưa ra một biến thể của giải pháp hoặc có lẽ là một kết quả hoàn toàn mới. Chúng ta hãy bắt đầu "*tái tưởng tượng*"; hợp lực tập thể và tính bất nhị của chúng ta, một lần nữa mở ra cho chúng ta những gì có thể.

Chúng ta tái nhập sự "*nhận thức*" và tính tuần hoàn và đệ quy của *Con đường viên dung*. Cho dù đó là cuộc khủng hoảng khí hậu hay bất kỳ vấn đề nào trong số vô số vấn đề mà nhân loại đang phải đối mặt, không có gì vượt quá khả năng khắc phục và thay đổi, nếu chúng ta có thể tìm ra điểm chung và nguyên nhân chung giữa tất cả chúng ta - tất cả chúng ta không có ngoại lệ. *Con đường viên dung* cung cấp cho chúng ta một quá trình bắt đầu bằng việc nắm lấy sự liên kết, hòa nhập và hòa hợp. Chúng ta có thể hòa bình và tử bi khi cùng nhau di chuyển trên con đường này. Cùng nhau, trong tập thể nhân loại, chúng ta có thể giảm thiểu các hoàn cảnh và điều kiện, dù lớn hay nhỏ, gây ra đau khổ.

Tiến sĩ Bạch X. Phê là một nhà giáo dục khoa học và người đi dạy chánh niệm cho giáo viên và học đường. Trong số các hợp tác của anh là những bài báo, nghiên cứu và bài thuyết trình tại nơi, trong đó có Đại Lễ Phật Đản VESAK của Liên hợp quốc năm 2015 và 2019. Anh đang sinh sống tại thủ phủ Sacramento, CA. Các tác phẩm tập thể của anh có thể được tìm thấy tại đây: <https://drexel.academia.edu/PheBach>

Tiến sĩ Ed Bureau đã nghỉ hưu từ ngành giáo dục cho Pennsylvania K12 và giảng dạy tại Đại học Drexel.

Tham khảo / References:

- ♦ Bach, P. (2015). An Essence Of Mindful Leadership: Learning Through Mindfulness And Compassion. LAP LAMBERT Academic Publishing, Germany.
- ♦ Bach, P. X. (2014). Mindful Leadership – A Phenomenological Study of Vietnamese Buddhist Monks in America with Respect to their Spiritual Leadership Roles and Contributions to Society. (Doctoral dissertation, Drexel University).
- ♦ Bach, P. X. & Bureau, E. W. (2020). Three Intertwined Paths to Leading for Sustainable Peace. Journal of Buddhist Studies, Vol. 1, Iss. 1. San Diego, USA. Dharma Mountain Publishing.



PHẬT VIỆT SÁNG NGỜI

(ĐẠI HỘI KỶ VII Giáo Hội Phật Giáo
Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc
Đại Lợi-Tân Tây Lan trong 2 ngày 4 & 5
tháng 6 năm 2022 tại Sydney, Úc Châu)

*Đại hội bảy Phật Việt Úc châu
Trang nghiêm cẩn trọng phút giây đầu
Tăng ni khắc phục câu thử thách
Phật tử kiên trì niệm ân sâu*

*Nghịch cảnh dần bày gắng vượt qua
Chướng duyên nội ngoại thấy xóa nhòa
Vòng tròn hạnh nguyện dâng phụng hiến
Đèn tuệ sáng soi pháp Phật Đà.*

SÔNG THU

Thiền Lâm Pháp Bảo, 7-6-2022



Hòa thượng Tín Nghĩa kính họa nguyên vận

CHÚC MỪNG ĐẠI HỘI 7 THÀNH CÔNG

Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại,
Mạnh hạ Nhâm Dần, - June 10th, 2022

*Chúc mừng Đại hội bảy Úc châu,
Tứ Chúng nhất tâm tự ban đầu,
Đại hội vượt qua bao thử thách,
Nhất tâm giữ vững niệm ân sâu.*

*Vững niệm ân sâu đã vượt qua,
Chướng duyên nghịch cảnh được xóa nhòa,
Viên dung hạnh nguyện dâng Tam Bảo,
Đại hội nhất tâm hướng Phật Đà.*

*Sông Thu nước chảy đôi bờ,
Còn gì đâu nữa... bây giờ sạch không...*

ĐIỀU NGŨ TỬ TÍN NGHĨA

CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG

Nguyên tác: “Religion and Society” by **S. RADHANKRISHNAN**

HT. Thích Quảng Độ dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(tiếp theo kỳ trước)

V. CA TỤNG CHIẾN TRANH

Trước hết hãy xét đến vấn đề vị trí của bạo lực trong xã hội. Sự nhẫn nhục của thánh Cam-Đa về bất bạo động và chiến tranh đã khiến cho vấn đề này trở nên cấp bách và, nếu có thể, chúng ta cần phải có một ý niệm thật rõ ràng về vấn đề này. Hàng thế kỷ, chiến tranh – một nỗ lực có tổ chức để tàn sát lẫn nhau – đã được ca tụng như một sự kiện tự nhiên và lành mạnh không thể tách rời đời sống của một quốc gia. Con người thường dùng lý trí để biện minh cho những hành động của mình. Chiến tranh được coi như một phương tiện để đạt đến những mục đích cao đẹp. Sau đây chúng tôi xin trích dẫn ý kiến của một số người để chứng minh cho nhận xét này.

Nietzsche nói: “Đối với những quốc gia đang trở nên yếu kém và bị khinh thị thì chiến tranh có thể được coi là một liều thuốc, thật vậy, nếu quốc gia ấy muốn tiếp tục sống còn...” “Đàn ông phải được huấn luyện cho chiến tranh, đàn bà cho sự tiêu khiển của các chiến sĩ, còn ngoài ra, tất cả chỉ là điên rồ...” “Bạn cho rằng chính nghĩa thắng hoa ngay cả chiến tranh? Không! Tôi cho rằng một cuộc chiến tranh tốt thánh hóa bất cứ chính nghĩa nào...”

Ruskin nói: “Tôi nghĩ rằng tất cả các quốc gia hùng cường đã thể hiện sự thật và sức mạnh tinh thần của họ trong chiến tranh rằng họ được nuôi dưỡng trong chiến tranh và lãng phí trong hòa bình, được dạy dỗ trong chiến tranh và bị lừa gạt trong hòa bình, tóm lại một câu là họ sinh trong chiến tranh và chết trong hòa bình.”

Molke thì nói: “Chiến tranh là một bộ phận bất khả phân trong thế giới của thượng đế, nỗ lực đẩy sự cống hiến cao quý nhất của con người...”



“Hòa bình vĩnh cửu chỉ là một giấc mơ, nhưng không là một giấc mơ đẹp.”

Bernhardi tuyên bố: “Chiến tranh là một nhu cầu sinh học, một quy định không thể thiếu trong đời sống nhân loại, nếu thiếu nó thì kết quả sẽ là một lỗi tiến hóa tai hại cho loài người và hoàn toàn đi ngược lại với tất cả mọi nền văn hóa... Nếu không có chiến tranh thì những dân tộc nhược tiểu hay dã man sẽ nuốt chửng những dân tộc khỏe mạnh và văn minh và kết quả là sự sụp đổ toàn diện. Chiến tranh là một trong những yếu tố cần bản của đạo lý. Nếu cần thì một chính khách phải gây ra một cuộc chiến tranh: đó không những là nhiệm vụ chính đáng mà còn là nhiệm vụ đạo đức và chính trị nữa.”

Oswald Spengler viết: “Chiến tranh là một hình thức vĩnh viễn của sự sống cao đẳng của con người, các quốc gia tồn tại vì mục đích gây chiến.”

Mussolini quả quyết: “Chỉ có chiến tranh mới đưa được toàn lực của con người đến điểm mãnh liệt nhất, hãy tặng huy chương cao hơn hết cho những dân tộc nào có đủ can đảm đón nhận nó.”

Trong bài diễn văn đọc trước một số sinh viên của đại học Aberdeen năm 1931, Sir Arthur Keith nói: “Thiên nhiên giữ cho vườn cây nhân loại xanh tốt bằng cánh xén tia, chiến tranh là chiếc kéo tỉa cành cây của thiên nhiên. Chúng ta không thể ngăn cản công việc của thiên nhiên.”

Đã có những người thuộc tất cả các quốc gia ca tụng chiến tranh như kẻ ban bố nghị lực, cải tiến sự sinh tồn và là kẻ tiêu diệt sự yếu kém. Người ta bảo chiến tranh đã phát triển những đức tính cao quý như: can đảm, danh dự, trung thành và võ hiệp.

Lương tri con người đã tiến triển theo thời gian và ngày nay chiến tranh không còn được ca tụng nhưng được chấp nhận với niềm ân hận ray rứt trong lòng.

Trong khi phe Trục vẫn bám lấy chiến tranh cho đó là một yếu tố cần bản của tiến bộ xã hội, trong khi họ tin rằng sức mạnh là tiêu biểu cho sự vĩ đại của một dân tộc, rằng mục đích của kẻ mạnh là phải khuất phục kẻ yếu, rằng chiến tranh xâm lược là một vinh quang chứ không phải tội ác, rằng bất luận bằng cách nào mang lại thắng lợi dù là lừa gạt, tàn bạo, khủng bố, phi nhân đều được cả, thì các quốc gia Đồng minh tuyên bố họ bắt buộc phải tham chiến vì muốn kiến tạo hòa bình, vì muốn xây dựng một nền trật tự thế giới mà trong mỗi bang giao giữa các quốc gia phải được quy định như thế nào để tránh những cuộc chiến tranh định kỳ. Họ không những chỉ ghê tởm chiến tranh mà còn ghê tởm cả cái tinh thần và khuynh hướng của phe Trục**. Trong một bầu

không khí chiến tranh, tất cả mọi phương tiện giáo dục đều nhằm vào việc bồi dưỡng tinh thần chiến tranh. Trong các phim ảnh phơi bày toàn những dụng cụ giết người: nã đại bác, xe tăng, tàu chiến, máy bay, mìn và lựu đạn, v.v... chúng ta chiến đấu với quân địch bằng lòng tràn đầy thù hận, man rợ và với một đầu óc được tăng cường bằng sự khôn ngoan của khoa học.

Song, các tôn giáo đã tấn dương sự bất bạo động như một đức tính tối cao, và cho bạo động là nhược điểm của con người. Người ta không bao giờ tìm thấy điều thiện trong một hình thức hoàn toàn trong thế giới khuyết điểm này, để thấy được sự biểu hiện hoàn toàn của nó ta phải đi vào một thế giới trong đó không còn có thiện, ác đối đãi nữa. Nếu lý tưởng ấy chưa được thẩm nhuần đầy đủ trong nhân gian như chúng ta mong muốn thì điều đó không có nghĩa là chúng ta phải xa rời lý tưởng ấy. Những nguyên lý tuyệt đối phải được gắn liền với thế giới kinh nghiệm mà đang biến đổi và tùy thuộc vào tình ngu xuẩn và ích kỷ của con người. Chúng ta phải mang lại những sự thay đổi trong tình hình xã hội sẽ đưa đến sự thể hiện lý tưởng ấy một cách đầy đủ hơn. Tôi có thể lấy Ấn Độ giáo và Thiên Chúa giáo làm điển hình.

Chú thích:

**** Trong Mein Kampt, Hitler viết: "Vấn đề làm thế nào mang lại quyền lực cho người Đức không phải ở chỗ chúng ta có thể chế tạo vũ khí như thế nào, nhưng ở chỗ làm thế nào gây được tinh thần khiến cho một dân tộc có khả năng mang vũ khí. Một khi có được tinh thần ấy rồi thì một dân tộc có trăm nghìn cách đi đến vũ trang cần thiết."**

VI. QUAN ĐIỂM CỦA ẤN ĐỘ GIÁO

Các kinh điển của Ấn Độ giáo coi Ahimsa, hay bất bạo động là đức tính cao cả nhất. Ahimsa có nghĩa là từ bỏ himsa, hay bạo động vốn là nguyên nhân gây ra mọi thống khổ cho tất cả sinh vật, người cũng như thú vật. Trong Chândogya Upanisad người ta thấy nói ngay cả các lễ vật dùng cho việc tế tự cũng phải có tính chất đạo đức. Tại các nơi ẩn cư trong rừng (àsramas) người ta thấy một tinh thần bằng hữu bao trùm cả người lẫn vật. Nhưng ta không thể cho rằng kinh điển Ấn Độ giáo bạo ta phải hoàn toàn từ bỏ vũ lực. Quan điểm của Ấn Độ giáo không phải nghiêm khắc cổ thủ một lý tưởng xa vời trong khi lên án mọi thỏa hiệp với lý tưởng ấy. Người ta không thể tìm thấy sự thiêng liêng cao cả ngoài đời sống thông thường. Người ta phải nghiên cứu những yêu cầu cụ thể của mỗi hoàn cảnh đặc biệt và nguyên tắc thích ứng với hoàn cảnh đó. Một lý tưởng xa vời khác hẳn với một chương trình thực tế. Áp dụng vũ lực một cách không thích đáng là bạo động. Khi những ẩn sĩ trong rừng bị những bộ lạc không phải là người Aryan tấn công, họ chịu đựng mà không trả thù, nhưng họ trông đợi ở những người Sát Đế Lợi (Ksatriyas – giai cấp thống trị) bảo vệ họ tránh những kẻ xâm lược từ bên ngoài. Trong Rg Veda có nói: *"Tôi giương chiếc cung (nỏ) Rudra để bắn vào những kẻ nào sách nhiễu những người Bà la môn. Tôi hiện diện khắp đất trời để chiến*



đấu bảo vệ cho những người thanh tịnh". Trong khi chúng ta phải dùng sức mạnh tinh thần để khắc phục tội ác vật chất, chúng ta cũng được phép áp dụng sự đề kháng vật chất đối với tội ác. Trong khi đặt nặng vào việc sử dụng sức mạnh của tâm linh để chinh phục kẻ địch, chúng ta cũng được phép dựa vào vũ lực. Trong khi các nhà khổ hạnh và ẩn sĩ đã lánh xa trần tục, không còn trực tiếp liên hệ đến phúc lợi chung của xã hội, không được phép dùng vũ khí để bảo vệ những cá nhân hay đoàn thể thì những công dân, vì nghĩa vụ đòi hỏi, có thể và cần phải cầm vũ để chống lại sự xâm lược.

Khi Senapati Singha, một chiến sĩ, hỏi đức Phật xem có nên tham chiến để bảo vệ sinh mạng và tài sản cho dân chúng không thì Phật trả lời: *"Kẻ nào đáng trừng phạt thì phải được trừng phạt. Như Lai không dạy rằng những người tham chiến để bảo vệ chính nghĩa là đáng trách, sau khi đã hết mọi phương tiện duy trì hòa bình."* Kinh Bhagavadgita cũng áp dụng một quan điểm tương tự khi cho rằng nếu một người giết một kẻ khác vì quyền lợi riêng thì hành động của họ là tội ác, nhưng nếu họ làm thế vì lợi ích chung thì hành động ấy không đáng trách. Trái với yêu là ghét chứ không phải vũ lực. Có những trường hợp mà tình thương phải dùng đến vũ lực. Tình thương không chỉ là tình cảm. Nó có thể sử dụng vũ lực để ngăn chặn tội ác và bảo vệ lẽ phải. Bất bạo động như một trạng thái tinh thần thì khác với bất đề kháng. Nó không có oán hận và căm thù. Có khi tình thương thật sự buộc phải chống lại tội ác. Chúng ta chiến đấu, nhưng tâm hồn phải bình thản. Chúng ta phải diệt trừ tội ác mà đừng trở thành tội ác. Nếu hạnh phúc của loài người là quyền lợi tối cao thì chiến tranh và hòa bình chỉ tốt khi nào chúng phục vụ cho quyền lợi đó. Chúng ta không thể bảo rằng bạo động tự nó là tội ác. Sự bạo động của cảnh sát nhằm mục đích duy trì nền an ninh xã hội. Mục tiêu của nó là ngăn chặn sự rối loạn. Phá hoại không phải là mục đích của tất cả mọi trường hợp tranh đấu. Chiến tranh có thể được chấp nhận khi nào mục tiêu của nó là sự phúc lợi của nhân loại và khi nào nó tôn trọng nhân phẩm của con người. Khi một kẻ tội phạm xâm phạm nhân phẩm của người khác mà chúng ta bảo phải tôn trọng nhân phẩm của y, khi một kẻ cướp tàn sát dân lành mà ta bảo phải đối xử với y như một người lương thiện thì chúng ta đã đồng lõa với tội ác. Chúng ta không thể phán đoán cách sử dụng vũ lực là tốt hay xấu nếu ta chỉ nhìn nó một cách phiến diện. Một cuộc giải phẫu làm cho bệnh nhân đau đớn, nhưng chỉ có thể áp dụng để cứu sống bệnh nhân, chỉ khác có một điều là con dao của nhà giải phẫu hay con dao của kẻ sát nhân mà thôi.

Trong một thế giới nhiều khuyết điểm, nơi mà không phải ai ai cũng là thần thánh thì vũ lực phải được sử dụng để giữ cho thế giới sống còn. Trong những hoàn cảnh hiện tại, vũ lực cần phải được dùng đến để chặn đứng sự hỗn loạn, bảo vệ cho những người cô thế và duy trì trật tự giữa cá nhân với cá nhân và giữa đoàn thể với đoàn thể, miễn là sự sử dụng ấy không phải cố ý phá hoại. Nó phục vụ quyền lợi tối hậu của những người mà nó định phục vụ. Hành động cảnh sát hợp pháp ấy là

cần thiết nếu chúng ta muốn tránh tình trạng rối loạn.

Bạo động khác với trừng phạt. Bạo động gây tổn thương cho một người vô tội còn trừng phạt là ngăn chặn tội phạm. Vũ lực không phải là người làm ra luật mà là kẻ phục vụ luật pháp. Chính trực và công bằng là nguyên lý cai trị và vũ lực là để hỗ trợ cho nguyên lý ấy. Trong Mahābhārata miêu tả lý tưởng của một thư sinh như sau: *"Trước mặt là bốn kinh Vệ-đà, sau lưng là chiếc cung với bầu tên, một mặt tâm linh đạt đến mục đích của nó bằng sức mạnh tinh thần, còn mặt kia là vũ lực quân sự hoàn thành sứ mệnh của nó."* Nhưng, trong Rāmāyana thì cho rằng sức mạnh của người lính chiến là đáng khinh, chỉ có sức mạnh của nhà hiền triết mới là sức mạnh chân chính. Nơi nào mà bất bạo động không có công hiệu thì được phép sử dụng bạo lực. Kinh Vệ-đà có nói đến chiến tranh và chiến trường, có chứa đựng những bài kinh cầu nguyện cho sự chiến thắng trên chiến trường và sự bại trận của kẻ địch. Những anh hùng trong Thi Sử không lùi bước trước kẻ thù độc ác. Ta buộc phải hủy diệt sự sống của kẻ khác trong trường hợp phải tự vệ, nhưng đừng bao giờ gây ra chết chóc hay khổ đau nếu chúng không tuyệt đối cần thiết.

Những kinh điển của Ấn Độ giáo coi bất bạo động là nhiệm vụ tối cao, nhưng cũng đưa ra những trường hợp trong đó nguyên tắc bất bạo động không được áp dụng. Chúng ta sống trong một xã hội với những luật pháp, quy tắc và phong tục không phải là lý tưởng, nó có quân đội, cảnh sát và nhà tù, tuy nhiên ta vẫn có thể sống cuộc đời trong sạch và thương yêu tất cả mọi người. Trong khi nêu cao lý tưởng và luôn phấn đấu để đạt đến lý tưởng ấy, người Ấn Độ giáo vẫn thừa nhận phải có luật pháp và quy tắc, bởi không có chúng xã hội sẽ rơi vào tình trạng hỗn loạn và vô trật tự. Trong khi sự toàn thiện là một điều không thể theo đuổi được thì chúng ta phải cố gắng không ngừng để trừ khử sự bất toàn thiện và tiến đến lý tưởng. Lý tưởng bất bạo động phải được nuôi dưỡng trong mỗi chúng ta như một mục đích cao cả, nếu trong những trường hợp bắt buộc phải trừ bỏ lý tưởng ấy thì ta phải chấp nhận với niềm ân hận, hối tiếc. Trong lời dạy của chúa Kitô người ta cũng thấy một quan điểm tương tự.

(còn tiếp)



NGỌN ĐÈN CHÁNH PHÁP

*Ngát hương sen nở trời phương ngoại
Cung kính lạy mừng Đức Như Lai
Ta bà từ đây vui tiếng khổ
Ánh đạo từ bi cứu nhân loài*

*Hoàng truyền chánh pháp lan muôn xứ
Hộ trì Tam Bảo trụ nơi đời
Ca Lãng Tàn hót lời miên viễn
Từng bước kinh hành nhẹ thành thoi*

*Nhật lá bồ đề kinh vô tự
Sa la sân trước tỏa hương lòng
Hòn giận ghét thương trò nhân thế
Trầm hùng Bát Nhã gọi về không*

*Noi theo chân lý Đức Thích Ca
Tam vô lậu học rảng siêng tu
Lời kinh tiếng kệ âm vang mãi
Ngọn đèn chánh pháp chẳng mờ lu...*

TẠP NIỆM

*Hoàng hôn rụng xuống bầu không
Mỗi không cánh nhận long đong đường trời*

*Trà chiều đôi ngუმ đầy vui
Vài ba tạp niệm ghé chơi thành linh*

*Khách đi khách đến vô hình
Còn ta cười với bóng mình trong gương*

*Mây lỏng bóng mộng ngàn phương
Nhọc nhằn chi gió hỏi đường sen thu*

*Lá về đậu cội vô ưu
Chim bay mất dấu sông lưu bóng chiều...*

thơ **TỊNH BÌNH**

Hồi chuông cổ tự

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trên đỉnh đồi thoai thoải, có mái chùa xưa nép mình dưới rặng me già. Từ miếu cúng cô hồn vào chánh điện không xa, nhưng phải qua đôi bờ bông bụt. Hoa cau. Hoa sói. Hoa ngâu, dâng hương nước lìm, làm khách thập phương như tưới tỉnh tâm hồn, để nhẹ bước chân hơn khi lẫm vào chánh điện. Những vách đá rong rêu để cho thấy bao đời ở đó. Vách đá ở đó để chứng kiến thăng trầm nắng mưa. Bao cảnh người đi, kẻ ở, như con tàu chạy trước cổng chùa. Khi sớm mai cũng như lúc chiều hôm trên hai con đường sắt dài bất tận. Một thứ triết lý song song không bao giờ gặp nhau trên hai đường thẳng.

Đứng trên đỉnh đồi, ao mắt nhìn quanh xóm làng, ao rau muống, vườn dừa xanh. Xa hơn nữa là những rặng núi mờ làm nền cho bức tranh chiều quê nơi thôn dã. Cảnh vật tĩnh lặng khi bóng hoàng hôn lặn xuống bên kia đồi núi, thì cũng đồng thời tiếng chuông chùa cổ ngân nga như len lỏi vào cỏ nội hoa ngàn, vào tận tâm tư của dân làng sống dưới chân đồi ấy.

Như một thói quen hay nếp sống đã được tạo dựng từ hình ảnh mái chùa; từ âm ba vang vọng của tiếng chuông; từ hình dáng hiền hòa, thân thiện của Sư Ông, vị Thầy Cả của ngôi cổ tự, đã trải qua bao thời gian, dù yên bình hay loạn lạc. Dù đói, dù no người dân làng vẫn không xa ruộng vườn, nương rẫy, mà nơi đó là sức sống rạo rạo tình tự quê hương. Như tiếng chuông cổ tự chiều nào cũng âm thầm, len lỏi đến từng chiếc lá, cái hoa, từng những loài ốc sên mỏng muối. Hay tiếng chuông chiều về ấy, ru nhẹ những tâm hồn lẻ loi, đơn độc của vô lượng kiếp tử sinh.

Mái chùa xưa. Tiếng chuông cổ tự. Sỏi! Đá! Cỏ xanh! Như là những tổ chất làm đẹp cuộc sống của người dân lành miền quê nước Việt. Cái đẹp ấy; cái tổ chất ấy dường như thảng nào Sư Ông, vị Thầy Cả của ngôi cổ tự cũng được đón nhận từng rổ khoai, từng chực bắp nếp, đôi mươi trái xoài... từ những tấm lòng đôn hậu của người dân dưới xóm, mà cứ mỗi ngày rằm, ba mươi là những hình ảnh quen thuộc ấy lại xuất hiện trên những bậc tam cấp dẫn lên ngôi Chùa Cổ. Một thứ Triết lý nơi chốn nhà Thiền, chẳng ai học hỏi, chẳng cần giảng giải, cứ như thế in sâu vào lòng người từ thế hệ này qua thế hệ khác mà chiều nay, tiếng chuông cổ tự một lần nữa lại nhẹ nhàng rót vào lòng người dân quê im lìm, ngọt ngào như hương thơm hoa khế lưng đồi.

Ngôi Chùa Cổ nơi đây không bề thế, cao rộng, nép mình dưới tàn me già, cảnh phượng vĩ, ẩn

dưới bóng bồ đề, như âm thầm lặng lẽ với thời gian; như lánh xa nơi phồn hoa đô hội. Ấy vậy mà tượng Phật gỗ trầm vẫn luôn ngự tọa nơi giữa chánh điện đơn sơ, có đôi ngọn đèn dầu leo lét, nửa mờ nửa tỏ làm tăng vẻ linh thiêng, mầu nhiệm. Nếu ai kia đã từng lặn lội, bôn ba trên trường danh lợi; và nếu ai kia đã bao lần trải qua những đắng cay thử thách của cuộc đời thì giờ đây trong khung cảnh trầm mặc, u tịch này tấm lòng như với bớt đi bao điều tang thương đau bể, lắng dịu tắt tư sạm nặng của gió táp mưa sa. Quỳ đố, chấp tay quý kính. Mắt nhìn Phật. Miệng lâm râm Bồ Tát Quan Âm, hay Địa Tạng Vương, mà cảm thấy lòng thanh thản, yên vui. Đây là Triết lý sống hay ý vị thi ca của quê hương, đạo pháp.



*Tôi đọc em bài ca nào hay nhất
Em trả lời bài ca quê hương
Bài ca quê hương mang tính
điệu thường*

Ngàn năm vang vọng con đường tự do

*Từ con đò cây đa bến nước
Viết lên bài lịch sử dân tôi
Dầm mưa trải nắng giải sầu
Sắt son vẫn đợi cơ cầu chẳng lay*

*Bến nước đỏ dưng chân tạm nghỉ
Mài gươm vàng dưới bóng trăng non
Giữ yên bờ cõi giống nòi
Cho vầng trăng tỏ sáng soi dặm trường*

*Em nghe điệu khúc nghệ thường
Đệt văn Sử Việt quật cường hùng anh
Ấy là cái nôi cái tổ
Cái nùm ruột đầu đời em thường hát ca
Mà bây giờ em có hay
Còn đâu những buổi chiều tà
Cò bay thẳng cánh hiên nhà khói vương
Dân làng sớm nắng chiều sương
Nghe chuông Cổ Tự mà thương dân mình
Em! Một sáng bình minh
Dâng hương cúng Phật
Phật mỉm miệng cười
Độ tận chúng sinh*

Dấu chân người đã qua mà âm ba người hãy còn dấu đó. Còn trên phiến đá bên cạnh gốc me. Còn nơi miếu cô hồn chiều nào cũng cúng: "Tát phạt đất tha..." hay "noãn noãn noãn..." nguyện cầu cho yết hầu cô hồn mở rộng để được no đủ.

AN TRÚ TRONG TÂM BẤT SINH

THIÊN SƯ BANKEI
Ni sư Trí Hải dịch và chú thích

THIÊN HỌC

GIẤY LỘN

Một vị tăng nói: "Từ lâu tôi tham công án 'Hyakujō và con chồn hoang'. (CT. Một mẫu chuyện trong Vô môn quan thế kỷ 13, về một vị tăng khi được hỏi bậc giác ngộ có rơi vào luật nhân quả hay không, đã trả lời là không, và chính vì trả lời vậy mà ông ta bị đọa làm chồn trong 500 kiếp. Vị tăng này cuối cùng được tổ Bách trượng Hoài hải cứu vớt, bằng cách sửa lại câu trả lời như sau: bậc giác ngộ không mê mờ luật nhân quả. Ở Viên đồng, con chồn là con vật nổi tiếng về tài vờ vĩnh, và từ ngữ "thiền chồn hoang" là để ám chỉ những người giả vờ làm như mình đã thực chứng-ND.) Mặc dù đã nỗ lực nhiều, tôi vẫn chưa giải quyết được công án ấy. Tôi chắc là do tôi đã không tu tập đúng mức. Xin ngài chỉ giáo cho."

Sư nói: Tại đây chúng tôi không tham khảo những thứ giấy lộn ấy. Vì bạn chưa từng nhận ra cái bất sinh đang chiếu sáng kỳ diệu chính là Tâm Phật, hãy để tôi nói cho nghe, rồi mọi sự sẽ thành ra sáng sủa. Vậy, hãy lắng nghe những gì tôi nói.

Khi ấy Sư trình bày giáo lý của ngài về Bất sinh như thường lệ. Sau khi chăm chú lắng nghe, vị tăng thâm nhập chân lý, và về sau đã trở thành một bậc thầy xuất sắc.

Khi ấy một vị tăng ngồi kế bên đã hỏi: Vậy thì những công án của các bậc thầy ngày xưa là vô dụng, không cần thiết hay sao?

Sư trả lời: Những cách trả lời của các bậc thầy ngày xưa nhằm giải nghi cho từng người hỏi khi trực tiếp vấn đáp, tự bản thân chúng không có lợi ích gì đặc biệt. Tôi không cách gì nói được là chúng cần thiết hay không cần, ích lợi hay vô ích. Người ta chỉ cần duy nhất an trú trong Bất sinh, không có cách nào khác để tránh né. Hãy an trú trong Bất sinh! Trong trường hợp của bạn, thì chính vì tránh né đối diện trực tiếp với vấn đề nên bạn đã bị lầm. Hãy buông bỏ sự tránh né, vì cái Bất sinh và chiếu sáng kỳ diệu ấy là Tâm Phật không gì khác, hãy an trú trong đó.

BIẾT TÂM NGƯỜI KHÁC

Có người hỏi: Ai cũng nói ngài có tha tâm thông, có phải thế không?

Sư đáp: Trong trường phái của tôi, không có những chuyện phi thường. Và dù nếu có, chúng tôi cũng không sử dụng, vì tâm Phật vốn bất sinh. Khi nói với bạn, thì tôi làm việc với chính bản ngã của bạn, nên bạn tưởng là tôi có tha tâm thông. Nhưng tôi không có thần thông như thế. Tôi cũng giống như bạn mà thôi. Khi bạn trú trong Bất sinh, là bạn ở tận ngọn nguồn của tất cả thần



thông diệu dụng của chư Phật, không cần tìm kiếm thần thông mà có thể xử lý mọi chuyện một cách êm thấm dễ dàng. Trong chính giáo về Bất sinh, bạn có thể dàn xếp mọi sự bằng cách làm việc với chính bản ngã bạn, không cần đưa vào những vấn đề ngoại lai.

TIẾN VÀ THOÁI

Có người hỏi: Tôi đã nỗ lực hết sức để tiến đừng lùi, nhưng dù làm gì đi nữa, khuynh hướng thật lùi vẫn mạnh hơn, và có những lúc tôi lùi thực sự. Và càng cố tiến tới, thì tôi chỉ có thấy mình lại thật lùi. Làm sao cho tôi khỏi thật lùi?

Sư nói: Hãy an trú trong Tâm Bất sinh! Khi an trú, bạn không cần bận tâm về tiến hay thoái. Quả vậy, khi bạn an trú Bất sinh, thì nỗ lực tiến tới là lập tức lùi khỏi vị trí Bất sinh. Người của Bất sinh không can dự gì đến tiến hay lùi, mà vượt trên cả hai.

*(trích Tâm Bất Sinh của Thiền sư Bankei,
Ni sư Trí Hải dịch)*



Tứ cú lục bát về “CHÁNH PHÁP”

CHÁNH PHÁP

*Từng lời vàng ngọc quang minh
Ngực tù lộ diện, gập ghềnh bày phơi
Ngón tay, vàng nguyệt kia rồi
Đuốc soi tự thấp vượt đời khổ đau.*

THAY

*Lửa phùng phục cháy trong Tâm
Mắt long sông sọc, cơn sân hận trào
Hộp câu pháp nhũ ngọt ngào
Nấm thơm, rau sạch thay vào rác dơ.*

TÂM CHÁNH

*Lấy trí đừng, lấy thật thà
Lấy nhân lễ nghĩa trừ tà ngoại thân
Chỉ là sắc tướng quý thân
Giữ Tâm chánh vững vạn lần an vui.*

PHÁP MÀU

*Chuyển ao bùn vượt đồi cao
Chuyển trên tuyết đỉnh rơi vào hố sâu
Chuyển vô minh sáng pháp màu
Chuyển tình giã chết qua cầu tái sinh.*

PHÁP HÀNH

*Tự mình cởi trói chân tay
Dụng Tâm tháo bỏ những dây buộc ràng
Đương đầu ngẩng mặt hiên ngang
Khoan dung đối chọi, khể khàng nhường lui!*

PHÁP NHỮ

*Lành thay pháp nhũ cháy trôi
Qua sông tập bến, qua người ghé tâm
Qua nương động xuống hố hầm
Qua phường phố rộn hỏi thăm nhân tình.*

KHỎI NHỜ

*Tìm đâu cao thăm thăm thăm
Tìm đâu xa xăm xăm xăm mơ hồ
Một nguồn pháp nhũ sờ sờ
Hằng ngày tu tập khỏi nhờ thánh tiên!*

PHÁP NHIỆM MÀU

*Dang tay ôm Pháp nhiệm màu
Lạ quen hòa một cùng nhau yêu đời
Ôm một lần để thanh thoi
Trải lòng mình để cùng người hoan ca.*

thơ VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khưu Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước và hết)

CHƯƠNG VIII Phát Triển Tuệ Giác

Mặc dù chánh định được xem là cương vị cuối cùng trong những chi phần của Bát Thánh Đạo nhưng tự thân chánh định không phải điểm đỉnh của Thánh Đạo. Đạt được chánh định làm cho tâm tịnh lặng và yên ổn, thống nhất những yếu tố đi kèm theo nó, mở rộng vô biên những cảnh giới của hỷ lạc, thanh tịnh và năng lực. Nhưng tự nó, nó không đủ sức đưa đến thành tựu cao thượng nhất, thoát khỏi những ràng buộc của khổ đau. Để chấm dứt khổ, cần phải đưa Bát Thánh Đạo trở thành một phương tiện để giải thoát. Nó được dùng để phát huy nhận thức chính xác làm hiển lộ chân đế của sự vật. Điều này đòi hỏi sự phối hợp với nhau của tất cả tám chi phần và như vậy cần một sự phát động mới của chánh kiến và chánh tư duy. Từ trước đến đây, hai chi phần đầu của thánh đạo mới chỉ thực hiện chức năng mở đầu. Lúc này, chúng phải được dùng trở lại để nâng lên trình độ cao hơn. Chánh kiến phải trở thành sự nhận thấy trực tiếp thực tại của hiện tượng mà trước đây chỉ biết bằng khái niệm. Chánh tư duy phải trở thành sự loại trừ chính xác các phiền não nhờ phát sinh sự hiểu biết thâm sâu.

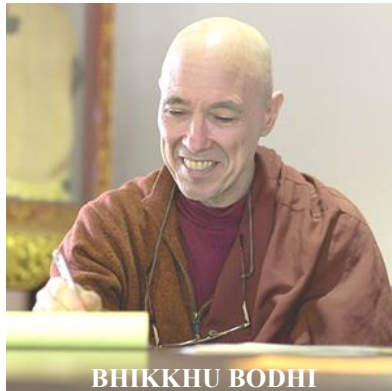
Trước khi thảo luận đến sự phát triển tuệ giác, chúng ta nên tìm hiểu tại sao chánh định không đủ sức để đạt đến giải thoát. Chánh định không đủ sức để đưa đến giải thoát vì nó không thể tiếp xúc đến tận tầng căn bản của phiền não. Đức Phật dạy rằng phiền não có ba tầng: giai đoạn ngủ ngầm, giai đoạn biểu lộ và giai đoạn vi phạm. Tầng căn bản vững chắc sâu thẳm nhất là phiền não ngủ ngầm (anusaya), nơi phiền não chỉ nằm ngủ yên lìm không biểu hiện bất kỳ hoạt động nào. Tầng thứ hai là giai đoạn trỗi dậy (pariyutthana). Từ nơi này, khi bị tác động bởi những kích động nào đó, phiền não trỗi dậy trong hình thức của những tư tưởng, cảm xúc và ý muốn bất thiện. Rồi ở tầng thứ ba, phiền não vượt ra

ngoài tâm thiện, biểu hiện thành động lực cho hành động bất thiện qua thân và khẩu. Do vậy, tầng này được gọi là giai đoạn vi phạm (vitikkama).

Ba phần của Bát Thánh Đạo là để kiểm soát chống lại ba tầng phiền não này. Thứ nhất, sự tu tập về giới, kiểm chế hoạt động bất thiện của thân và khẩu và nhờ đó ngăn ngừa không cho các phiền não tiến đến giai đoạn vi phạm. Sự tu tập về định là để bảo đảm chống lại giai đoạn trỗi dậy. Nó diệt những phiền não đang xuất hiện và bảo vệ tâm rời xa dòng chảy liên tục của chúng (phiền não). Mặc dầu định có thể đưa đến trình độ thâm sâu của sự nhập định cao nhất nhưng nó không thể chạm đến phần căn bản của khổ: những khuynh hướng tiềm ẩn nằm ngủ yên trong dòng tiến của tâm thức. Chánh định hoàn toàn bất lực trong việc đối kháng những khuynh hướng này, bởi vì tâm định tĩnh không thể nào nhổ sạch gốc chúng. Nó cần gì? Vượt trên sự ổn định và yên tĩnh của nhất tâm là tuệ giác (pañña), sự hiểu biết xuyên suốt về các hiện tượng trong thực tại như chúng đang là.

Chỉ có tuệ giác mới có thể cắt đứt tận gốc những phiền não ngủ ngầm (anusaya). Bởi vì vô minh (avijjā) là bộ phận chủ yếu nhất của tập hợp phiền não này nuôi dưỡng những bộ phận khác và giữ chúng tại chỗ và trí tuệ là thuốc giải độc cho vô minh. Mặc dầu được nêu lên như sự phủ định, “không biết,” nhưng sự thật vô minh không phải phủ định mà là (sự hiểu biết) thiếu chánh kiến. Đúng hơn, nó là một tâm sở nguy hiểm và biến hóa vô cùng, không ngừng hoạt động xâm nhập vào tất cả ngõ ngách trong đời sống nội tâm của chúng ta. Nó làm méo mó nhận thức, kèm chế ý chí và định đoạt toàn bộ phong cách hiện hữu của chúng ta. Đức Phật dạy, “Vô minh là một yếu tố thật sự rất mạnh” (Tương ưng bộ 14:13).

Phạm trù nhận thức là lãnh vực hoạt động chính của vô minh. Nó xâm nhập vào khái niệm, ý nghĩ và quan điểm của chúng ta. Vì vậy, chúng ta hiểu sai về nhận thức của mình, bị che phủ bằng nhiều lớp ảo tưởng. Có ba loại ảo tưởng quan



trọng nhất: Áo tưởng cho vô thường là thường, cho khổ là toại nguyện, cho vô ngã là ngã. (1) Thế nên, chúng ta cho rằng chính chúng ta và thế giới của chúng ta là những thực thể chắc chắn, ổn định, trường tồn mặc dù khắp nơi luôn nhắc nhở chúng ta rằng mọi vật đều bị thay đổi và hủy hoại. Chúng ta cho rằng mình vốn có quyền hưởng lạc thú nên dồn nỗ lực vào việc tăng cường và nâng cao sự hưởng thụ với sự nhiệt tình đợi chờ không biết nản vì phải thường xuyên đương đầu với đau đớn, thất vọng và thất bại. Và chúng ta cảm thấy mình như một bản ngã đầy quyền lực, chấp thủ những ý niệm và hình ảnh do chúng ta tạo ra như là những sự thật hiển nhiên về chính mình.

Trong khi vô minh che mờ thực tại của sự vật thì tuệ giác gỡ bỏ những bức màn hư ảo, làm cho chúng ta thấy được hiện tượng trong thực tại hiện hữu sinh động của chúng bằng nhận thức trực tiếp. Sự tu tập về tuệ giác tập trung trên sự phát triển minh sát (vipassanà-bhāvanā), một sự quan sát chính xác và toàn diện vào thực tại của hiện hữu để tìm hiểu sự thật về sự hiện hữu của chúng ta chỉ trong phạm vi mà chúng ta có thể biết được một cách trực tiếp, có nghĩa là trong chính nhận thức của riêng mình. Thông thường chúng ta bị dính mắc trong nhận thức của mình, bị đồng hoá hoàn toàn với nó đến độ không hiểu đúng nó. Chúng ta sống với nó nhưng không hiểu được thật tướng của nó. Bởi vì sự nhận thức mù quáng này phát sinh từ sự hiểu sai, được chế biến trên sự ảo tưởng về trường tồn, lạc thú và bản ngã. Trong những nhận thức bị biến dạng này, cơ sở thâm sâu và kiên trì nhất là ảo tưởng về bản ngã. Ý tưởng cho rằng bên trong con người của chúng ta có sự hiện hữu một cái "tôi" thật sự tồn tại mà chúng ta đồng hoá với chính mình. Khái niệm về cái tôi, Đức Phật dạy, là một sai lầm, chỉ là một sự giả định không phải là một thực thể. Tuy nhiên, đầu chỉ là một sự giả định, ý tưởng về cái tôi không phải không có hậu quả. Ngược lại, nó đem lại những hậu quả có thể rất tai hại. Bởi vì chúng ta dùng quan điểm về cái tôi làm "điểm nhìn" để quan sát thế giới. Tâm của chúng ta chia mọi vật thành hai mặt là "tôi" và "không phải tôi", cái gì là "của tôi" và cái gì là "không phải của tôi". Rồi thì, bị mắc trong cạm bẫy của những đối lập này, chúng ta trở thành nạn nhân của những phiền não do chúng sinh ra, những thúc dục chiếm hữu và hủy diệt, cuối cùng, theo đó chắc chắn là sự đau khổ.

Để giải thoát ra khỏi tất cả phiền não và đau khổ, chúng ta bắt buộc phải xua tan ảo tưởng về bản ngã, phá vỡ nó bằng sự nhận thức về vô ngã. Đây chính là việc tu tập dành cho sự phát triển tuệ giác là phân tích. Nhằm mục đích diệt trừ tận gốc quan điểm về bản ngã, những lĩnh vực của nhận thức phải được phân loại theo từng nhóm của các nhân tố. Rồi thì, chúng được nghiên cứu một cách có phương pháp để biết chắc chắn rằng trong chúng không có nhân tố nào dù độc lập hay phối hợp được xem là bản ngã. Cách nghiên cứu nhận thức bằng sự phân tích này diễn hình cho sự đạt đến đỉnh cao của môn triết học về tâm lý của Phật giáo (Abhidhamma: thẳng pháp. ND) chứ không có chủ đích gợi ý rằng sự nhận thức giống như đồng hồ đeo tay, hay chiếc xe hơi, có thể thu nhỏ lại thành một nhóm xen tạp từ những bộ phận rời

nhau. Nhận thức có tính đồng nhất nhưng không thể thu nhỏ lại vì sự đồng nhất này thuộc về chức năng chứ không phải thực chất. Nó không cần phải giả định có cái tôi độc lập riêng biệt với các nhân tố để duy trì tính đồng nhất của nó như một thực thể không thay đổi trong sự biến chuyển không ngừng.

Phương pháp phân tích thường được áp dụng nhiều nhất là đối với năm thủ uẩn (pañc'upadanakkhandha): sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn. (2) Sắc uẩn hợp thành phần vật chất của sự sống: cơ thể với những giác quan và đối tượng của nhận thức. Bốn uẩn kia tạo thành phần tâm lý. Thọ uẩn hình thành trạng thái cảm giác. Tưởng uẩn là tâm sở ghi nhận và nhận dạng (đối tượng). Hành uẩn là ý chí và những yếu tố thể hiện cảm xúc, thức uẩn là kiến thức căn bản chủ yếu cho cả tiến trình nhận thức. Sự phân tích theo thành phần của năm uẩn mở đường cho sự nỗ lực để thấy sự nhận thức chỉ giới hạn trong những nhân tố tạo thành nó mà không ngầm nhắc đến cái tôi không thể tìm thấy được. Để đạt đến tầm nhìn này đòi hỏi phải có sự phát triển chánh niệm ở cao độ, lúc bấy giờ đem áp dụng cho phần thứ tư của sự thiết lập chánh niệm, quán sát về sự hiện hữu của các pháp. (dhammanupassana). Hành giả sẽ tập trung quán sát về sự sinh diệt của năm uẩn.

Hành giả tập trung quán sát về các pháp, đó là năm uẩn bị chấp thủ. Vị ấy biết sắc uẩn là gì, nó phát sinh như thế nào, nó diệt như thế nào; biết rõ thọ uẩn là gì, nó sinh như thế nào, nó diệt như thế nào; biết rõ tưởng uẩn là gì, nó sinh như thế nào, nó diệt như thế nào; biết rõ hành uẩn là những gì, chúng sinh như thế nào, chúng diệt như thế nào; biết rõ thức uẩn là gì, nó sinh như thế nào, nó diệt như thế nào. (3)

Thay vào đó, hành giả có thể quán sát sáu giác quan và sáu đối tượng của chúng tạo ra nhận thức của sáu giác quan. Đó là khả năng hoạt động của sáu giác quan và sáu đối tượng tương ứng với chúng. Đồng thời, ghi nhận "những kiết sử" hay những phiền não phát sinh từ những sự tiếp xúc của chúng.

Hành giả tiếp tục quán sát về pháp, đối với sáu giác quan và sáu đối tượng. Vị ấy biết con mắt và hình dáng, lỗ tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân thể và các đối tượng xúc chạm, ý căn và pháp trần. Vị ấy cũng biết rõ tùy thuộc vào chúng, kiết sử phát sinh. Vị ấy hiểu rõ bằng cách gì kiết sử chưa sinh lại phát sinh, bằng cách gì kiết sử đã sinh bị đoạn trừ, bằng cách gì kiết sử đã bị đoạn trừ không còn phát sinh trong tương lai. (4)

Quan điểm về bản ngã bị mờ nhạt dần khi chúng ta khảo sát những nhân tố của hiện hữu, không phải bằng phân tích, nhưng dựa trên cấu trúc của những quan hệ của chúng. Khảo sát cho thấy rằng sự hiện hữu của các uẩn chỉ thuộc vào các duyên. Không có gì trong tập hợp này có sự độc lập tuyệt đối để thành lập sự giả định về bản ngã. Nếu xét đến bất cứ nhân tố nào trong tập hợp thân tâm thì luôn thấy rằng chúng phát sinh tùy thuộc nhau, bị ràng buộc trong mạng lưới mệnh mông của nhiều điều kiện chi phối bản thân chúng về mặt thời gian và không gian. Ví dụ, thân thể được hình thành do sự hợp nhất của tinh trùng và trứng, tồn tại nhờ vào thực phẩm, nước và không khí. Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn phát

sinh tùy thuộc vào thân thể với những khả năng của mỗi giác quan. Thức của mỗi giác quan phải có một đối tượng. Sự hợp tác giữa đối tượng và thức này phải có giác quan làm trung gian. Sự hoạt động của thức lại dựa vào khả năng của từng giác quan và toàn bộ những tâm sở cùng xuất hiện với nhau. Hơn nữa, toàn bộ tiến trình trở thành này đã hoạt động từ những đời trước trong một chuỗi gồm nhiều kiếp và thừa kế tất cả nghiệp tích tụ của những kiếp trước. Như vậy, không có gì tự hiện hữu một cách độc lập. Tất cả các pháp hữu vi hiện hữu theo duyên khởi, kết hợp và tùy thuộc nhau.

Hai bước trên, phân tích các nhân tố và nhận thức chính xác về quan hệ duyên khởi của chúng, giúp cắt bỏ sự gắn bó với quan điểm về bản ngã, nhưng chúng không đủ sức mạnh để diệt trừ sự chấp thủ cố hữu về bản ngã được duy trì bởi khái niệm sai lầm. Để nhổ tận gốc hình thái chấp ngã vi tế này, chúng ta phải có sự nhận thức ngược lại: quán sát trực tiếp vào bản chất trống rỗng, không cốt lõi của hiện tượng. Loại quán sát này phát sinh từ ba sự chiêm nghiệm ba trạng thái chung: vô thường (aniccatā), khổ (dukkhatā) và vô ngã (anattatā) ngay trên những nhân tố đang hiện hữu. Thông thường, biểu hiện thứ nhất được nhận ra là vô thường mà ở phạm trù này của mình sát không có nghĩa đơn giản là cuối cùng mọi vật đều chấm dứt. Ngay ở phạm trù này, nó có nghĩa cái gì đó rất sâu sắc và phổ quát. Nghĩa là, tất cả hiện tượng xảy ra theo duyên khởi là quá trình thay đổi, sinh để diệt và diệt ngay khi chúng phát sinh. Đối với các giác quan, các đối tượng như ổn định nhưng tự chúng hiện rõ là chuỗi luôn luôn thay đổi của những pháp hữu vi (sankhārā). (Do đó) cá thể (bản ngã) được thừa nhận bởi quan điểm chung bị tan rã vào một dòng chảy từ hai luồng cuộn vào nhau: một luồng vật chất—sắc uẩn và luồng tâm thức—bốn uẩn kia.

Khi thấy rõ được vô thường, sự minh sát sẽ đi vào hai trạng thái tiếp theo. Bởi vì các uẩn luôn luôn thay đổi, chúng ta không thể hy vọng vào chúng để được toại nguyện mãi mãi. Bất kỳ sự ước vọng nào mà chúng ta bám vào chúng đều phải bị tan vỡ vì sự thay đổi đương nhiên của chúng. Như vậy, bằng minh sát, thấy rõ các uẩn là dukkha trong ý nghĩa thâm sâu nhất (dukkha: bất toại ý, không đồng nhất, mâu thuẫn. ND). Rồi thì, vì các uẩn là vô thường, không toại ý, chúng không được xem là tôi. Nếu chúng là tôi, hay thuộc về tôi, chúng ta có thể điều khiển chúng và bắt buộc chúng theo ý chí của mình, làm cho chúng thành nguồn hạnh phúc mãi mãi. Nhưng còn lâu lắm chúng ta mới có khả năng điều khiển như vậy. Chúng ta thấy chúng là cơ sở của đau khổ và thất vọng. Bởi vì chúng không thể bị kiểm soát, chính những nhân tố cho sự hiện hữu của chúng ta là anatta: không phải là tôi, không phải là những gì thuộc về một tôi, chỉ trống rỗng, chỉ là những hiện tượng vô chủ xuất hiện tùy theo duyên khởi.

Khi đã hội nhập trong tiến trình thực hành minh sát, tám chi thánh đạo tiếp nhận được sức mạnh chưa từng có. Chúng có thêm năng lực và kết hợp với nhau trở thành một con đường liên kết đồng nhất hướng về mục đích. Trong sự tu tập về minh sát, cả tám chi phần thánh đạo và ba sự rèn luyện (giới, định và tuệ) luôn tồn tại với nhau. Mỗi



chi phần hỗ trợ cho tất cả các chi phần khác. Mỗi chi phần làm việc riêng để đóng góp vào công tác chung. Những chi phần thuộc về giới kiểm soát những khuynh hướng vi phạm, cần trọng đến ngay cả ý nghĩ thiếu đạo đức cũng không xuất hiện được. Những chi phần thuộc nhóm định giữ tâm an trú trên dòng chảy của hiện tượng, chú tâm trọn vẹn vào những gì đang phát sinh, không quên lãng hay tán loạn. Chánh kiến như trí tuệ của minh sát, không ngừng sáng suốt và thâm sâu hơn. Chánh tư duy thể hiện chủ ý độc lập và ổn định với chủ đích mang lại tư thế tự chủ đi vào tiến trình thiền quán.

Thiền minh sát lấy sự hoạt động của các pháp hữu vi (sankhārā) hợp thành năm uẩn làm đối tượng. Phạm sự của nó là khám phá ra tính cách chủ yếu của năm uẩn: ba đặc tính vô thường, khổ và vô ngã. Bởi vì thiền minh sát vẫn còn đối phó với thể giới của các pháp hữu vi cho nên bát thánh đạo trong giai đoạn minh sát này được gọi là thánh đạo thuộc tục đế (lokiyamagga). Tên gọi này hoàn toàn không có ý cho rằng thánh đạo trong thiền minh sát hướng đến mục đích thế tục với những thành tựu vẫn nằm trong phạm vi luân hồi (samsāra). Nó hướng đến sự vượt khỏi (thế gian), dẫn đến giải thoát nhưng phạm vi đối tượng của sự minh sát vẫn còn nằm trong thế giới hữu vi. Tuy nhiên, thiền minh sát thuộc thế tục này là điều kiện phục vụ như phương tiện để liễu ngộ vô vi, siêu xuất thế gian. Khi thiền minh sát đạt đến cực điểm của nó, hoàn toàn thấy rõ về vô thường, khổ và vô ngã ở mỗi hiện tượng thì tâm không còn lệ thuộc các pháp hữu vi và giác ngộ vô vi Niết bàn. Nó trực tiếp thấy Niết bàn như một thực tại hiện tiền.

Sự thăng đến vô vi Niết bàn được thành tựu bằng sự phân loại trên hiện tượng của thức hay tâm lý được gọi là con đường siêu thế (lokuttaramagga). Con đường siêu thế xuyên suốt qua bốn đoạn đường. Bốn "đoạn đường siêu thế", mỗi đoạn đường biểu thị cho một trình độ giác ngộ cao siêu hơn và kết quả (cuối cùng) thuộc về cấp độ hoàn hảo của sự giải thoát đoạn đường thứ tư cũng là đoạn cuối với sự giải thoát hoàn toàn. Bốn đoạn đường có thể đạt được theo cách nối tiếp nhau. Những ai với căn cơ thông tuệ phi thường thì có thể đạt được chúng trong một lần ngồi thiền. Nếu không (trong trường hợp bình thường), họ có thể phải trải qua nhiều thời gian hơn, ngay



cả trong nhiều kiếp sống (5).

Bốn đoạn đường siêu thể cùng chia sẻ sự thể nhập về bốn thánh đế. Họ hiểu bốn thánh đế không phải bằng khái niệm mà bằng sự thấy rõ. Họ hiểu thấu bốn thánh đế bằng tâm nhìn, thấy một cách chắc chắn hiển nhiên bốn thánh đế là những sự thật hiện hữu không thể thay đổi. (Đó là) sự thấy rõ bốn sự thật luôn luôn hiện hữu đầy đủ trong từng giây phút. Bốn thánh đế không thể được hiểu theo tuần tự như từng giai đoạn suy tư khi suy nghĩ là phương tiện để hiểu biết. Bốn thánh đế được thấy đồng thời: bằng thánh đạo, thấy rõ một đế là thấy rõ bốn đế.

Bằng con đường siêu thể hiểu trọn vẹn về bốn thánh đế, tâm thực hiện bốn chức năng cùng một lúc. Mỗi chức năng cho mỗi sự thật. (1) Tâm thấu hiểu chân lý về khổ, nhận ra tất cả sự hiện hữu của pháp hữu vi được thể hiện với đặc tính không hoàn hảo. (2) Ngay lúc ấy, tâm không còn khát ái, phá tan khối chấp ngã và dục vọng là cơ sở cho tái sinh đưa đến đau khổ. (3) Theo đó, tâm biết rõ sự chấm dứt đau khổ; khi ấy, Niết bàn nhân tố bất tử hiện rõ trước con mắt tuệ giác. (4) Tâm phát triển bát thánh đạo, cả tám chi phần sinh ra khả năng với năng lực cực mạnh, đạt đến tâm cỡ siêu thể: chánh kiến là thấy trực tiếp Niết bàn, chánh tư duy là sự kết nối của tâm vào Niết bàn, ba chi thánh đạo thuộc về giới là ngăn chặn sự vi phạm đạo đức, Chánh tinh tấn là nghị lực trong cách suy nghĩ, chánh niệm là nhân tố nhận biết và Chánh định là sự nhất tâm. Năng lực này của tâm thực hiện cả bốn chức năng trên cùng một lúc được so sánh với năng lực của một cây nến cùng một lúc đốt cháy tim đèn, tiêu hao sáp, xua đuổi bóng tối và đem lại ánh sáng. (6)

Những đoạn đường siêu thể có từng nhiệm vụ riêng biệt của sự diệt trừ sạch các phiền não. Trước khi hội nhập những đoạn đường này, trong những giai đoạn của thiền định và ngay cả thiền quán, các phiền não tuy chưa bị cắt sạch nhưng đã bị suy yếu, khống chế và giữ chặt nhờ sự rèn luyện những khả năng cao hơn thuộc tinh thần (ngũ căn, ngũ lực. ND). Dưới bề mặt, các phiền não vẫn còn trong hình thức ngủ ngầm. Nhưng khi bước vào những đoạn đường siêu thể thì công việc diệt trừ chúng bắt đầu.

Trong phạm vi trói buộc chúng ta vào vòng sinh tử, các phiền não được xếp vào một nhóm

gồm mười kiết sử (samyojana) như sau: (1) thân kiến, (2) hoài nghi, (3) giới cấm thủ, (4) dục ái, (5) sân hận, (6) sắc ái, (7) vô sắc ái, (8) mạn, (9) trạo cử, (10) vô minh. Mỗi một đoạn đường siêu thể loại trừ một số phiền não nào đó. Thứ nhất, đoạn đường nhập lưu (sotāpatti-magga: nhập lưu đạo, hướng) cắt đứt ba kiết sử đầu, phần thô nhất của nhóm, diệt trừ chúng không bao giờ sinh lại. Thân kiến (sakkāyaditthi), quan điểm về một bản ngã thật sự tồn tại trong năm uẩn bị cắt bỏ vì vị ấy thấy rõ thực thể vô ngã của các pháp. Hoài nghi bị hủy diệt vì vị ấy đã hiểu chính xác (bốn) chân lý do Đức Phật công bố, tự mình thấy rõ nên không thể nào do dự lùi bước. Giới cấm thủ bị loại bỏ vì vị ấy biết rõ đạt đến sự giải thoát chỉ bằng cách thực hành bát chánh đạo, không thể bằng sự tuân thủ khắc khe theo những quy định của tôn giáo hay nghi lễ.

Theo sau mỗi đoạn đường siêu thể là một trạng thái nhận thức siêu thể được biết là quả (phala). Những kết quả từ sự tu tập cắt đứt những phiền não của từng đoạn đường siêu thể. Theo sau mỗi đoạn đường là quả của nó. Nơi đó, trong một thời gian rất ngắn, tâm được hưởng sự an lạc của Niết bàn trước khi trở lại vị trí theo sự nhận thức thể tục. Quả vị đầu tiên là vị nhập lưu (sotāpanna). Vị ấy đã vào dòng pháp đưa đến sự giải thoát cuối cùng. Vị ấy đang đi đến giải thoát và không còn rơi vào những con đường của cảnh giới đọa lạc. Vị ấy vẫn còn một số phiền não nào đó trong tâm thức và có thể trải qua bảy kiếp nữa mới đạt đến mục đích cuối cùng nhưng vị ấy đã có được sự hiểu rõ cần thiết để đến giải thoát và không thể nào bị thối lui.

Sau khi đắc quả nhập lưu, với nhiệt tâm và khả năng sắc bén, vị ấy không ngừng cố gắng, đem hết nghị lực để đi hết toàn bộ đoạn đường siêu thể một cách nhanh nhất. Vị ấy tiếp tục tu tập thiền quán, vượt qua những giai đoạn cao hơn của tuệ minh sát và đứng lúc đi vào đoạn đường thứ hai; đoạn đường trở lại một lần (sakadāgāmi-magga: nhất lai). Đoạn đường siêu thể này không diệt trừ hoàn toàn kiết sử nào cả nhưng làm suy yếu gốc rễ của tham, sân và si (Trong hạ phần kiết sử, không có si. ND). Tiếp tục theo đoạn đường mà vị ấy đã có kinh nghiệm theo kết quả của nó, rồi thì (vị ấy) sẽ trở thành một vị “nhất lai” người sẽ trở lại thế gian này nhiều nhất chỉ một lần trước khi chứng đắc giải thoát hoàn toàn.

Vị ấy tiếp tục thực hành thiền quán. Trong giai đoạn của sự hiểu biết siêu thể tiếp theo, vị ấy đạt đến đoạn đường siêu thể thứ ba, đoạn đường của bậc không trở lại (anāgāmi-magga), đoạn trừ hoàn toàn hai kiết sử dục ái và sân hận. Từ lúc này, vị ấy không bao giờ có thể bị rơi vào sự lôi cuốn của khát vọng tham dục, không bị kích động nổi lên sân hận hay bất mãn. Là một bậc bất hoàn, vị ấy sẽ không còn trở lại kiếp người trong tương lai. Nếu vị ấy không đạt đến đoạn đường cuối cùng trong chính kiếp sống này thì sau khi qua đời, vị ấy sẽ tái sinh vào cõi trời cao hơn thuộc sắc giới (rūpaloka) và đạt đến giải thoát hoàn toàn ở đó.

Tuy nhiên, vị ấy vẫn kiên trì tu tập, phát triển minh sát và khi đạt đến cực điểm đi vào đoạn đường thứ tư, đoạn đường của bậc A-la-hán (arahatta - magga). Trên đoạn đường này, vị ấy đoạn trừ năm kiết sử còn lại: sắc ái, vô sắc ái,

mạn, trạo cử, vô minh. Sắc ái là khao khát được tái sinh vào các cõi trời thuộc bốn tầng thiên sắc giới. Những cõi thuộc về một nhóm có tên gọi “Thế giới của Phạm thiên.” Vô sắc ái là khao khát được tái sinh vào bốn cõi vô sắc từ sự đạt kết quả của bốn tầng thiên vô sắc. Mạn (māna) không phải là loại kiêu mạn thông thường làm cho chúng ta có khuynh hướng tự đề cao đức hạnh và tài năng của mình nhưng là một ít khái niệm rất vi tế về bản ngã còn sót lại ngay cả sau khi khái niệm mô tả những quan điểm về bản ngã đã bị loại bỏ. Kinh điển gọi loại mạn này là ngã mạn “tôi là” (asmimāna). Trạo cử (uddhacca) là loại mong đợi rất vi tế còn trong tâm khi chưa giác ngộ hoàn toàn. Vô minh (avijjā) là sự che mờ nhận thức căn bản, ngăn cản sự hiểu biết trọn vẹn về Tứ thánh đế. Tuy rằng phần thô của vô minh đã được đẩy ra khỏi tâm bằng năng lực trí tuệ của ba đoạn đường ở trước nhưng đối với vị bất-lai vẫn còn một màng vô minh mỏng phủ lên Tứ thánh đế.

Đoạn đường của bậc A-la-hán lột bỏ tấm màng vô minh cuối cùng và tất cả những phiền não còn sót lại. Đoạn đường này đưa đến sự hiểu biết hoàn toàn về Tứ thánh đế. Nó hiểu hoàn toàn sự thật về khổ, diệt trừ khát ái là nguyên nhân phát sinh ra khổ, nhận thức hoàn toàn rõ ràng về pháp vô vi, Niết bàn là sự chấm dứt khổ và hoàn tất quá trình tu tập theo tám chi phần của bát thánh đạo.

Bằng sự hoàn tất đoạn đường và đạt quả vị thứ tư, vị ấy trở thành vị A-la-hán, đã giải thoát hết tất cả sự ràng buộc ngay trong kiếp sống này. Vị A-la-hán đã đi trọn con đường bát chánh và sống trong trạng thái tự tin như thường được nói đến theo thể thức của kinh tạng pali: “Sinh đã tận, đã sống đời thánh thiện, điều gì cần làm đã làm, không còn tái sinh vào cảnh giới nào nữa”. Bậc A-la-hán không còn là người thực hành thánh đạo mà là hiện thân của thánh đạo. Đã phát huy tám chi phần của thánh đạo đến mức toàn hảo, vị thánh giải thoát sống an nhiên với quả chứng, giác và giải thoát hoàn toàn.

PHẦN KẾT

Đến đây, hoàn tất phần nghiên cứu của chúng ta về Bát thánh đạo, con đường thoát khổ do Đức Phật dạy. Những thành tựu cao thượng của thánh đạo dường như còn xa với vị trí hiện tại của chúng ta. Những đòi hỏi của sự tu tập có thể khó thực hiện. Nhưng ngay cả trong hiện tại, khi những đỉnh cao của giác ngộ vẫn còn xa thì tất cả những gì chúng ta cần đạt đến đang nằm ngay dưới chân mình. Tám chi phần của thánh đạo đang luôn luôn tiếp cận với chúng ta. Chúng là những thành phần thuộc tinh thần mà chúng ta có thể xây dựng trong tâm thức chỉ bằng kiên quyết và tinh tấn. Chúng ta phải bắt đầu bằng cách điều chỉnh nhận thức theo quan điểm đúng và làm trong sáng chủ ý của mình. Sau đó, chúng ta phải làm thanh tịnh tư cách đạo đức: lời nói, hành động và nghề nghiệp. Dùng những tiêu chuẩn này làm nền tảng, chúng ta phải tự rèn luyện bằng nghị lực và quán niệm để phát triển định và tuệ. Phần còn lại là tu tập từ từ và tiến bộ từ từ, không mong cầu kết quả nhanh chóng. Một số người có thể tiến bộ nhanh, một số khác có thể chậm nhưng tốc độ nhanh chậm không phải là lý do để

tự đắc hay thoái chí. Giải thoát là kết quả tất nhiên của thánh đạo và khi tu tập đều đặn và kiên trì, chắc chắn sẽ nở hoa giác ngộ. Hai điều kiện cần thiết để đạt đến mục đích cuối cùng: bắt đầu và tiếp tục. Nếu những điều kiện này được hội tụ thì sẽ đạt đến mục đích, không do dự nữa. Đây là giáo pháp, quy luật luôn luôn đúng hướng.

Cùng dịch và sửa xong ngày 22 tháng 03 năm 2021 _ Phật lịch 2565.

Tỳ khưu Tâm Hạnh Mindful Way Buddhist
Meditation Society
Tu viện Đạo tâm
10164 Gramercy Place
Riverside, California 92503- USA

Ghi chú của người dịch:

Người đọc có thể xem nguyên tác Anh ngữ theo link sau đây:

https://info-buddhism.com/The-Noble-Eightfold-Path-Bhikkhu_Bodhi.html

Trong phần chú thích này, tác giả dẫn nguồn từ các trang trong các bản kinh Nikaya (Pāli), Word of the Buddha (Lời dạy của Đức Phật) TG: Nyanatiloka Mahathera, Visuddhi Magga (*Thanh Tịnh Đạo Luận*). Người đọc không thể tìm những đoạn dẫn nguồn này theo số trang trong các bản dịch Việt ngữ mà phải tìm trong nguyên tác Pāli & English hay bản dịch Anh ngữ (nếu có).

CHÚ THÍCH Chương VIII:

1. Annicca nīcavipallāsa (nhận thức sai lầm cho vô thường là thường), dukkhe sukhavipallāsa (...cho khổ là an lạc), anattani attavipallāsa (...cho vô ngã là ngã). Tăng chi bộ 4:49.
2. Pāli: rupākkhandha (sắc uẩn), vedanākkhandha (thọ uẩn), saññākkhandha (tưởng uẩn), saṅkhārakkhandha (hành uẩn), viññānakkhandha (thức uẩn).
3. Trường bộ kinh 22: Word of the Buddha, trang 71-72.
4. Như trên, trang 73.
5. Trong lần xuất bản đầu tiên của cuốn sách này, tôi nói rõ ở đây rằng bốn đoạn đường tu tập phải đi qua theo cách tuần tự, nghĩa là không thể nào đạt đến đoạn đường cao hơn mà không phải đi qua những đoạn đường thấp hơn. Điều này chắc có lẽ là lập trường của các Bản luận giải. Tuy thế, đôi khi, Kinh điển (the Suttas) cho thấy nhiều cá nhân từ giai đoạn phạm nhân đi thẳng đến đoạn đường thứ ba (A-na-hàm. ND) hay ngay cả đoạn đường thứ tư và quả (A-la-hán đạo và quả. ND). Mặc dù các luận sư giải thích rằng những vị ấy đã đi qua từng đoạn đường và quả trước đó với sự kế tiếp nhau rất nhanh nhưng kinh điển lại không cho thấy điều này có xảy ra mà lại gợi ý một sự chứng đắc trực tiếp ngay những đạo quả cao hơn, không có sự chứng đắc ở giai đoạn trung gian thuộc những đạo quả thấp hơn.
6. Xem *Thanh Tịnh Đạo*, Chương XXII, trang 92-103.



MÂU-NI - BẠC TỊCH TĨNH

(*Phật Pháp Thứ Năm*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Lam viên thương mến,
Chúng ta là Huynh trưởng GDPT nên khi niệm danh hiệu đức Bốn Sư (Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu-ni Phật) chúng ta hiểu chữ “mâu-ni” (muni) có nghĩa là “bạc tịch tĩnh,” có người không hiểu, cứ nghĩ rằng hể im lặng, làm thinh không nói là trở thành một bậc “mâu ni.”

Việc này không phải bây giờ mới xảy ra mà ngày xưa lúc đức Phật còn tại thế cũng nhiều người không hiểu.

Thuở đó, các du sĩ ngoại đạo khi đi khất thực, sau khi nhận thực phẩm họ thường nói: “Nguyên cho thí chủ được may mắn, giàu sang và sống lâu” trong khi các vị tỳ kheo đệ tử Phật lặng lẽ nhận thực phẩm mà không nói lời chúc tụng nào. [Bởi vì như chúng ta đã biết, hành động bố thí tự nó đã tích phước đức cho thí chủ]

Dân chúng thích được nghe lời khen ngợi nên bắt đầu bàn tán, so sánh hai thái độ đi khất thực và có phần thiên về ngoại đạo.

Khi biết được việc này, đức Phật cho phép các tỳ kheo sau khi thọ thực tại nhà các thí chủ thì hồi hướng công đức bố thí đến cho gia đình của họ. Bây giờ các du sĩ ngoại đạo lại chỉ trích các tỳ

kheo đã nói dông dài, lắm lời... không biết giữ hạnh tịnh mặc của các bậc mâu-ni.

Đức Phật nghe được, ngài bảo các vị tỳ kheo rằng: “Này các vị, có nhiều người giữ im lặng vì họ nhút nhát hoặc ngu dốt, cũng có người không chịu chia sẻ sự hiểu biết thâm sâu của họ cho người khác. Như thế không phải vì im lặng mà trở thành bậc mâu-ni. Khi và chỉ khi người nào biết im lặng mà tâm đã hoàn toàn khắc phục được mọi điều ác mới xứng danh là bậc mâu-ni.

Rồi ngài nói lên hai bài kệ:

“Người ngu muội vô trí, dù làm thinh cũng không thể được gọi là bậc tịch tĩnh.

Người trí tuệ sáng suốt như bàn cân biết cân nhắc điều thiện lẽ ác mà chọn làm lành bỏ dữ mới gọi là bậc tịch tĩnh. Biết được cả nội giới và ngoại giới nên gọi là bậc tịch tĩnh.”

(Kinh Pháp Cú, câu 268 & 269)

Thương mến kính chúc Anh Chị Em “sáu thời thường an lành”.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)

Từ điển riêng, mùa Hè 2021

NGUYỄN NGỌC TƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Không có Biển. Kể cả bạn nghe được tiếng sóng, nhìn thấy được con nước xanh biếc chừng như vô tận ấy bên kia con đường, sau một sợi dây giăng. Chùng xuống, vể lòng lẻo, trông sợi dây thật mong manh nhưng lại đầy sức mạnh. Sợi dây đồng nghĩa với tường thành. Nó ở đó để ngăn trở bạn. Chừng nào bạn không thể ào vào những cơn sóng ấy, sáng khoái sỏi cánh trên chúng, thân thể ngấm tinh thể muối của thứ nước mặn mòi, thì con nước ồn ào bao lượn sóng ra vào ấy không thể gọi là biển.

Giờ là mùa hè, kể cả không có 'biển, chuyển đi, đặt phòng' thì hè vẫn là hè, vẫn nhờn nhợt rót nắng vào những bãi cát không có dấu chân người, và đường mòn lên núi thất thủ bởi rêu.

Quyển từ điển riêng của bạn từ lâu đã nghèo nàn, giờ thêm nhiều trang trắng. Không còn 'rạp chiếu phim, nhà sách, cà quán nước' cũng phủ phiểm xa vời. Có lần thứ điển vào mở từ mà lúc này mọi người đang truyền tay nhau, những 'chánh niệm, tình thức' nhưng bạn vội gạch đề, biết còn lâu mình mới đủ thấu hiểu chúng.

Như 'vô thường' vậy, bạn tưởng đã thông tỏ rồi, sao lại thất thần khi thấy khói lên từ nhà hỏa táng. Nấm tro chắc phải chờ người nhận vì thân quyến còn mắc kẹt sau những sợi dây giăng. 'Trắc ẩn' thì cực hạn, nhưng 'bắt lực' cũng theo đó mà thít chặt, bóp nghẹt. Bạn nhận ra mở từ vừa mất đi của mình bé mọn vô phương, ngoài kia nhiều người chỉ có đói, kiệt quệ, vô vọng, tang thương trong cái mùa hè thể lương này.

Nhiều từ được định nghĩa lại. 'Công viên' là nơi tụ tập của gió, của thảm lá ngày càng dày. 'Hẹn

hò' đồng nghĩa với bất định, bỏ lỡ. Trong ngữ lưu tháng Bảy, nếu ta nói hẹn cuối năm gặp nhau, người bạn sẽ hiểu rằng có thể tháng Chạp năm sau. Hoặc chỉ là một kiểu giao đãi bằng quơ thuận miệng, cuộc gặp đó không bao giờ xảy ra.

'Hạnh phúc', cái từ mà bạn ngỡ vực nó không có thực, một khuya nghe tiếng xe cứu thương xe toang tịch tịch, bạn nghĩ thật may mình còn nghe được dư chấn của cơn chuột rút trên bó cơ đau. Sẽ có người đơn giản hơn, hạnh phúc là món trứng chiên có ít lá hành, là được tặng một đòn bánh tét, được về quê cách chỗ trọ năm chục cây số. Cái đơn vị đo khoảng cách, mùa hè này, mất sạch độ chính xác. Có người đi cả tháng mới hết một chục ki lô mét đường, hoặc ở khoảng cách có thể nhìn thấy bằng mắt thường, ta sẽ không bao giờ tới được.

Chỉ 'sợ hãi' là còn nguyên nghĩa gốc, tái lạnh và nặng trĩu.

Xuất hiện nhiều từ lạ mặt. Bạn còn chưa từng hình dung chúng có tồn tại ở nơi chốn này. Giàu tưởng tượng đến mấy, cũng không nghĩ tới một ngày những 'phong tỏa, cách ly, giới nghiêm', lại nằm chêm chệch trong từ điển đời mình. Những từ đúc bằng bê tông, thẳng cứng, trực tiếp đẩy bạn vào căn buồng chật vật với song sắt chung quanh. Thi thoảng bạn nghe được tiếng nước từ trời, biết là mưa hè đang bung nở ngoài kia. Một khuya nào mất ngủ, bạn ngó ngán trắng bên cửa sổ xê dịch theo tiếng gà.

Và nắng nữa, bạn có thể cảm nhận được từng chuyển động nhỏ của thứ thời tiết đầy biến ảo của mùa hè, những đám mây cũng diễu hành với nhiều hình dạng, đậm nhạt khác nhau, bạn biết nắng mưa đang lễ hội trước khi gió chướng mang mưa khô nhảm chán trở về, nhưng không thể tắm mình trong chúng.

"Mình chỉ cần vượt qua mấy từ này là thoát", bạn nghĩ vậy. Một ngày những dây giăng được hạ xuống, và bạn mở cửa bước ra ngoài vườn vai hít thở trước khi cơn hưng phấn ập tới, giờ thì chạy đi thăm ba mã trước, hay cứ dạo xe một vòng, hòa mình vào thời khắc thành phố bừng tỉnh khỏi hôn mê?...!

(Nguồn: nguyennhoc4.facebook)



Tranh: Lê Sa Long - 2021

* Trích tản văn trên từ quyển sách "Sài Gòn chọn nhớ những điều thương", nhiều tác giả - lợi nhuận bán sách được NXB Trẻ góp 100% vào Quỹ phòng, chống dịch covid-19.

Thế giới không có ngôn ngữ

TAMURA RYUICHI

Hoàng Long dịch & chú

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Tamura Ryuichi (田村 隆一 Điền Thôn Long Nhất 1923-1998) là thi nhân, tiểu luận gia và dịch giả nổi tiếng nhất của Nhật Bản sau thế chiến thứ hai. Ông cùng với nhà thơ Ayukawa Nobuo (鮎川信夫 Niêm Xuyên Tín Phu 1920-1986) sáng lập tạp chí "Đất hoang" (荒地), hoạt động mạnh mẽ với tư cách là ngọn cờ đầu của thi ca Nhật Bản thời hậu chiến. Tác phẩm chủ yếu có "Bốn ngàn ngày và đêm" (四千の日と夜), "Thế giới không có ngôn ngữ" (言葉のない世界), "Tử ngữ" (死語), "Hiểu lầm" (誤解)...

Bài thơ "Thế giới không có ngôn ngữ" (言葉のない世界) được xem là một trong những bài thơ quan trọng nhất trong sự nghiệp thơ ca của Tamura Ryuichi. Những hình ảnh ẩn dụ dày đặc, tính dự cảm cao độ cùng với cảm giác kết nối toàn thể khiến chúng ta cảm thấy thần thuộc đến mức bàng hoàng như thể tác giả đang nói lên nỗi niềm khắc khoải của con người chúng ta giữa thời đại covid. Vì thế chúng tôi chọn dịch bài thơ này như một món quà tặng đến quý độc giả để chúng ta có thêm niềm tin vào con người và sự kết nối tương

giao nhân loại. Bài thơ được chúng tôi dịch từ nguyên tác Nhật ngữ trong "Tamura Ryuichi toàn tập tác phẩm" (6 tập), tập 1, Nxb Kawade Shobo Shinsha xuất bản lần đầu tháng 10 năm 2010, từ trang 69 đến trang 76. Chúng tôi cố gắng giữ nguyên nhịp điệu và cách ngắt dòng trong nguyên tác.

Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

THẾ GIỚI KHÔNG CÓ NGÔN NGỮ

1.

Thế giới không ngôn ngữ là một hình cầu giữa
trưa
Mà tôi là một con người thẳng đứng

Thế giới không ngôn ngữ là thế giới của bài thơ
lúc chính ngọ
Mà tôi không thể dừng lại nơi con người phẳng dẹt

2.

Để phát kiến ra thế giới không ngôn ngữ
Để phát hiện hình cầu giữa thơ và bài thơ chính
ngọ
Tôi sử dụng tử ngữ
Tôi là một con người thẳng đứng
Tôi không thể dừng lại thành một con người
phẳng dẹt được đâu.

3.

Giữa trưa tháng sáu
Mặt trời trên đỉnh đầu tôi
Tôi kẹt trong một bầy đá tảng
Khi đó
Đá là xác chết
Xác chết của dung nham năng lượng bộc phát của
núi lửa một thuở nào

Tại sao khi đó
Tất cả hình dáng đều là xác chết của nguồn năng
lượng?
Tại sao khi đó
Tất cả sắc thái và nhịp điệu cũng là xác chết của
nguồn năng lượng ư?
Cả một cánh chim bay

Như đại bàng vai trắng
Trong lúc lượn vòng
Quan sát mà không phê phán
Tại sao khi đó
Đại bàng chỉ quan sát tất cả hình dáng của của
nguồn năng lượng?
Tại sao khi đó

Đại bàng không có ý phê bình tất cả sắc thái và
nhịp điệu đang diễn ra?

Tảng đá là xác chết

Tôi uống ly sữa bò

Và cắn ổ bánh mì như người lính ném lựu đạn ⁽¹⁾

4.

Này
Ngay bản thân dòng chảy của nhiệt độ trắng ⁽²⁾ đã
ngăn trở tính luân chuyển của chính nó rồi
Không thể hình tượng hóa bằng tình yêu và nỗi sợ
Đó là hình tượng của ngọn lửa đã nguội lạnh
Tất cả hình dáng của năng lượng đã hoàn toàn bị
chết đi

5.

Đôi mắt chim tự nó là ác
Nó quan sát mà không phê phán
Cái lưỡi chim tự nó là ác
Nó chỉ nuốt vào và không phê phán

6.

Hãy nhìn lưỡi con chim quạ nhọn hoắt xé toạc ra
Hãy nhìn lưỡi con chim gõ kiến như ngọn giáo của
vị thần xa lạ
Hãy nhìn lưỡi của chim sẻ gà như lưỡi dao điều
khắc
Hãy nhìn lưỡi của loài chim sáo như một thứ hung

khí mềm mại dẻo dai
Chúng chỉ quan sát mà không phê phán
Chúng chỉ nuốt vào mà không phê phán

7.
Tôi xuôi theo con đường lạnh lẽo như sao Diêm Vương
Tôi xuôi theo con đường dài mười ba ki lô mét để đến túp lều nhỏ
Men theo dòng chảy của dung nham
Theo con đường của cái chết và sự sinh nở
Theo con đường của thủy triều rút xuống cạn chưa từng thấy

Tôi là một người lính phóng lựu
Hay
Một thủy thủ bị đắm tàu
Hay
Tôi là đôi mắt chim
Là lưỡi của loài cú

8.
Tôi quan sát bằng đôi mắt mù lòa
Tôi mở to đôi mắt mù lòa rồi ngã xuống
Tôi thè lưỡi để phá hủy vỏ cây
Tôi thè lưỡi nhưng không phải để liếm láp vuốt ve tình yêu và công lý
Những chiếc gai mọc trên lưỡi tôi như những cây lao không phải để chữa lành và xoa dịu nỗi sợ hay cơn đói

9.
Con đường của cái chết và sự sinh nở
Con đường của côn trùng và những loài vật nhỏ
Một bầy ong vo ve rồi bay đi mất
Hàng ngàn hàng vạn mũi kim đang chờ phục kích chúng ta
Cả phê bình và phản phê bình
Cả ý nghĩa của ý nghĩa
Con đường không hề có chỉ trích của chỉ trích
Con đường không chút hy vọng và kiến thiết hư không
Con đường mà ẩn dụ, tượng trưng và trí tưởng tượng hoàn toàn vô dụng
Có thứ phá hủy và sinh sản
Có thứ phân mảnh và tái tạo
Có thứ là mảnh vỡ giữa hai mảnh vỡ
Có thứ là mảnh vỡ giữa hai mảnh vỡ
Có thứ là mô hình của mô hình lớn lao dựng trên mặt đất
Con đường của so sánh vào tháng sáu lạnh lẽo
Những túi khí chảy ra từ phổi đỏ lỏm
Túi khí như bịch nước đá chườm lấp đầy không khí đến tận tủy xương
Một cánh chim bay
Cánh chim bay giữa bầy chim lớn

10.
Đôi mắt chim tự nó là ác
Cái lưỡi chim tự nó là ác
Chỉ phá hủy mà không xây dựng
Nó tái tạo nhưng không sáng tạo
Nó là những mảnh vỡ, những mảnh vỡ của mảnh vỡ mà thôi
Nó có túi khí nhưng không có cái tâm rỗng rang vô ngại, trống rỗng không hư
Mắt và lưỡi chim tự nó là ác nhưng loài chim không ác
Hãy thiêu đốt đi cả loài chim

Hãy thiêu đốt đi tất cả loài chim, tất cả loài vật nhỏ
Hãy thiêu đốt đi cái chết và sự sinh nở
Hãy thiêu đốt đi con đường của cái chết và sự sinh nở
Hãy thiêu đốt đi

11.
Tháng sáu lạnh buốt như sao Diêm Vương
Con đường lạnh buốt như sao Diêm Vương
Tôi chạy xuống con đường của cái chết và sự sinh nở
Tôi trôi dạt
Tôi bay

Tôi là lính phóng lựu
Hơn thế tôi cũng là kẻ thù dũng cảm
Tôi là thủy thủ bị đắm tàu
Nhưng tôi cũng là thủy triều rút xuống
Tôi là chim
Hơn nữa tôi cũng là thợ săn mù lòa
Tôi là thợ săn
Tôi là kẻ thù
Tôi là kẻ thù dũng cảm

12.
Tôi
Sẽ lần tìm về túp lều nhỏ lúc hoàng hôn ư?
Cánh rừng lớn khi xưa giờ đã thay bằng rừng lá thấp rải rác lưa thưa
Cả dòng chảy của dung nham, cả mặt trời và thủy triều nữa
Liệu chúng có ngăn trở được giấc mơ nhỏ bé của tôi không?
Tôi sẽ lại uống đầy những ngụm nước đắng chát
Tôi uống lặng lẽ riêng mình như uống thuốc độc chẳng?
Tôi sẽ khép mắt rồi lại mở ra ư?
Tôi sẽ lại pha đá vào rượu whisky nữa chứ?

13.
Tôi không trở về túp lều nhỏ bé
Tôi không thể pha ý nghĩa vào ngôn ngữ
Như pha đá vào rượu whisky

(Hoàng Long dịch từ nguyên tác Nhật ngữ)

-
1. Nguyên tác là 擲弾兵 (てきだんへい Tekidanhei) người Nhật dùng để dịch chữ “Grenadier” vốn là một binh chủng bộ binh Châu Âu thế kỷ 17 đến 19. Thuật ngữ này được dịch là lính ném lựu hay lính phóng lựu, chỉ lực lượng tinh nhuệ dũng cảm nhất giữ vai trò ném lựu đạn vào các vị trí phòng thủ của đối phương.
 2. Nguyên văn là 白熱 (Hakunetsu Bạch nhiệt) chỉ một vật bị nung đốt ở nhiệt độ cao đến mức phát ra ánh sáng gần như màu trắng.

Miên man nỗi nhớ

HẠNH THUẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trời vào mùa nắng nóng hầu như ngay sau dịp Tết Nguyên đán. Mọi người đã ủa xuống biển từ sáng sớm lẫn chiều hôm, bơi lội thỏa thích trong biển rộng mênh mông hoặc ngồi thư giãn trên ghế đá, trên bãi dài và tận hưởng những làn gió mát trong lành từ cái quạt mây thiên nhiên.



Mỗi buổi sáng đắm mình trong làn nước rồi nằm ngửa, ngược mắt ngắm bầu trời trên cao, tôi lặng lẽ cảm nhận những đổi thay qua từng ngày: Khi thì những đám mây trắng vẽ nên những hình ảnh lạ lùng vui mắt, khi thì bầu trời chỉ một màu xanh thẳm không một làn mây. Lặng lẽ nơi đông người là tính cách bất chợt của tôi, lặng lẽ để nhường cho những suy tư hoặc ý tưởng nào đó—thường là kỷ ức xa xưa—đang ủa về trong tâm trí. Đúng rồi, bầu trời xanh thẳm luôn gây cho tôi cảm giác về sự thanh cảnh, sạch sẽ khôn cùng. Giống như ý tưởng trong đầu của tôi thưở còn thơ, đã có dịp tâm tình với mẹ.

Số là một hôm, tôi được ngồi trên chiếc cyclo cùng Mẹ đi công chuyện gì đó. Khi ngang qua một nơi không được sạch sẽ, rác rến tràn đường, Mẹ tôi bảo tôi lấy tay che mũi để tránh mùi hôi thối. Bỗng nhiên, thay vì làm theo lời Mẹ, tôi lại ngược lên nhìn trời. Mẹ tôi hỏi lý do, tôi thưa: “Con nhìn lên trời để khỏi thấy cảnh dơ dáy. Trời là sạch nhất, Mẹ à!” Lúc về đến nhà, và vài lần sau đó nữa, Mẹ tôi đã thích thú kể cho Ba tôi và mọi người câu chuyện con con này. Tôi nhớ nét vui trên gương mặt Mẹ tôi khi kể “con Thuần hẳn nói...”

Đó là một câu chuyện đáng được ghi nhận trong vô vàn kỷ niệm vui-buồn của mười mấy đứa con của Ba Mẹ tôi. Chỉ vậy thôi mà nó trở thành một vịnh dự cho tôi, thưa các bạn. Vì rằng, mặt khác tôi cũng có những kỷ niệm thời con nít khờ dại ham vui, tôi không muốn nhắc lại vì sợ “dị”! Năm lên chín tuổi, dịp nghỉ hè, tôi được Ba Mẹ tôi cho phép vào ở chơi nhà một người bà con trong Cam Ranh. Mê mẩn với vườn cây ăn trái của họ, tôi cứ nấn ná xin họ cho ở thêm dù đã đến ngày phải về... Mới đây, anh trai kẻ của tôi đã gởi cho tôi qua Messenger hình chụp lại lá thư Mẹ tôi viết

lúc đó (ngày 13-7-1965) để kêu tôi về. Thật tình, đến bây giờ tôi chẳng nhớ “sự kiện” đó diễn biến ra sao, tôi đã bị Mẹ tôi la mắng đến mức nào. Ghê thật, anh tôi lưu giữ cái thư vì anh có viết kèm vài hàng cho tôi, tỏ ý nhớ mong đưa em gái thân cận! Thư Mẹ tôi viết như vậy: “Đáng lẽ Mẹ gởi vô cho Thuần 1 cái roi, quất 10 roi vì cái tội... (tôi - tác giả -

xin phép bỏ qua đoạn này, một phần vì thư đã bị hư hỏng theo thời gian)! Nhưng ngày ni là ngày khai kinh vía Đức Quan Thế Âm nên Mẹ đại từ mà tha cho. Con nhớ niệm danh hiệu Quan Thế Âm trước khi ngủ, từ đây tới ngày về cúng ông Ngoại...” Vậy rồi tiếp theo phần răn đe, Mẹ tôi viết: “Cho con ...\$ đây, để con mua ghẹ ăn. Em Yên nói nhớ chị Thuần, buồn lắm.”

Sau này lớn lên vào Sài Gòn làm việc, tôi bắt buộc phải xa nhà, xa cha xa mẹ dài dài... Có dịp về thăm, khi hai mẹ con ngồi bên nhau, tôi nhớ Mẹ tôi chỉ hỏi han chuyện tình cảm của tôi một lần duy nhất: “Con làm việc trong một môi trường năng động (tòa soạn một tờ báo) mà không quen ai, hả con?” Tôi xúc động ôm lấy Mẹ, trả lời dứt khoát luôn: “Dạ không quen ai, Mẹ ơi. Cái số của con như vậy rồi.” Nhờ vậy, theo tôi nghĩ, Mẹ tôi không còn phải áy náy khi tôi về chăm sóc bà những năm cuối đời...

Hôm nay, những nỗi nhớ miên man hiện về trong tâm trí tôi. Có lẽ một phần do sắp đến ngày cúng Đại tường (mãn tang) của Mẹ tôi, chị em trong gia đình đang tập trung vào việc chuẩn bị cho buổi lễ quan trọng... Ngẫm nghĩ lại, tôi đã khóc nhiều với hai đại tang—sự qua đời lần lượt của Ba và Mẹ tôi (cách nhau đến hơn ba mươi năm). Tôi đã và sẽ để tang đến hết cuộc đời độc thân của mình, và luôn khắc ghi những hoài niệm cô đọng về hai con người kính yêu đã mãi mãi rời xa...

Hạnh Thuần
(tháng 6-2022)



RUN TAY

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Run tay chân là chứng bệnh mà tiếng Anh gọi là Tremor hoặc Shaking Movement. Bệnh có thể xảy ra ở bất cứ tuổi nào kể cả nam lẫn nữ, nhưng thường thấy hơn ở người tuổi cao. Chúng tôi xin nói rộng hơn về bệnh này ở một dịp khác để độc giả thêm hiểu biết; nay chỉ nói tổng quát.

Run là một chuyển động nhịp nhàng, không chủ động tức là mình không kiểm soát được của một bộ phận nào đó trong cơ thể như bàn tay, cánh tay, đầu, mặt, thân mình và chân. Run thông thường nhất là ở hai bàn tay.

Đây là dấu hiệu của nhiều rối loạn thần kinh nhưng cũng thấy ở người lành mạnh.

Bệnh không gây nguy hiểm nhưng người bệnh cảm thấy bối rối và đôi khi không làm được các sinh hoạt hàng ngày như và cơm vào miệng, cài khuy cúc quần áo, đánh răng, cầm một vật gì hoặc khi đi đứng.

Các hình thức run

Run chân tay có nhiều dạng khác nhau như:

- Run khi cơ bắp nghỉ và hết run khi cơ bắp co duỗi làm một động tác nào đó;
- Run khi cơ bắp đầu làm một công việc nào đó, như cài cúc áo, gơ tay cầm một vật gì, như cầm ly uống nước;
- Run khi tay giữ ở một vị thế nào đó trong một thời gian lâu, như là cầm bút viết cả giờ đồng hồ hoặc hai cẳng chân run khi đứng lâu;
- Có người đầu run giật lên xuống hoặc lắc lắc ngang lắc dọc như khi gật đầu có có, lắc đầu không không hoặc khi đưa ngón tay gãi sống mũi thì tay run run không đụng tới mũi được...

Nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân gây ra run tay chân nhưng thông thường nhất là nhóm run mà không biết nguyên nhân do di truyền.

Ngoài ra run còn thấy ở những trường hợp như sau:

- Run khi tinh thần căng thẳng, lo âu, sợ hãi;
- Khi nóng sốt, đường huyết xuống thấp;
- Run khi có thương tích, rối loạn chức năng tế bào thần kinh kiểm soát sự vận động của cơ bắp như trong bệnh liệt rung Parkinson;
- Tổn thương tiểu não sau tai biến động mạch não, u bướu tiểu não;
- Tác dụng ngoại ý của một số dược phẩm như thuốc trị tâm bệnh, thuốc nhóm corticosteroid;
- Tác dụng của rượu khi quá chén hoặc khi thèm nhớ rượu mà không có rượu;
- Hậu quả của ghiền ma túy hoặc ngộ độc thủy ngân;
- Trong các bệnh như cường tuyến giáp, suy gan, chứng đa viêm xơ cơ multiple sclerosis;
- Tổn thương dây thần kinh ngoại vi khiến bàn tay bàn chân run.

Điều trị

Về điều trị thì rất khó khăn vì không có thuốc trị dứt mà chỉ giảm dấu hiệu, giúp khả năng cơ thể ổn định hơn.

Điều trị căn cứ vào nguyên nhân gây bệnh. Chẳng hạn trong liệt rung Parkinson thì dùng hóa chất bổ sung thiếu chất này ở não bộ hoặc do stress thì dùng các thuốc an thần, thuốc chống co giật cơ.

Phẫu thuật đôi khi cũng được áp dụng khi bệnh quá trầm trọng, gây khó khăn cho sự sống của người bệnh.

Ngoài ra còn điều trị với găng các thiết bị kích thích tế thần kinh vào não bộ gọi là Deep Brain Stimulation cũng công hiệu, nhưng thường thường là dành cho các trường hợp run nặng như ở bệnh run khi nghỉ Parkinson.

Nói chung, bệnh nhân cần được bác sĩ chuyên khoa thần kinh nội, ngoại theo dõi và đưa ra các phương án trị liệu.

Vật lý trị liệu cũng giúp bệnh nhân rất nhiều. Chuyên gia sẽ hướng dẫn bệnh nhân cách kiểm chế sự run của cơ; hướng dẫn duy trì sự cân bằng của cơ thể. Chẳng hạn, để tránh run giật ở cánh tay, có thể giữ tay sát vào thân mình, đeo vật nặng ở cổ tay hoặc mang thanh nẹp gỗ hoặc kim loại.

Thân nhân cần thường xuyên hỗ trợ người bệnh cả về tinh thần cũng như thể chất, giúp họ thích nghi với khó khăn, đặc biệt là các hoạt động thường nhật như ăn uống, tắm rửa, vệ sinh cơ thể. Luôn luôn khích lệ và chỉ dẫn họ cách thức kiểm chế sự run.

Lưu ý là run tay mà lại kèm theo cảm giác tê tê ở đầu ngón tay, 1/2 mình như liệt mất cảm giác, nhức đầu thì kêu cấp cứu vì có thể là dấu hiệu của stroke tai biến động mạch não.

Ngoài ra cũng nên giới hạn cà phê, rượu là những chất kích thích thần kinh, gây ra run.

Lâu lâu, ngồi tập trung thư giãn cũng giúp kiểm soát sự run tay.

Mua áo có băng dán dính loại Velcro để thay thế cho cài khuy cúc. Dây dép cài cũng bằng băng dính thay vì cột dây.

Ăn với muỗng nĩa có cán lớn để cầm lọt bàn tay.

Nên để ý tránh rui ro té ngã trong khi đi lại hoặc làm một việc gì mà bị cơn run tay chân xuất hiện.

Nếu run tác động thường xuyên lên công việc hàng ngày thì nên trở lại bác sĩ để được khám và thay đổi thuốc.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức
Texas Hoa Kỳ



NHẬN NGƯỜI LÀM ANH

*Một người giàu có thuở xưa
Tác phong đứng đắn lại thừa thông minh
Cho nên các kẻ chung quanh
Tỏ lòng thần phục, tỏ tình kính yêu
Xa gần ái mộ rất nhiều.
Bỗng đâu có kẻ sớm chiều lân la
Tờ lúi thăm viếng thiết tha
Rồi sau nhận họ: “Ông là anh tôi.”
Điều này cũng dễ hiểu thôi
Của làm tôi mất khiến người đối gian
Kết thân thích, nhận họ hàng
Để mà lợi dụng bạc vàng chứ đâu.
Ít lâu sau người nhà giàu
Khốn cùng, sa sút hết mau bạc tiền
Kẻ kia bèn trở mặt liền
Giờ đây lại nói: “Chẳng quen thuộc gì
Ông nào có phải anh chi.”
Lời sao lãnh đạm, nghe thì đáng khinh
Bà con lối xóm bực mình
Cười chê kẻ đó: “Quả tình bất nhân!”*

*

*Truyện này thí dụ rất gần
Có phường tà giáo manh tâm lọc lừa
Lời hay của Phật nhận bừa
Nhận là giáo pháp từ xưa của mình
Đến khi dân chúng ở quanh
Cùng nhau bảo họ thực hành ngay đi
Những người này chẳng phụng trì
Chẳng theo giáo pháp thực thi chút gì
Hoàn toàn chỉ muốn ngăn che
Âm mưu tội ác u mê gian tà.
May thay Giáo Pháp Phật Đà
Dễ chi bị bọn tà ma lộng hành.*

TÂM MINH NGÔ TÀNG GIAO

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

ONE RECKONS ANOTHER MAN TO BE ONE'S ELDER BROTHER

Once upon a time, there was a man endowed with a respectable appearance and intelligence as well as wealth. All these evoked feelings of admiration and praise from the people around him. Another man then claimed this man to be his elder brother. He did so, because of the man's wealth. When he needed money, he called the man elder brother. After the rich man paying his debt, he stopped calling him elder brother. A bystander asked, "You are a strange man. When you are in need of money, you call him elder brother. When he is in debt, you will not. Why?"

The man answered, "When I want to get at his money, I'll call him elder brother. As a matter of fact, he isn't my own elder brother. When he is in debt, I will not call him elder brother."

Hearing these words, people laughed at him.

The heretics, who have heard the good words of Buddhism, purloin and make use of them as their own. When people try to teach them how to practice the good words, they do not want to listen. They declared that they use the good words of Buddhism to instruct the other people in order to earn a living. There is no need that they should bother to know how to practice it.

Those heretics are just like the stupid man who calls the rich man elder brother for his money.

(Trích dẫn trong SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES" do Tetcheng Liao, Tiến Sĩ Luật Khoa Viện Đại Học Paris, dịch)

HÃY LÀ NGƯỜI CẦU PHÁP, KHÔNG MONG CẦU TÀI VẬT

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

"Một thời Đức Phật du hóa nước Câu-tát-la cùng đại chúng Tỳ-kheo, qua đến phía Bắc làng Ngũ sa-la, trong rừng Thi-nhiếp-hòa với hàng đại đệ tử Trưởng lão, thượng tôn, danh đức, như các ngài: Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Lê-việt, Tôn giả A-nan và các đại đệ tử Trưởng lão thượng tôn danh đức khác ngang hàng như vậy cũng có mặt tại làng Ngũ sa-la. Tất cả đều ở gần bên cạnh ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Các người nên thực hành sự cầu Pháp, đừng thực hành sự cầu âm thực. Vì sao? Vì Ta thường tưởng các đệ tử, muốn các đệ tử nên thực hành sự cầu Pháp, chứ không thực hành sự cầu âm thực. Nếu các người thực hành cầu âm thực, không thực hành sự cầu Pháp, không những các người tự xấu xa, mà Ta cũng không được danh dự gì. Nếu các thầy thực hành sự cầu Pháp, chứ không thực hành sự cầu âm thực, không những các thầy đã tự tốt đẹp mà Ta cũng được danh dự".

(Kinh Trung A-hàm, phẩm Uế, kinh Cầu pháp, số 88 [trích])

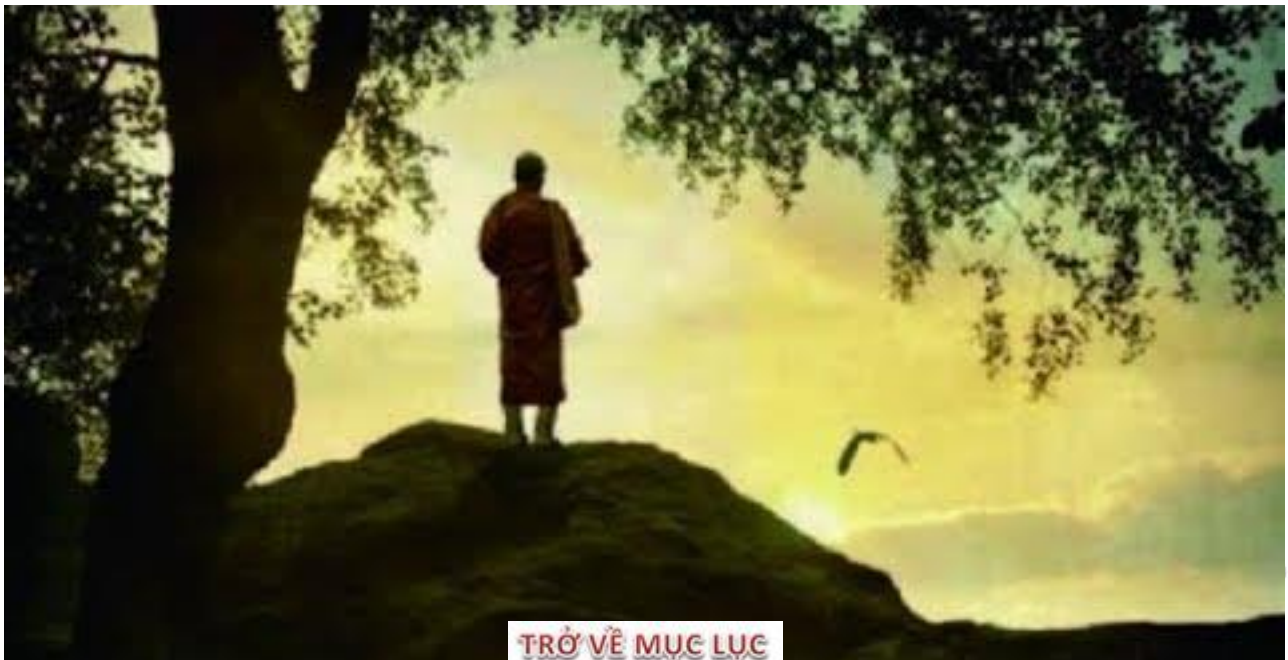
Khi Tăng đoàn phát triển, một bộ phận nhỏ gia nhập Tăng đoàn, phát tâm xuất gia nhưng không thật sự cầu Pháp, có khuynh hướng cầu cơm áo nên Thế Tôn nghiêm nghị nhắc nhở: "Các người nên thực hành sự cầu Pháp, đừng thực hành sự cầu âm thực". Kinh tạng Pàli tương ứng cũng ghi lại lời dạy này: "Hãy là những kẻ thừa tự Pháp của Ta, chớ đừng là kẻ thừa tự tài vật".

Hiện trạng này đã có từ thời Thế Tôn còn tại thế và dĩ nhiên cũng có mặt trong Tăng đoàn ngày

nay. Có hai nguyên nhân chính: Một là không do hảo tâm xuất gia, gia nhập Tăng đoàn vì hoàn cảnh mà không có lý tưởng tu tập giác ngộ và giải thoát. Hai là xuất gia một thời gian, không được học Pháp đầy đủ, không nắm được pháp vị an lạc để xả buông nên thối thất tâm tốt ban đầu, họ không đi tìm lời cây mà chỉ nhặt nhạnh cành lá, chuyển hướng sang thừa tự tài vật. Mọi tranh chấp, rắc rối và hệ lụy trong Tăng đoàn đều xuất phát từ đây.

Cầu Pháp có nghĩa là tìm hiểu và thực hành Chánh pháp. Hiểu đúng về lời Thế Tôn dạy, thấy rõ con đường tu từ phàm lên Thánh, nắm vững đạo lộ giải thoát, đây thuộc về pháp học. Sau đó, ứng dụng thực hành Pháp trong đời sống, từng bước chuyển nghiệp để hướng đến dứt nghiệp. Pháp hành có kết quả sẽ giúp hành giả an lạc, củng cố thêm pháp học, tăng trưởng thêm niềm tin và nguyện lực thành tựu giải thoát trong hiện đời. Bấy giờ, tài vật hay tử vật dụng chỉ là phương tiện để nuôi thân và làm đạo. Với họ, tài vật chỉ là cành lá chứ không phải là lõi cây nên buông xả nhẹ nhàng.

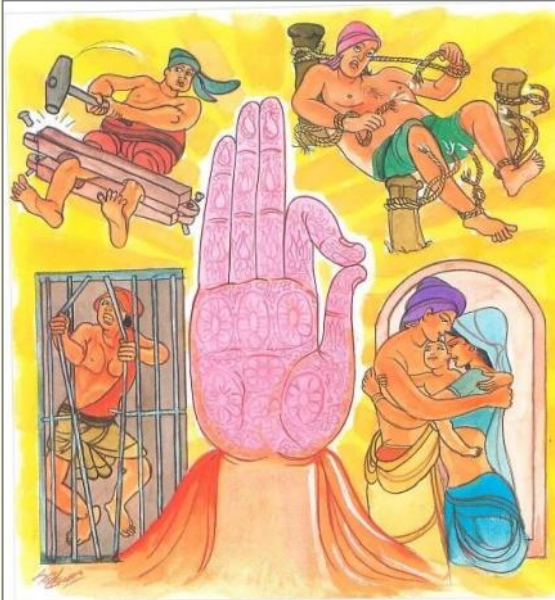
Người kém duyên trong đường tu thì ngược lại, xuất gia chỉ với mục đích tầm thường tìm cầu lợi lộc và hư danh. Tự thân đã không tiến xa trên con đường giác ngộ và giải thoát mà những hệ lụy do họ gây ra còn làm tổn hại đến Tăng đoàn, ảnh hưởng đến thanh danh của cả Đức Phật. Thế nên, người xuất gia mà chưa xác định đúng hoặc đi lệch với mục tiêu cao thượng là tìm cầu giác ngộ và giải thoát thì cần phản tỉnh, quay đầu nhằm học tập, thực hành và chứng đạt Chánh pháp.



TRỞ VỀ MỤC LỤC

The Story on Imprisonment

Dhammapada, Verses 345 & 346



Fetters of iron, etc., are not reckoned as strong as desire for wife, children and worldly goods.

345. *Na tañ dajhañ bandhanamāhu dhīrā
yadā'yaśaṇā dārujañ babbajjañ ca
sārattarattā māṇikupāleṣu
puttēsu dāreṣu ca yā apakkhā. (24:12)*

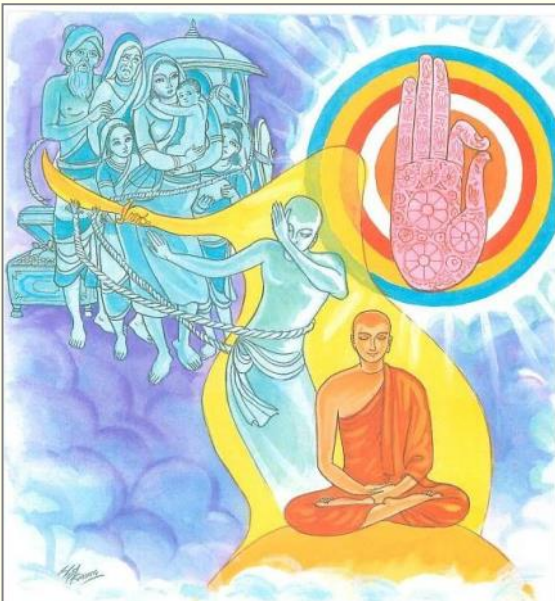
Neither of iron nor wood nor hemp
is bond so strong, proclaim the wise,
as passion's yearn for sons, for wives,
for gems and ornaments.

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (345) and (346) of this book, with reference to some thieves who were kept in chains.

One day, thirty bhikkhus came into Savatthi for alms-food. While they were on their alms-round, they saw some prisoners being brought out with their hands and legs in chains. Back at the monastery, after relating what they had seen in the morning, they asked the Buddha whether there were any other bonds stronger than these. To them the Buddha answered, "Bhikkhus! These bonds are nothing compared to those of craving for food and clothing, for riches and for family. Craving is a thousand times, a hundred thousand times stronger than those chains, hand-cuffs and cages. That is the reason why the wise cut off craving and renounce the world and enter the Order of the bhikkhus."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verses 345 & 346: The wise do not say that bonds made of iron, of wood, and of hemp are strong bonds; they say that only passionate attachment to and care for gems and jewelry, children and wives are strong bonds. These drag one down (to lower planes of existence) and although they seem yielding are difficult to unfasten. The wise, cutting off this bond (of craving) and resolutely giving up sensual pleasures, renounce the world.



Wise go forth, rejecting without a murmur the worldly pleasures, a lower but a tenacious bond.

346. *Ētañ dajhañ bandhanamāhu dhīrā
ōhārināñ sithilāñ duppamūṭṭhāñ
ētañ'pi chetvāna paribbajanti
anapakkhīnā kāmāsukhāñ pahāya. (24:13)*

That bond is strong, proclaim the wise,
down-dragging, pliable, hard to loose.
This passion severed, they wander forth
forsaking sensual pleasures.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

ĐÊM TRĂNG ĐỌC THƠ ĐƯỜNG 2

Nhìn trước người xưa đã mất rồi
Trông sau buồn chỉ thấy lẻ loi
Nào hay trời đất mệnh mông quá
Một mình hiu quạnh mặc lệ rơi.

Rượu quý mềm môi cùng chén ngọc
Tỳ bà đã giục ngựa lên đường
Ai cười trận địa ta say khướt
Chinh chiến mấy người về cố hương?

Hoàng Hà trôi mãi cùng mây trắng
Thành trơ muôn dặm đỉnh non ngàn
Tiếng sáo rợ Khương hồn dương liễu
Gió xuân còn ngại Ngọc Môn Quan?

Hạc vàng bay mất ngói lầu vắng
Ngàn năm mây trắng lưng lò trôi

Quê hương xa khuất chân trời cũ
Trên sông khói sóng buồn chơi vơi.

Trăng tàn vắng tiếng quạ trong sương
Lửa chài phong bãi giấc sầu vương
Nửa đêm thành vắng Hàn San Tự
Vẳng đến thuyền ai một tiếng chuông.

Năm ngoai ngày này tựa cửa trông
Đào hoa vừa ửng má ai hồng
Người xưa nào biết về đâu nhỉ
Đê mặc hoa đào cợt gió đông?

Thơ Đường anh đọc bên thềm cũ
Chỉ một mình thôi dưới ánh trăng
Em như cánh nhạn về di trú
Hết một mùa trăng đã biệt ngàn.

thơ NGUYỄN AN BÌNH



THƯ GỬI NGƯỜI CƯ SĨ TRẺ

Nguyễn Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Duyên khởi bài viết này vì, mấy hôm đầu tháng 5/2022, được một người em họ từ Nebraska sang thăm, nghe vài chuyện Phật sự nơi miền Trung Tây Hoa Kỳ, lòng vui mừng được biết em mình vẫn tin sâu Tam Bảo cho dù đang ở một nơi rất vắng người Việt. Cũng không có nhiều thì giờ để nói chuyện tu học. Phần vì, người từ miền xa lần đầu tới Quận Cam, chỉ có vài ngày chủ yếu là để đi chơi, chụp hình lưu niệm. Do vậy, thư này được viết để trình bày một vài suy nghĩ về tu học và hộ trì Chánh pháp. Mặt khác, để tránh bầu không khí gia trưởng, và để bài viết thích hợp với nhiều bạn cư sĩ trẻ sơ cơ, bài này sẽ dùng cách xưng hô là "tôi" và "bạn" --- hy vọng có vài gợi ý khả dụng cho nhiều độc giả trẻ trong và ngoài nước. Bài viết sẽ trích dẫn kinh điển, tập trung về vai trò người cư sĩ, về khuyến tấn tu chứng quả Dự lưu để bảo đảm sẽ không bao giờ rơi về ác đạo nữa. Các sai sót nếu có, xin được sám hối cùng Tam Bảo.

Thế nào là cư sĩ?

Trước tiên, chúng ta nên thấy rõ thế nào là cư sĩ. Trong Kinh AN 8.25, cư sĩ Thích tử Mahànàma hỏi Đức Phật thế nào là một cư sĩ. Đức Phật trả lời, cư sĩ là người sống với 3 hạnh: thứ nhất, quy y Phật Pháp Tăng; thứ nhì, giữ năm giới; thứ ba, khuyến tấn và thực hành tự lợi và lợi tha. Nếu thiếu một trong ba chi vừa dẫn, hiển nhiên là còn thiếu sót.

Đức Phật dạy rằng cư sĩ là người, trích Kinh AN 8.25, bản dịch của Thầy Minh Châu: "...quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng... từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu... tự mình thành tựu lòng tin và khích lệ người khác thành tựu lòng tin; khi nào tự mình giữ giới và khích lệ người khác giữ giới; khi nào tự mình bố thí và khích lệ người khác bố thí; khi nào tự mình muốn đi đến yết kiến các Tỷ-kheo và khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỷ-kheo; khi nào tự mình muốn nghe diệu pháp và khích lệ người khác nghe diệu pháp; khi nào tự mình thọ trì những pháp đã được nghe và khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; khi nào tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì và khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp, khích lệ người khác sau khi biết nghĩa biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp." (hết trích)



Ác giới dẫn tới địa ngục, Thiện giới dẫn tới cõi trời

Trong Kinh AN 5.174, Đức Phật nói với cư sĩ Anàthapindika:

"— *Này Gia chủ, ai không đoạn tận năm sợ hãi hận thù, được gọi là ác giới và sanh vào địa ngục. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men, rượu nẫu. Này Gia chủ, ai không đoạn tận năm sợ hãi hận thù này, được gọi là ác giới và sanh vào địa ngục.*

— *Này Gia chủ, ai đoạn tận năm sợ hãi hận thù, được gọi là có giới và sanh lên cõi Trời. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men, rượu nẫu. Này Gia chủ, ai đoạn tận năm sợ hãi hận thù này, được gọi là có giới và sanh lên cõi Trời.*" (ngưng trích)

Kẻ bị quăng bỏ ra khỏi hàng ngũ cư sĩ, người là hòn ngọc trong giới cư sĩ

Không phải ai cũng là cư sĩ được. Trong Kinh AN 5.175, Đức Phật dạy rằng có những kẻ phải bị quăng bỏ ra ngoài hàng ngũ cư sĩ, và có những vị là viên ngọc sáng trong hàng cư sĩ. Bản dịch của Thầy Minh Châu trích:

"— *Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ là kẻ bị vất bỏ khỏi giới nam cư sĩ, là cầu uế cho nam cư sĩ, là tối hạ liệt cho nam cư sĩ. Thế nào là năm? Không tin; ác giới; đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; tin tưởng điên lành; không tin hành động; tìm kiếm ngoài (Tăng chúng) người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước...*

— *Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ là hòn ngọc trong giới nam cư sĩ, là hoa sen hồng trong giới nam cư sĩ, là hoa sen trắng trong giới nam cư sĩ. Thế nào là năm? Có lòng tin; có giới; không đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; không tin tưởng điên lành; tin tưởng ở hành động; không tìm kiếm ngoài Tăng chúng người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước."* (ngưng trích)

Thiện giới: Biết ơn ba mẹ, trả ơn ba mẹ

Đức Phật dạy rằng biết ơn, trả ơn ba mẹ là phải giúp cho ba mẹ có lòng tin vào Tam Bảo, an trú ba mẹ vào lòng tin, vào thiện giới, vào bố thí, vào trí tuệ. Trong Kinh AN 2.32, Đức Phật dạy về ơn ba mẹ: "*Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai công mẹ, này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đắm bộp, thoa*

xức, tắm rửa, xoa gôi, và dầu tại đây, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tôi thương uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này. Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiên giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha." (ngưng trích)

Quả Dự lưu có 4 chi: tín Tam Bảo, giữ giới để đắc định

Trong Kinh SN 55.2, Đức Phật dạy, trích bản dịch của Thầy Minh Châu: "Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không có thoái đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là bậc Ứng cúng ... Phật, Thế Tôn". Đối với Pháp ... Đối với Tăng ... Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính ... đưa đến Thiền định. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ?" (ngưng trích) (1)

Dự lưu: thấy rõ tập khởi, đoạn diệt...

Trong Kinh SN 23.7, Đức Phật dạy: "Này Rādhā, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn ... thức thủ uẩn. Này Rādhā, khi nào bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này. Vị này, này Rādhā, được gọi là vị Thánh đệ tử đã chứng Dự lưu, không còn bị



thoải đoạ, quyết chắc đạt đến cứu cánh bồ-đề." (ngưng trích) (2)

Dự lưu: Lòng tịnh tín bất động là chìa khóa

Trong Kinh AN 10.64, Đức Phật dạy:

"Này các Tỷ-kheo, **những ai có lòng tịnh tín bất động ở nơi Ta, tất cả những vị ấy là những bậc Dự lưu**. Với những bậc Dự lưu ấy, năm hạng người đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh. Và năm hạng người nào, đạt được cứu cánh, ngay ở nơi đây?"

Hạng trở lui nhiều nhất là bảy lần (Thất lai), hạng Gia gia, hạng Nhứt chúng, hạng Nhất lai, và vị nào là vị A-la hán ngay trong hiện tại. Năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây..." (ngưng trích) (3)

Ghi nhận: chữ "Gia gia" nơi đoạn thứ nhì ở trên là chỉ bậc Dự lưu còn tái sinh 7 lần, còn tái sinh từ nhà này sang nhà kia (theo bản dịch Sujato.)

Phạm giới nhỏ, cũng có thể là bậc Dự lưu

Trong Kinh SN 55.24, trích, bản dịch của Thầy Minh Châu:

"Ngồi một bên, họ Thích Mahānāma bạch Thế Tôn:

— Ở đây, bạch Thế Tôn, họ Thích Sarakani đã mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu ... chứng quả giác ngộ. Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đồng họ Thích khi tu tập lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "Thật là lạ lùng! Thật là hy hữu! ... Họ Thích Sarakani đã phạm giới và uống rượu."

— Này Mahānāma, một cư sĩ lâu ngày qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng làm sao có thể đi đến đoạ xứ được?

Này Mahānāma, nếu nói một cách chơn chánh: Người cư sĩ nào đã lâu ngày qui y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nói một cách chơn chánh phải nói là họ Thích Sarakani. Này Mahānāma, họ Thích Sarakani đã lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, qui y Tăng, làm sao có thể đi đến đoạ xứ? (.....)

Nếu những cây ta-la lớn này, này Mahānāma, biết những gì là thiện thuyết, ác thuyết, thời Ta cũng sẽ tuyên bố những cây ấy là những bậc Dự lưu, không còn bị thoái đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ, hưởng nữa là họ Thích Sarakani..." (ngưng trích) (4)

Tương đương là bên A Hàm, Kinh SA 936, ghi thêm rằng có yếu tố cận tử biết tỉnh ngộ: "Này Ma-ha-nam, Bách Thủ họ Thích lúc sắp chết, nhờ thọ trì tịnh giới, bỏ uống rượu nên sau khi mệnh chung Ta ký thuyết ông đắc Tu-đà-hoàn,... cho đến cứu cánh thoát khổ."

Dự lưu: tịnh tín Tam Bảo, lìa tham, thường bố thí

Trong Kinh SN 55.39, Đức Phật dạy cho một nữ cư sĩ, trích:

"— Thành tựu bốn pháp, này Godhā, vị nữ Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godhā, vị nữ Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng, ... Phật, Thế Tôn" ... đối với Pháp ... đối

với chúng Tăng ... Vị này trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bồ thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia xẻ vật bồ thí. Nay Godhà, thành tựu bốn pháp này, một nữ Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thoái hạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ." (ngưng trích) (5)

Chọn pháp tu thích hợp

Đọc kỹ lời Đức Phật dạy về quả Dự lưu, chúng ta thấy phần lớn tập trung vào giới và sự tương tác với xã hội chung quanh. Thí dụ, quy y, giữ giới, ngoài đời giới tay nghề, trong đạo tịnh tín bất động, lòng ưa bồ thí, không vướng cấu uế, từ bỏ xan tham, không theo tà kiến (không đoán tương lai, không tin điềm lành, không theo nghi lễ đặc biệt [của ngoại đạo]...). Duy trong Kinh SN 23.7 nêu trên, Đức Phật nói người chứng Dự lưu là đã **như thật biết rõ** sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn --- tức là Thiền, tức là quán sát thân tâm để thấy sinh diệt của năm thủ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức); Đối chiếu với nhiều Kinh khác, nếu thấy thực sự trọn vẹn như thế, cũng chính là đã chứng quả A la hán.

Trong cương vị người cư sĩ hiện nay, nhất là những người sống nơi xa ở xứ người, may mắn thì còn gần chùa, gần thầy, còn thì cơ duyên học pháp phần lớn là đọc bài trên mạng, nghe pháp trên YouTube; trường hợp như thế, nên tự tu tập nhiều pháp, để rồi sẽ chọn một hay vài pháp thích nghi. Đôi khi, gặp những đoạn văn tiếng Việt khó hiểu trong Kinh, nên tìm đọc bản tiếng Anh đối chiếu để hiểu rõ hơn. Thêm nữa, đọc Kinh đối chiếu với tiếng Anh cũng là cơ hội học tiếng Anh. Nếu tiếng Anh còn kém, nên vào YouTube và gõ "learning English" để theo các video học tiếng Anh; không có trường nào dạy tiếng Anh trên đời này xuất sắc hơn YouTube.

Thiền tâm từ, tưởng bất tịnh, niệm hơi thở, tưởng vô thường, tưởng vô ngã...

Đức Phật có dạy một pháp để được 11 lợi ích, trong đó người tu sẽ được chư Thiên bảo hộ: đó là Thiền Tâm Từ. Kinh AN 11.15 ghi lời Đức Phật dạy: "...từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tác thành có xe, được tác thành căn cứ địa, được tiếp tục an trú, được tích tập, được khéo khỏi sự thôi được chờ đợi là mười một lợi ích. Thế nào là mười một? Ngủ an lạc, thức an lạc, không ác mộng, được loài người ái mộ, được phi nhân ái mộ, chư Thiên bảo hộ, không bị lửa, thuốc độc, kiếm xức chạm, tâm được định mau chóng, sắc mặt trong sáng, mệnh chung không hôn ám; nếu chưa thể nhập thượng pháp (A-la-hán quả); được sanh lên Phạm thiên giới."

Cách đơn giản để tu Tâm từ là ghi nhớ lời Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sinh đều đã từng là ba mẹ, anh chị của mình. Hoặc thọ trì Kinh Metta Sutta trong đó ghi lời Đức Phật dạy rằng tu Tâm từ là tự thấy mình là mẹ và xem tất cả chúng sinh các cõi như đứa con trai độc nhất của mình.

Trong Kinh Ud 4.1, Đức Phật dạy ngài Meghiya (một vị thị giả của Đức Phật trong những năm trước khi ngài Ananda giữ chức thị giả bên Phật): "**Nên tu tưởng bất tịnh để xa lìa tham, tu tâm từ để xa lìa sân, tu niệm hơi thở để cắt đứt**

dòng suy nghĩ, và tu pháp tưởng vô thường để nhổ gốc rễ cái chấp 'có tự ngã'."

Chúng ta nên đơn giản hóa pháp tu bất tịnh, dựa theo Kinh AN 4.169: "...sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng nhằm chán đối với các món ăn, với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thể giới, quán vô thường đối với tất cả hành, với tưởng chết, khéo an trú nội tâm..." Như thế, **bất tịnh** nghĩa là nhằm chán và không vui sướng với tất cả những gì được thấy, được nghe, được cảm thọ, được hay biết (nghĩa là thể giới trong và ngoài thân tâm). Còn **niệm tử, hay tưởng chết**, nên rút gọn về cái nhìn tất cả các pháp đang tịch diệt, như thế nghĩa là đang thấy, nghe, cảm thọ, hay biết tất cả các pháp đang biến mất, đang tan rã (kể cả thân tâm mình).

Thiền hơi thở có thể xem là một phần của Niệm Thân. Nhiều Kinh ghi về Thiền hơi thở đầy đủ có 16 chi. Tuy nhiên, có một số Kinh, ghi lời Đức Phật dạy cách thở đơn giản là "quán từ bỏ (xả ly) trong khi niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra." Nghĩa là, chỉ có 2 chi .

Kinh SN 54.4 ghi rằng: "**Tu tập như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra có quả lớn, có lợi ích lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Niệm hơi thở vô, hơi thở ra được tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, được chờ đợi một trong hai quả sau: Ngay trong hiện tại, được Chánh trí; nếu có dư ý, chứng quả Bất lai."** (ngưng trích) - (Các Kinh SN 54.6, SN 54.7, SN 54.9 cũng tương tự). (6)

Trong Kinh AN 9.20, Đức Phật dạy rằng niệm tâm từ và niệm vô thường có công đức và oai lực rất lớn, rằng có cúng dường 100 vị A la hán, 100 vị Độc giác Phật, một Như Lai, và xây tịnh xá cho vô lượng chư tăng mười phương thì cũng không bằng "**có ai dầu chỉ trong một khoảnh khắc vắt sữa bò, tu tập từ tâm, và có ai dầu chỉ trong một khoảnh khắc búng ngón tay, tu tập tưởng vô thường, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia."** (7)

Thế nào là niệm vô thường? Niệm vô thường là liên tục thấy rằng không có gì có thể gọi là một cái gì, vì dòng chảy xiết luôn luôn trôi chảy qua thế giới trong và ngoài thân tâm chúng ta. Chúng ta không thể nghĩ về cái hiện tiền, vì thế giới hiện tiền được ví như điểm tiếp giáp là hạt mè lơ lửng nơi đầu mũi kim. Thấy như thế, là thấy không có bất kỳ pháp nào có thể gọi là tự ngã. Chúng ta không có tự ngã, vì thân tâm chỉ là một dòng sông đang chảy xiết của "một nhúm bọt sắc thọ tưởng hành thức"... Các Thiền sư thời xưa thường nói, mở miệng là sai rồi. Bởi vì mở miệng, là mất liên pháp hiện tiền.

Niệm vô thường cũng dẫn tới thấu triệt vô ngã. Để sống với dòng sông vô thường, để nhận ra khối lung linh vô ngã của thân tâm, cách tiếp cận phải là trực tiếp, không dựa vào bất kỳ phương pháp nào, phải là cái thấy tinh thức của vô ngôn, của vô tâm. Khi chúng ta xem trên bóng đá trên TV, hề suy nghĩ so đo là mất liên cái thấy hiện tiền nơi quả bóng, hề mở miệng nhận định đúng sai giới dờ là mất liên cái thấy hiện tiền của

những bước chạy theo bóng. Nghĩa là, **cái thấy hiện tiền** là một tình thức thường trực của vô ngôn (không bàn cãi nói năng), của vô tâm (không nghĩ ngợi). Tương tự, khi chúng ta nghe một ca sĩ hát, hể suy nghĩ so đo là mất liền cái nghe hiện tiền nơi lời ca, hể mở miệng nhận định đúng sai giới dờ là mất liền cái nghe hiện tiền của ý nhạc. Nghĩa là, **cái nghe hiện tiền** là một tình thức thường trực của vô ngôn (không bàn cãi nói năng), của vô tâm (không nghĩ ngợi). Tương tự, với cảm thọ, với nhận biết. Hể nghĩ ngợi, hể dùng ngôn ngữ là mất liền cái hiện tiền, bởi vì ngôn ngữ và nghĩ ngợi là cái khung của quá khứ, là cái gánh nặng của vô lượng ngày hôm qua. Ngay khi **thấy nghe cái hiện tiền** (dù là của trần bóng đá hay của cuộc hòa nhạc) thì vô lượng những cái ngày hôm qua biến mất, vì cái hiện tiền không phải Tây, Tàu, Mỹ, Việt, Nhật, Hàn... mà chính là vô lượng cái không biết, vô lượng cái chưa từng biết, và là cái hạnh phúc hiển lộ ngay khi chúng ta sống được trong cái hiện tiền vô thường (dù là đang xem đá bóng) thì đã không còn thấy bóng dáng tham sân si nơi nào.

Nhận biết mình đang tắm trong dòng sông vô thường cũng là **hiểu rõ như thật**, cũng là **Thiền Tịnh**, theo lời Đức Phật dạy trong Kinh SN 35.100, trích: *"Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Thiền tịnh, hiểu rõ như thật. Và hiểu rõ gì như thật? Như thật hiểu rõ mắt là vô thường, như thật hiểu rõ các sắc là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn xúc là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường... tại... lười... thân... ý... Này các Tỷ-kheo, hãy hành trì hạnh Thiền tịnh."* (ngưng trích) (8)

Đó chính là cái thấy tối thượng, cái nghe tối thượng... như ghi trong Kinh SN 35.100: *"Tôn giả Bhaddaji vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau: — Khi người ta nhìn, này*

*Hiền giả, không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là **sự thấy tối thượng**. Khi người ta nghe không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là **sự nghe tối thượng**. Khi người ta cảm giác lạc thọ không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là **an lạc tối thượng**. Khi người ta cảm tưởng không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là **tưởng tối thượng**. Khi người ta hiện hữu không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là **hữu tối thượng**."* (9)

Đức Phật còn dạy nhiều pháp nữa. Nơi đây chỉ viết lại theo kiểu rút gọn một số pháp tiện dụng cho bạn. Khi hiểu được một cửa vào, rồi sẽ hiểu tất cả những cửa vào khác, vì vị giải thoát chỉ là một. Mỗi người cư sĩ đều sẽ tự thích nghi theo cách riêng. Chỉ hy vọng rằng bài viết này là một lời mời lên đường cho các bạn trẻ, để bước vào kho tàng mệnh mông của Chánh pháp. Và đừng bao giờ đi chệch hướng.

GHỊ CHÚ:

- (1). Kinh SN 55.2: <https://suttacentral.net/sn55.2/vi/minhchau>
- (2). Kinh SN 23.7: <https://suttacentral.net/sn23.7/vi/minhchau>
- (3). Kinh AN 10.64: <https://suttacentral.net/an10.64/vi/minhchau>
- (4). Kinh SN 55.24: <https://suttacentral.net/sn55.24/vi/minhchau>
- (5). Kinh SN 55.39: <https://suttacentral.net/sn55.39>
- (6). Kinh SN 54.4: <https://suttacentral.net/sn54.4/vi/minhchau>
- (7). Kinh AN 9.20: <https://suttacentral.net/an9.20/vi/minhchau>
- (8). Kinh SN 35.100: <https://suttacentral.net/sn35.100/vi/minhchau>
- (9). Kinh SN 35.100: <https://suttacentral.net/sn35.100/vi/minhchau>



BÚN CHAY NGÀY RẼM

Ngày rằm, mừng một những người ăn chay kỳ thường hay làm những món đơn giản vì nghĩ rằng chỉ ăn chay một hai bữa thì nấu đại khái vài món đơn giản. Đồng thời, cũng có nhiều gia đình trường chay, mong muốn mọi người trọng gia đình thích thú với việc ăn chay thay đổi khẩu vị mà không có nhiều thời gian chuẩn bị. Do đó, tôi xin được giới thiệu món bún chay học được từ những buổi ăn cơm chùa.



Món bún chay ăn kèm rau tươi cũng rất hợp lý cho những người bận rộn nhưng vẫn đảm bảo dinh dưỡng - vì nếu nấu cơm thì phải nấu nhiều món (canh, mặn, xào... và cơm). Nấu bún chỉ nấu một lần, rất nhanh không mất nhiều thời gian chuẩn bị.



Nguyên liệu cho món bún chay gồm: nấm bào ngư, nấm rơm, đậu khuôn, rong biển, khóm, cà chua, rau cô-rôn, rau thơm, tía tô, rau răm, ngò, sà, ớt...

Đậu khuôn trắng luộc giã nhuyễn, nấm bào ngư xắt nhuyễn, chiên vàng trộn chung với đậu và rong biển, nêm nếm gia vị vo lại từng viên tròn xong hấp hoặc chưng cách thủy khoảng 10 phút, để nguội.



Cà chua cắt múi cam, khóm cắt lát mỏng. Xào cà chua, khóm, nấm rơm và sà đập dập lấy mùi thơm, nêm nếm gia vị. Sau đó cho hỗn hợp đã xào thấm vào nồi nước dùng đã đun sôi. Nêm nếm lại gia vị theo khẩu vị. Nước dùng có thể ninh từ mía, hoặc các loại rau củ, quả.



Bún chay có vị chua của cà chua và khóm, mùi thơm của rong biển sẽ tạo thành một hương vị rất đặc trưng. Vị ngọt thanh từ nước củ quả, ăn kèm với rau sống rau thơm các loại.

Nguồn: *Bài & ảnh Nguyễn Hân*

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



LIỄU QUÁN

Sư vốn mồ côi mẹ từ nhỏ, một lần theo cha lên chùa lễ Phật sanh lòng mến mộ bèn xin ở lại chùa. Sau năm năm thì phải về nhà chăm sóc cha già, đến khi cha mất sư quay trở lại chùa để tu học. Sư đã theo học với các vị danh tăng như: Thạch Liêm, Tử Dung... Sư từng trải qua bảy năm mà không ngộ được công án:

"Muôn pháp quy về một chỗ nhưng mà chỗ nào?"

Sư còn kinh qua nhiều thử thách nữa nhưng vẫn chưa ngộ, mãi đến khi đáp:

*"Trâu đất gầy sừng rồng suốt đêm
Đàn tranh đứt dây gảy trọn ngày"*

Bấy giờ thiền sư Tử Dung cả cười ẩn chứng. Sư khai sơn chùa Thiền Tôn và gần như cả đời ở đây. Sư làm cho Phật giáo Đàng trong trở nên hưng thịnh và cũng chính sư là đệ tử của dòng Lâm Tế, suốt đời hành hoạt Việt hóa dòng truyền thừa này. Sư biết trước ngày tịch, có để lại kệ truyền thừa và nhắn nhủ hàng môn đệ: "...Sau khi ta đi, các người hãy ghi nhớ: Vô thường mau chóng hãy siêng năng tu học bất nhả, chớ quên lời ta!"

Ngày nay bốn chúng đệ tử tưởng nhớ ân sư:

**LIỄU TÂM VÔ THƯỜNG, BÀI KIẾN TÔN SƯ
THO GIÁO PHỤNG HÀNH CHÂN TÁC THANH QUY
XIÊN DƯƠNG NGHIỆP TỔ CANH TÂN LÂM TẾ**

**QUÁN THÂN BẤT TÍNH QUY NGƯỠNG
PHẬT MÔN TRUYỀN TRAO CHÁNH PHÁP CHẾ TRỊ
PHẠM HẠNH KHAI ĐỘ HẬU SANH HÀNH HOẠT
THIỀN TÔN.**



Tháp mộ Tổ sư Liễu Quán ở chân núi Thiên Thai, Huế

TỨC LÀ CŨNG ĐÃ LÀM

Cuộc sống đều đều trôi qua, đời đầy rẫy những bất công, đói nghèo, bệnh tật, khổ đau... Người giàu sang hạnh phúc thì rất ít. Thiên hạ bàn tán lý giải nhiều cách nhưng chung quy cũng cho là nhân duyên quả báo. Anh Bảy miệt ngoài thì lý sự:

- Ổi giờ, nhân với chà quả, toàn vớ vẩn, đó chỉ là sự may rủi tình cờ đấy thôi!

Ngày thường anh ta vẫn thế, tuyệt đối không giúp người khổ khó, không thí một cắc bạc, gặp việc ác anh ta có khả năng ngăn chặn nhưng vẫn làm ngơ, gặp lời chỉ trích thì anh ta oang oang:

- Ai lo phận nấy, tôi không làm ác là được rồi!

Thế rồi thời gian qua mau, đời khó lường được, công việc làm ăn thất bại đến độ khánh kiệt mà đời thì họa vô đơn chí. Anh Bảy phát hiện mình mắc bệnh nan y, vì anh sống quá ích kỷ nên giờ cũng chẳng ai quan tâm đến anh ta, nằm trên giường bệnh anh Bảy hối hận:

- Không làm gì cả tức là đã làm cả rồi!

VỐN MỘT NHÀ

Thuở quá khứ xa xưa có nhà kia sanh được ba cậu con trai, anh con cả thì hiền lành chịu thương chịu khó lại còn học Phật ăn chay giữ giới... Hai người em sanh sau, ý gia đình giàu có, chẳng chịu học hành hay tu tập chi, ăn chơi tới bến luôn, lại còn bảo người anh:

- Đời ngắn ngủi, tội chi anh hành xác cho khổ? Hãy hưởng thụ đi anh!

Người anh khuyên nhủ:

- Đời ngắn tạm thật! Chớ quá buông lung, vô thường đến thì lo sao kịp, hai em phải cẩn trọng!"

Vô thường quả là nhanh, chẳng mấy chốc cả ba đều qua đời, vì thương yêu nhau nên họ lại tái sanh trong một nhà lần nữa nhưng lần này thì người anh còn thân người, hai người em thì kẻ thân chó, người thân gà. Người anh ở thân người rất thương hai con vật này, chăm sóc cho ăn uống đầy đủ... hai con vật cũng quyen luyến cứ theo người chủ. Nhiều người lý giải nhưng không xong, nhân có vị khách du qua làng, họ bèn đem chuyện hỏi. Ông ấy quán xét một chập rồi bảo:

- Bọn họ tuy nay khác thân phận nhưng xưa vốn một nhà.

HÃY COI ANH TA LÀM

Hai người vốn là anh em, tuy nhiên người

anh thì tánh tình keo kiệt, khắc khổ, ham tiền quá độ, chỉ lo bòn một và gom góp chứ chẳng chịu giúp ai cả. Nhiều người cười chê, trách móc:

- Ngay cả thân nhân trong nhà, anh ta còn chưa cho xu nào thì nói gì giúp người ngoài!

Anh ta phân trần, biện minh thậm chí đem cả giáo lý Phật pháp ra thao thao giải thích nhưng làm sao người ta tin, trong khi anh hành động ngược lại. Thời gian qua mau, chẳng mấy chốc anh ấy già đi, thế mà còn phải mua nhà, cưới vợ cho con, bao nhiêu của cải chia cho con và chẳng bao lâu thì chúng ăn xài phá tan hoang. Người anh đau khổ và tiếc của trong khi người em nghèo khổ nhưng thẳng ngày sống thông thả an lạc chẳng bận tâm chi. Người anh ta vẫn không nhận ra vấn đề, cứ một mực than trời trách đất, đã thế lại còn giờ đạo lý ra nói chữ:

**BUÔNG BỎ BƠT TIỀN TÀI ĐỂ ĐỜI NHE
NHANG THEO NGÀY THÁNG**

**CÀNG CẤM CỖ LỢI LỘC MỆNH MÌNH
MONG MANH UỐNG THỜI GIẢN**

Bạn bè cười:

- Mọi người còn nhớ ngày xưa có ông tổng nói gì không? Hãy coi anh ta làm, đừng nghe anh ta nói!

VĂN THỊ

Mỗi có người bạn thân, anh ta thành thân với một cô gái Bắc nổi tiếng khôn ngoan sắc sảo đến độ đánh đá và rất háo thắng. Ngày sanh được con trai, ả tuyên bố:

- Ngày này hiện đại, con tôi không dùng chữ lót Văn, nghe cũ kỹ lắm, nhất định phải đặt tên kiểu Hàn hoặc Tây mới sang chảnh.

Anh chồng chiều vợ, tìm một cái tên thật kêu để đặt cho con trai. Hai năm sau lại sanh được mụn con gái. Thị lại lớn giọng:

- Tên con gái tôi không được lót chữ Thị, vừa lạc hậu lại bất bình đẳng, nhất định phải đặt tên ngang hàng với nam giới.

Anh chồng ngao ngán nhưng không làm sao cưỡng được ý vợ, bèn đặt con gái một cái tên nghe y hệt tiểu thuyết ngôn tình hậu hiện đại. Bạn bè gặp nhau ai cũng khen hai đứa bé xinh và tên thật là kêu; tuy nhiên cũng có kẻ cười ruồi, bảo:

**VĂN LA CHỮ ĐÍCH THỊ NAM NHI CHẴNG
PHẢI SANG CHỈ ĐỂ BIẾT NAM PHẢI**

**THỊ VỒN TỰ RỒ RÀNG NỮ GIỚI ĐAU CỎ
HÈN DỪNG CÔNG NHẬN NỮ LƯU.**

PHÒ GIAN

Xứ Hoa Dương vốn thanh bình xinh đẹp và trù phú, đột nhiên ma vương đem binh mã tấn công, bọn chúng giết người, cướp của, hiếp dâm, tàn phá tanh bành. Ma vương còn hạ lệnh tấn công không chừa mục tiêu nào dù là quân sự hay dân sự. Thiên hạ bốn bên phần nộ lên án ma vương và ra tay hỗ trợ cho xứ Hoa Dương. Dân xứ Vệ cũng đồng cảm với người Hoa Dương, riêng quan quyền và lũ cò ke lục chốt thì lại ủng hộ ma vương. Có ông tướng đáng đàn:



HƯƠNG KINH CHIỀU

*Chuông chiều gió nhẹ xa đưa
Hương kinh thoảng quện ngàn xưa vọng thê
Tâm an thức tỉnh vườn mê
Hồn hoang một kiếp quay về chốn đây*

*Chuông chùa vang vọng chân mây
Hồn mơ phiêu lãng ngát ngây Niết bàn
Cõi trần nghiệp chướng nặng mang
Hương kinh cứu rỗi, đạo tràng thương yêu*

*Chắp tay khấn Phật huyền siêu
Xa bờ ảo mộng... về miền tịnh tâm
Sân si, mê đắm tội trần
Kinh chiều sám hối, mong ngàn thứ tha*

*Thơm hương giới hạnh ngát xa
Thắm hoa đạo đức chan hòa chân như
Tâm lành thanh khiết dưỡng tu
Lầu thông Phật pháp kinh thư soi đường.*

*Hương kinh ngời ánh đạo vàng
Về nương bóng Phật nhẹ nhàng thân tâm.*

thơ **NHẬT QUANG**

- Thăng hê non choẹt, sao dám chống lại lão tổng bày mười đầy kinh nghiệm?

Một chính khách khác thì vênh váo:

- Phải chi quốc chủ Hoa Dương quý gồi xưng thần như ta thì đã được sống no cơm ấm cật, rõ là đứa thất phu không thức thời!

Thậm chí có ông gì đó làm lớn lắm, mạnh mẽm kết tội:

- Kê nào ủng hộ Hoa Dương dù là vật chất hay tinh thần đều là quân phản động, cần phải trừng trị!

Thế giới lắc đầu, dân xứ Vệ ngao ngán, còn miệng ăn mà chẳng có miệng nói. Kê sĩ buồn tình viết thay người xứ Vệ

*Tàn phá nước người giết cả dân
Cớ sao ủng hộ lũ sát nhân
Một lũ bồi hèn tâm thiện cận
Hung hiểm phò gian thân ma vương.*

Steven N
Georgia, 05/22

Em về thàng hạ mây hồng

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Không hẹn ước, chẳng đợi chờ nhưng hạ vẫn về; không mong cầu, đâu thế nguyện mà cây lá lại biếc xanh. Bốn mùa luân chuyển, hết xuân sắc muôn hoa, hạ biếc cỏ cây, thu vàng trời đất, đông trắng tuyết trinh. Dòng đời trôi như nước sông nguồn suối, dòng đời chưa từng ngưng nghỉ dù một khoảnh khắc. Người cũng tắt bật đến đi, dù muốn hay không vẫn phải thế thôi!

Gã du tử trong đời như chiếc lá giữa rừng cây, những gã du tử ngu ngơ, khờ khạo và vô cùng hậu đậu; sống giữa kỷ nguyên công nghệ kỹ thuật cao, thời đại văn minh điện toán và tốc độ, mọi vật, mọi việc đều chuyển động chuyển biến cực kỳ nhanh. Thế giới, thế sự thay đổi trong từng phút giây nhưng gã du tử hoàn toàn như người ngoài cuộc, giống kẻ lạc loài. Người đời ai mà không ham mê công danh sự nghiệp, tên tuổi, địa vị, giàu sang? Ai mà không mong cầu? Tuy nhiên mong cầu là một chuyện, còn có được hay không lại là chuyện khác! Tất nhiên gã du tử cũng từng mong cầu nhưng từ khi nhận ra là không thể mong cầu thì buông! Buông thật sự, vì biết mình trí lực không đủ, đức mỏng, tài sơ, phước cạn... buông vì biết mình không thể và cũng không hợp.

Những gã du tử lui về sống trong cõi tình, cõi mộng mơ, cõi chữ nghĩa ấm ở vu vơ của mình. Cuộc chơi chữ nghĩa là một cuộc chơi kỳ quái nhưng đầy sức du hoặc ma mị, một khi vướng vào thì khó dứt bỏ. Những con chữ cứ ngọ ngậy trong tâm trí, muốn đẹp đi thì nó lại tuôn trào. Người ta bảo người ghiền thuốc phiện hay ma túy mà thiếu thuốc thì cơ thể bức bách như có trùng đục trong thân, dòi bọ trong xương. Thế thì những kẻ lậm vào chữ nghĩa mà không viết thì nó cũng bức bối như kẻ nghiện thuốc kia. Gã du tử lậm vào nghiệp chữ, dính vào cuộc chơi ma mị này cũng thế thôi, tâm ý ngày đêm ra rứt với chữ, thậm chí ngay cả trong giấc ngủ cũng thấy chữ nghĩa tuôn trào, những câu chuyện hay mẩu thoại đầy ắp.

Thời đại của những gã du tử mê chữ nghĩa đã qua lâu rồi, đã vĩnh viễn kết thúc rồi, ngày nay còn mấy ai đọc sách nữa đâu? Ngày nay con người ta sống với tốc độ, với những thụ đam mê của sản phẩm công nghệ, kỹ thuật... Ấy vậy mà vẫn còn sót những gã du tử chưa thoát ra khỏi cơn mơ. Những gã du tử còn mơ dài, cơn mơ từ đông ngậm bạch tuyết đến xuân du phương thảo, rồi hạ thưởng lục hà, thu âm hoàng hoa... Cơn mơ suốt cả bốn mùa, cơn mơ còn vật vạ với chữ nghĩa qua tháng năm bất tận. Đời dù có vất vả mưu sinh để nuôi sống tấm thân và gia đình, dù nhọc nhằn trên con đường đời nhưng mỗi mùa đến, gã du tử lại hóa thân thành những giấc mơ khác nhau.

Trời phương ngoại vào độ hạ vừa sang, gã du tử đã vội về ra viễn cảnh:

*"Em về thàng hạ mây hồng
Mức bình nước mát vun trồng khóm hoa"*
(thơ - DTLT)

Đời dẫu có vất vả, có bận rộn; thời đại dẫu có văn minh kỹ thuật cao; người dẫu có lăng xăng bon chen... Ấy thế mà gã du tử vẫn ở trong cõi mộng riêng của mình để sống và viết! Viết gì? Viết cho ai? Viết như thế nào? Viết để làm gì? Quả thật những câu hỏi không biết trả lời làm sao vì gã du tử đâu có đặt ra mục đích, không định đề mục, chỉ đơn giản viết như hơi thở, như ăn cơm uống nước vậy thôi! Nói như nhà thiền "đói ăn, khát uống" vậy thì thích thì viết, hứng thì cầm bút thế thôi!

Hạ về, em rời phố thị, đồng quê bát ngát mênh mông, mức bình nước mát trong trồng khóm hoa. Gã du tử nằm trên thảm cỏ mơ màng nhặt cánh hoa rơi bước em qua. Gã du tử không cắt một cành hoa nào dù là nhỏ bé nhất hay là hoa dại, vì gã nhớ ngày xưa có tay công tử yêu hoa đến độ ví cành hoa như cánh tay người mỹ nữ nên không thể nào cắt được! Mùa hạ mây bay trắng trời, đồng xanh bất tận, em tung tăng tết hoa dại đội đầu, đời đẹp đủ để mơ trọn kiếp, đâu cần phải cửa rộng nhà cao, xe xịn...

Hạ về, em tung tăng trên bãi biển, chân trần gót son khỏa nước trùng dương. Gã du tử nằm trên bãi cát vàng mơ: "Lá cờ đen giục trăm lòng nao xưa" (thơ Phạm thiên Thư). Gã du tử ngỡ mình là thủy thủ, nằm trên cát vàng nghe đồng vọng tiếng còi tàu của những chuyến hải hành phiêu lưu vượt trùng dương, hồn gã thủy thủ:

*"Còn đôi mắt gái đợi chờ
Còn đêm quán rượu bên bờ trùng dương"*
(thơ Phạm Thiên Thư)

Cơn mơ dù đẹp, giấc mộng dù nao lòng nhưng rồi cũng phải quay về lại phố thị để tiếp tục cuộc mưu sinh, mưu sinh để rồi nuôi dưỡng những cơn mơ. Đời thì không như mơ, đời trần trụi và nghiệt ngã lắm! Dù không bon chen, không tranh đua nhưng cũng phải cố gắng để mà giữ được cuộc mưu sinh dù chỉ là ở mức căn bản. Vì người đời sống không thể: "Gió trăng có sẵn làm sao ăn" (thơ hàn Mặc Tử).

Đời khốc liệt và tàn bạo chứ không lãng mạn như mơ. Ngày ngày xem tin tức mà thấy đau lòng, chuyện xã hội nhiều nhưong động loạn, chuyện chính trị thủ đoạn lưu manh, chuyện kinh tế tham lam tàn hại cả người và vật, tuy nhiên chuyện mới nhất và tàn bạo nhất vẫn là cơn mê sáng của tay độc tài Nga xâm lăng Ukraine hồng lặp lại để quốc như thuở các độc tài tiền bối. Chuyện cổ quận mình cũng lắm thương đau, một xã hội chạy theo đồng tiền đến độ cuồng điên, một xã hội quá đần khi mà người tốt việc tốt bị cho gàn dở, người yêu nước bị kết tội phản động, một xã hội mà cơn đồ lưu manh lỏng hành như chỗ không người, một xã hội mà đạo đức suy thoái đến độ lưu manh, trộm cướp lên mặt dạy đời. Gã du tử biết mình, biết chuyện này chẳng

phải việc mình nhưng nếu mọi con dân ai cũng nghĩ: “Đây không phải việc của mình” thì liệu xã hội ấy sẽ đi về đâu? Về đâu thì chắc ai cũng biết, có hỏi cũng bằng thừa, có trả lời hay cũng trả lời thì cũng thế mà thôi! Gã du tử chỉ có thể làm được những gì trong khả năng của mình, nói những điều trong tâm hiểu biết của mình, viết những gì trong hạn độ của mình mà thôi! Dù có mơ giữa ban ngày, có mộng tràn thắng năm nhưng gã du tử vẫn biết mình đang sống “Chính tại nơi đây và ngay lúc bây giờ”, mỗi phút giây đến đi, mỗi khoảnh khắc trôi qua và từng tế bào đang sanh diệt không ngừng. Đời người cũng thế, sanh tử liên miên, đã từ vô thủy và sẽ vô chung, khi mà thế gian này còn tồn tại.

Gã du tử yêu người, yêu đời, yêu cố quận, yêu vùng đất mới đang cứu mình, yêu gót chân son đạp trên thảm cỏ xanh, yêu bước chân trần chao sóng nước, yêu khóm hoa em trồng, yêu giọt nước mắt trong mà em mức tưới hoa... Vì yêu mà tình thương đông đầy và đồng cảm với những nạn nhân của bạo lực chính trị, nạn nhân của những vi phạm nhân quyền, những con người bị kỷ thị với bất cứ lý do nào; đồng cảm với những người bị tù đày, đàn áp chỉ vì họ lên tiếng cho quyền con người và cho an nguy của quốc gia. Vì yêu thương mà không khỏi căm giận những thế lực chính trị hắc ám, những chế độ côn đồ. Hòa thượng Thích Quảng Độ từng viết: “...Không làm chính trị nhưng ta có chính kiến của ta...”, đúng vậy! Mình phải có chính kiến của mình, yêu chính nghĩa ghét gian tà. Chính trị không có gì phải căm kỵ, chẳng qua những thế lực độc tài muốn giữ lấy quyền lực và quyền lợi cho băng đảng và phe nhóm của mình nên mới căm căn người dân. Yêu chính nghĩa ghét gian tà đã được cụ Nguyễn Trãi viết trong Bình Ngô Đại Cáo: “Ghét bọn gian tà bán nước cầu vinh.” Thời của cụ có nhiều kẻ gian tà phò giặc để vinh thân, trước thời cụ cũng có và đặc biệt hiện nay thì quá nhiều, rất nhiều. Bọn gian tà đặc quyền đặc lợi có thể một đời hoặc vài đời nhưng sẽ bị nguyên rửa đến muôn đời. Gian tà bán nước cầu vinh thì thời nào cũng có, dù quá khứ, hiện tại hay tương lai. Gian tà ở đâu cũng có dù là bên Tây, bên Tàu hay bên Ta.

Đất trời vào hạ, cây lá xanh biếc, lễ ra giờ này người xứ Hoa Dương đang sống thanh bình, mùa màng đang sinh trưởng... Thế mà hiện tại họ đang bị tàn sát, quốc gia bị phá hủy, bom đạn, khói lửa ngút trời, thịt xương vung vãi, máu chảy tràn đồng vì tham vọng ngông cuồng của tay độc tài tàn bạo. Y mơ lập lại đế quốc như thời Sa Hoàng xa xưa, chí ít cũng là cái liên bang đồ như các tay đầu lĩnh tiền bối. Lễ ra, giờ này xứ sở Hoa Dương đang biếc xanh cây lá, những cô gái xinh đẹp đang mức nước vun trồng khóm hoa. Những gã du tử xứ Hoa Dương tốt hoa đại cho người mình yêu thương đời đầu... Nhưng tiếc thay giấc mơ của họ đang vỡ tan nát, đang bị giày xéo, đang chìm sâu trong hiện thực chết chóc khổ đau, tất cả vì giấc mơ ngông cuồng loạn tưởng của tên bạo chúa tàn thời.

Tiểu Lục Thần Phong
 Ất Lăng thành, 06/22



CHIẾN TRANH UKRAINE

*Hiền nhân sống thân tâm lành thiện
 Ác nhân sống bất thiện gian manh
 Làm cho thế giới chẳng an yên
 Máu nước mắt tuôn trào lênh láng!*

*Thế kỷ này có tên bạo chúa
 Gây chiến tranh thảm khốc kinh hoàng
 Ngàn người chết vùi thây dưới hố
 Chết không ngờ! Chết quá đau thương!*

*Ai cũng muốn được tròn cuộc sống
 Tìm ai cũng máu chảy đỏ hồng
 Có nghe không, tiếng khóc não lòng?
 Của những linh hồn vừa nằm xuống*

*Ngày xưa Hitler bạo tàn khét tiếng
 Ngày nay Putin cực ác dã man
 Tên bạo chúa nào cũng có máu điên
 Họ không phải người hiền từ tế!*

*Vẫn cứ đêm ngày đạn bom trút xuống
 Nhà cửa đổ vỡ, phố xá tan hoang
 Tiếng kêu thương ai oán thấu tận trời
 Đầu làng cuối xóm người chết la liệt!*

*Bạo chúa tham tàn khởi tâm cuồng vọng
 Đánh chiếm Ukraine một nước láng giềng
 Khiến cả thế giới nguyên rửa thậm tệ
 Thế kỷ 21 mà còn sống man rợ!*

*Có phải chẳng trái tim của “Nga hoàng”
 Bị khô héo cần cỗi đã từ lâu
 Nên không còn tình yêu thương đồng loại
 Tuy mặt người... tâm địa loài thú hoang!*

thơ **DIỆU VIÊN**

Bố thí vật thực

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO



Thuở xưa, bên cõi Thiên Trúc, có năm anh em phú thương kia cử hành một cuộc lễ tế long trọng, và nhằm cơ hội này mới tổ chức một cuộc bố thí vĩ đại giúp mọi người nghèo khổ. Ai ai đều hoan hỷ và đồng tình tán dương cuộc bố thí hy hữu, số tài vật thí ra thật nhiều, quá sức tưởng tượng.

Cuộc lễ vừa chấm dứt thì từ đâu một con chồn đen lại chạy đến. Nửa thân của chồn đã trở màu vàng lóng lánh và nửa thân thì lông còn giữ màu xám như thường. Chạy đến dưới đàn hành lễ, chồn lăn tròn dưới mặt đất mấy vòng, rồi đứng dậy nói cùng mấy người dự lễ như vậy:

"Các anh chị đều phạm tội vọng ngữ cả! Nào có hiền tế chi đâu?"

"Sao người dám quyết là chẳng có? Gia chủ đã thí cho kẻ nghèo vô số tài vật ai lại còn chẳng biết! Này người phải nhớ rằng đây là cuộc bố thí hy hữu trên cả thế gian."

Nghe nói như vậy, chồn đứng nhón hai chân, rồi chậm rãi nói rằng:

"Các anh hãy lắng tai nghe, tôi thuật lại chuyện này! Trước

đây, trong một làng hẻo lánh, có hai vợ chồng cư sĩ kia rất nghèo mà phải nuôi cả con và cháu. Họ nghèo đến nước túng thiếu trọn năm và nhờ láng giềng thương xót mà giúp đỡ không biết bao nhiêu lần. Vận rủi đập dồn. Từ đâu không ai rõ, hạn hán thoát xảy đến, thiếu hụt hết cỏ cây. Nạn đói lan tràn khắp thôn quê và thành thị trong ba năm liên tiếp. Thật là vận khử lỏi vang tiến phước bia! Gia đình của cư sĩ đã lâm vào cảnh khốn cùng không bút nào tả được. Cả nhà đã nhịn đói trọn ba ngày. Buổi sáng kia vì đói quá, cư sĩ mới vét khắp gom nhóp được một nắm bột lúa mạch. Cư sĩ bèn đem hòa với nước lã, nấu chín thành bánh, chia ra bốn phần: cho mình, cho vợ, cho con và con cháu. Khi cả nhà xúm lại để ăn phần bánh tí ti cho đỡ đói, thỉnh thoảng có ai gõ cửa. Cư sĩ vội bước ra mở và trông thấy một người khách lạ.

"Nên biết rằng, theo cổ tục của xứ Thiên Trúc, thì bốn phần của gia chủ phải tôn trọng bất cứ khách nào đến nhà. Khách là hóa thân của Thượng đế thì phải kính nhường cho xứng địa vị cao quý ấy. Vì bốn phần, cư sĩ cúi mình chào khách thưa rằng:

"Xin mời Ngài bước vào và chúc Ngài được vạn phúc."

"Sau lúc khách đã an tọa, cư sĩ bèn đem dâng phần của mình. Khách dùng trong phút chốc là hết miếng bánh rồi nói rằng: 'Thí chủ hại ta đó! Nhịn đói mười hôm, nay ăn một miếng bánh thì đói lại càng đói thêm'."

"Nghe vậy, bà chủ nhà xin phép chồng đem luôn phần bánh của mình dâng cho khách. Nhưng cư sĩ biết vợ đã đói quá nên lòng chẳng nở... Bà vợ cố van lơn: 'Tội nghiệp! Thấy ông đói quá, tôi thật cảm lòng không được! Ta hữu phúc có nhà có cửa, vậy ta có phận sự giúp kẻ lỡ đường. Tôi là vợ, ông

không còn chi thì tôi phải giúp thêm.' Bà liền dâng phần bánh của mình. Khách dùng luôn, rồi cũng than rằng chưa hết đói. Người con trai của gia chủ bèn thưa rằng: 'Xin cha hãy dâng phần bánh của con đi! Đó là con phải giúp cha thì hành nhiệm vụ.' Rồi khách lại dùng miếng bánh thứ ba mà cũng còn than đói. Người dâu của cư sĩ đem dâng luôn phần bánh của mình. Xong việc, khách mời vừa lòng, chúc phúc cho gia chủ rồi từ tạ ra đi... Trong đêm ấy, cả gia đình bị đói cả nên kiệt lực. Bốn người đều qua đời.

"Qua ngày sau, có dịp tạt qua làng đó, chính ta đây đã ghé vào cái nhà bất hạnh ấy. Thấy còn rơi rớt một chút bột trên mặt đất ta vội lẫn mình trên bột, và bột ít quá nên sắc lông của ta mới trở màu vàng được có nửa phần thôi.

"Than ôi! Từ đó đến nay ta bôn tẩu khắp bốn phương trời xa lạ, lòng thầm ước dự một cuộc hiến tế vĩ đại thứ nhì, nhưng mà ngày tháng trôi đi, đã biết mấy thu mà ta chưa mãn nguyện. Thứ bột vàng quý ấy dường như đã tuyệt trên cảnh sắc Ta bà... Hiện thời, màu vàng lóng lánh chỉ nhuộm được nửa thân ta. Vì cố đó ta quyết rằng đây chẳng phải là một cuộc hiến tế thích đáng."

Thanh Nguyên

"Bố thí là vị đồng tướng điều phục giặc xan tham."



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 2, NHIỆM KỲ IV

Thanh Huy

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



HT. Thích Tín Nghĩa, chào mừng đại hội



Trưởng lão HT. Thích Thắng Hoan ban đạo từ

Tu viện Pháp Vương, Escondido, California, Hoa Kỳ - Vào lúc 10 giờ sáng Thứ Hai ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại Chánh Điện Tu Viện Pháp Vương, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã tổ chức Đại Hội Thường Niên lần thứ 2 Nhiệm kỳ VI với sự tham dự Lễ Khai mạc khoảng 100 Chư Tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng Ni, quý vị Cư Sĩ, và Huỳnh Trưởng Gia Đình Phật Tử.

Chư Tôn Giáo Phẩm gồm có: Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm; HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (HĐĐH/GHPGVNTN/HK); HT. Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm/GHPGVNTN/HK; HT. Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ tịch Nội Vụ; HT. Thích Nguyên An, Phó Chủ tịch Ngoại Vụ; HT Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký; HT. Thích Minh Hồi, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ kiến Thiết; HT. Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự, HT. Thích Tuệ Uy, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Truyền Thông; HT. Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng, Tổng Vụ Tài Chánh; TT.

Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kế Hoạch; TT. Thích Hạnh Tuệ, Phó Tổng Thư Ký; Sư Bà Giới Châu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ... Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế; Cư Sĩ Quảng Trà Nguyễn Thanh Huy, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Pháp Chế; Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Truyền Thông; Cư Sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải, Thành Viên Ban Tham Vãn; Huỳnh Trưởng Gia Đình Phật Tử Tâm Hòa Lê Quang Dật; Nguyễn Tử Nguyễn Quốc Hưng cùng một số quý chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni phụ trách các tổng vụ chuyên môn khác.

Điều hợp chương trình đại hội do HT Thích Nguyên Siêu.

Sau phần nghi thức khai mạc, niệm Phật cầu gia bị, Tụng Tứ Hoảng Thệ Nguyên. Nhất tâm cầu nguyện nạn bệnh dịch Covid-19 và chiến tranh Ukraine sớm chấm dứt.

Tiếp theo phần tuyên bố lý do của HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ. Mở đầu





HT. cảm ơn Chư Tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức tăng, ni, cảm ơn ban tổ chức, đã không quản ngại khó khăn sau mùa dịch bệnh về tham dự ngày đại hội hôm nay.

Hòa thượng nhấn mạnh đến sự kết chặt đạo tình để tạo hòa hợp thanh tịnh trong Giáo Hội: “Chúng tôi được quyền ước vọng và tin tưởng rằng hôm nay hay mãi mãi trong tương lai, Giáo Hội chúng ta luôn có nhau. Có nhau trong niềm tin yêu, quý kính, có nhau trong đạo tình pháp lý, bằng hữu. Đó chính là tiềm lực sống để phát huy năng lực thực hữu mà chúng ta đang nhắm đến cho bước đường phụng sự nhiều hơn nữa...” Hòa thượng cũng đã kể qua về những việc làm khó khăn trong thời gian qua; cho biết dù bận rộn đến đâu cũng thường xuyên liên lạc với quý thầy, quý cô trong giáo hội, mong rằng chúng ta cùng góp sức để cho những công tác Phật sự của giáo hội được thành tựu viên mãn.

Tiếp theo Đạo Từ của HT. Chánh Văn Phòng, thay lời Đạo Từ, Hòa thượng đã gửi tặng đại hội một bài thơ với nội dung: “Ngài kêu gọi đoàn kết để hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành sứ mạng Phật sự, hợp tác chặt chẽ các Châu, siết chặt tay nhau để xây dựng nền đạo giáo Việt Nam hải ngoại.”



Từ trái Thượng Tọa Hạnh Tuệ, HT. Thích Nguyên Siêu, điều hợp chương trình

Sau đó HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký GHPGVNTN/HK lên báo cáo Phật sự trong 2 năm vừa qua. Ngay sau đó là phần báo cáo về công tác Phật sự của một số các Tổng Vụ đã thực hiện trong 2 năm qua.

Nhận định chung một số công tác Phật sự của các tổng vụ, báo cáo tài chánh, trong phần tài chánh, HT. Thích Thiện Long đã nêu lên một số



khó khăn và mong được sự tiếp tay để Giáo Hội có nguồn tài chánh để sinh hoạt.

Trong phần này Cư Sĩ Tâm Quang đã trình bày qua sự khó khăn về tài chánh để duy trì tờ báo Chánh Pháp, sau khi trình bày, một số quý chư tôn đức quý Phật tử tham dự đã tiếp tục đóng góp tài chánh, số tiền sẽ được tổng kết và sẽ thông báo trên báo Chánh Pháp.

Bàn về đề án Phật sự trong tương lai:

Việc đầu tiên là cung thỉnh vị quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục, Đại hội đã cung thỉnh HT. Thích Tuệ Uy.

Về việc tổ chức Phật Đản 2023, Đại hội đã cung thỉnh Thượng Tọa Thích Thường Tịnh làm trưởng ban tổ chức.

Về việc An Cư năm 2023 do HT. Thích Nguyên An và Chùa Cổ Lâm đảm nhận.

Về Khóa Tu Học Bắc Mỹ năm 2023 do HT. Thích Tuệ Uy đảm nhận.

Kết thúc chương trình đại hội, HT Thích Nguyên Siêu đã nhắc lại lời nói của Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê cùng HT. Thượng Thích Nguyên Trí, HT Thích Nguyên Siêu hứa là: “Chúng ta không giận hờn, không bỏ việc, không từ chức. Tất cả chỉ vì một tấm lòng.”

Cuối cùng là lời cảm tạ của HT. Chủ Tịch. Đại hội bế mạc trong tinh thần hòa hợp, hoan hỷ và bao dung.

Sau đó mọi người dùng cơm tối và chuẩn bị cho lễ khai mạc khóa An Cư Kiết Hạ năm 2022.

Khóa An Cư sẽ kéo dài từ ngày 13 đến ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Tu Viện Pháp Vương với sự tham dự hơn 100 chư tôn đức Tăng, Ni đến từ khắp các tiểu bang Hoa Kỳ.



Đại hội chụp hình lưu niệm

ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Luật sư Tạ Văn Tài

Tiến sĩ Chính trị học và Thạc sĩ Luật học, nguyên Giảng sư Harvard Law School

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo và hết)

DỮ LIỆU PHỐI KIỂM LẠI TỪ NHỮNG THỜI GIAN VÀ NƠI CHỖ KHÁC.

Khi Nho giáo toàn thắng dưới đời Lê và đời Nguyễn, gây sự tổn hại cho các hệ tư tưởng khác, sự phai nhạt của ảnh hưởng Phật giáo trong các triều đình đã song hành với sự hạn chế quyền tự do tôn giáo.

A. Chính sách hạn chế tự do đối với Phật giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng phổ thông của đời Lê và đời Nguyễn.

Mặc dầu pháp luật và chính sách của các triều đại này vẫn cho phép một mức độ tự do tôn giáo đối với Phật giáo, Đạo giáo và những tín ngưỡng dân gian trong dân chúng, đó là một sự tự do được quy định sát sao.

Kiểm soát giới tu sĩ. Triều đình độc quyền trong việc cấp giấy độ điệp (chứng nhận thụ phong) cho tu sĩ Phật giáo và Đạo giáo, và chỉ những người đủ năm mươi tuổi trở lên mới được nhận chứng thư này. Bất cứ nỗ lực nào nhằm có được chứng thư thụ phong tư lập hoặc gia nhập giới tu sĩ mà không có chứng chỉ sẽ đưa đến việc bị phạt đồ khổ sai (đời Lê) hoặc phạt tù (đời Nguyễn). Để nhận dạng tăng sĩ hoặc đạo sĩ một cách rõ rệt, ai không phải là tu sĩ thì không được cạo đầu hoặc mặc áo thầy tu (48). Hiển nhiên là các tăng sĩ và đạo sĩ phải qua các kỳ sát hạch về đạo đức và kiến thức kinh kệ trước khi được trao chứng chỉ. Bất cứ người nào thi rớt thì phải hoàn tục (49). Cái chính sách kiểm soát nhân số của tu giới đã chính thức được giải thích bởi mỗi quan tâm kinh tế về sự thiếu thốn lao động sức dịch khi cứ để những người ấy đi vô hàng ngũ cấp bậc tu sĩ. Theo sự bình luận chính thức về Điều 75 của bộ luật đời Nguyễn và sắc lệnh 3 theo sau điều luật đó, triều đình tin rằng nếu không hạn chế con số tu sĩ Phật giáo và Đạo giáo, khi họ không đăng ký trong sổ hộ khẩu gia đình họ và như vậy là được miễn sưu dịch, dân số cũng sẽ giảm, và cũng vì giới tu sĩ thì không còn đất hoặc công việc làm ăn gì và phụ thuộc vào dân chúng về thực phẩm và y phục, tài nguyên quốc gia sẽ bị hao phí. Do đó, bất kỳ nỗ lực nào nhằm đưa thiếu niên mười sáu tuổi hoặc lớn hơn xuất gia (nghĩa là vào tu giới) sẽ bị xử phạt (50). Hệ quả gián tiếp của sự giới hạn con số tu sĩ đã là một sự hạn chế đối với sự tự do hành đạo của tôn giáo và sự phát triển hữu hạn của Phật giáo, Đạo giáo, và các tôn giáo khác. John Crawford, trong tường thuật về một chuyến du hành tại Đông Nam Á hồi 1821 -1822 đã mô tả

hoàn cảnh của giới tu sĩ tại Việt Nam bằng những từ ngữ sau:

“Đến từ những quốc gia như Hindostan và Xiêm, nơi mà những nghi thức mang tính quốc gia và có hệ thống được thiết lập và nơi mà tôn giáo tạo được một ảnh hưởng rất mạnh đối với xã hội, chúng tôi ngạc nhiên về sự tương phản với những gì mà Đông Dương (Cochinchina) thể hiện trong khía cạnh này. Các tu sĩ, thay vì là danh giá, đáng kính, và đầy quyền uy, như tại các quốc gia Phật giáo và Bà- La-Môn, thì lại ít về số lượng và thuộc đẳng cấp thấp và ít được tôn trọng” (51).

Vua Minh Mạng đời Nguyễn còn can thiệp vào công việc tổ chức nội bộ của Giáo hội, chỉ phong chức Hoà Thượng cho mỗi một sư Giác Ngộ và hạ lệnh tất cả Hoà Thượng trong nước phải mang tên “Tăng Cang”, hàm ý rằng họ là viên chức nhà nước quản giám tăng ni trong giáo hội Phật giáo. Các chế tài pháp luật được áp dụng đối với những vi phạm về giới luật tôn giáo như ăn thịt, uống rượu, hoặc tà dâm và kết hôn.

Kiểm soát việc xây chùa và đúc tượng. Dưới cả triều Lê lẫn triều Nguyễn, những hoạt động này cần phải có sự cho phép của triều đình. Dưới đời Nguyễn, không có tu viện hoặc nhà nữ tu kín nào có thể được xây dựng trừ phi có phép của triều đình. Hình phạt cho sự vi phạm là đi đày (52).

Kiểm soát việc in kinh, sách tôn giáo. Dưới đời Lê, sách Phật giáo và Đạo giáo chỉ có thể được in nếu có phép của triều đình, vi phạm là lãnh án đồ khổ sai. Lệnh cấm được coi là để ngăn ngừa những bất thiện tăng ăn bám vào dân chúng cũng như bòn tiền bạc của bá tánh. Lệnh cấm này được xem là quan trọng đến nỗi quan lại có trách nhiệm bắt giữ những người vi phạm và báo cáo về triều đình, nếu không làm thì chính họ sẽ bị giáng cấp (53).

Kiểm soát những tín ngưỡng dân gian. Sự thực hành việc thờ cúng tổ tiên được quảng bá bởi đạo Khổng thì được đối xử trọng thị. Đây là một nghĩa vụ pháp lý để được hưởng phần di sản cho việc thờ cúng tổ tiên; và bất cứ ai bán đi phần tài sản hương hoá sẽ bị phạt nặng vì như vậy là thiếu lòng hiếu thảo, một trong mười tội thập ác (54). Mặt khác, các hình thức khác của những tín ngưỡng phổ thông, như việc thờ thần cây cối, đồ vật, các thần linh, hình nhân thì không được các nhà cai trị Nho giáo tán đồng. Để thờ thần hoàng của mình trong đình làng, các làng phải có sắc phong do vua ban; những ai tự do lập những tượng thần trong đình chùa mà không có sự cho phép của triều đình sẽ bị phạt đồ khổ sai

(55). Sự kiểm soát việc hành đạo bắt đầu mang tính cách áp bức tôn giáo khi án tử hình được áp dụng đối với “những tà đạo” trong một số điều khoản của bộ luật đời Nguyễn, nó phỏng theo bộ luật Mãn Thanh. Bộ luật đời Nguyễn xử giảo (treo cổ) những thầy pháp hoặc “thầy phù thủy”, họ kêu gọi “ma quỷ”, “thánh”, và tất cả “những giáo lý lừa phỉnh” khác, hoặc những ai thành lập những hội tôn giáo trái phép, mà từ đó “gây hoang mang trong dân chúng”. Những người lãng giềng không tổ giáo cũng như những quan lại không tiểu trừ được những kẻ vi phạm này thì cũng sẽ bị xử phạt (56).

Khi xử phạt những hoạt động thuần túy theo tín ngưỡng trên, nếu không vi phạm an ninh quốc gia, thì tức là xử phạt “những tội phạm về tư tưởng”, là một sự vi phạm tiêu chuẩn hiện đại về tự do tư tưởng và tôn giáo.

B. Chính sách của triều Lê và triều Nguyễn đối với đạo Cơ đốc và thái độ của những tầng sĩ Phật giáo bình thường trong cùng các thời kỳ với Cơ đốc giáo - như là dữ liệu phối kiểm lại.

Phật giáo không còn có ảnh hưởng trong triều Lê và triều Nguyễn. Do đó, người ta phải để Phật giáo ra ngoài cuộc tranh luận về chính sách của các chính quyền này đối với Cơ đốc giáo, và chỉ có những nhà cai trị Nho giáo, các vua cũng như các quan lại, là có trách nhiệm về bất kỳ sự đàn áp nào đối với các tu sĩ Cơ đốc và các con chiên. Hơn nữa, thái độ thân thiện của một số tầng sĩ Phật giáo bình thường đối với Cơ đốc giáo trong những giai đoạn này thực sự tương phản hẳn với cái chính sách hạn chế của triều đình đối với Cơ đốc giáo. Tất cả những dữ liệu này xác nhận cái kết luận rằng khi Phật giáo có thể ảnh hưởng đến chính sách nhân quyền của triều đình, Phật Giáo đã đem lại nhiều tự do tư tưởng và tôn giáo hơn.

Đây không phải là nơi để thảo luận đầy đủ về chính sách của triều Lê và triều Nguyễn đối với Cơ đốc giáo. Chúng sẽ được nghiên cứu trong một công trình khác. Nhưng vì mục đích phân biệt ngắn gọn bằng cách đối chiếu chính sách tôn giáo rộng thoáng của nhà Lý và nhà Trần, ảnh hưởng bởi tinh thần khoan dung của Phật giáo, với chính sách hạn chế tôn giáo của nhà Lê và nhà Nguyễn đối với đạo Cơ đốc, chúng tôi cần phải tóm tắt những kết luận của mình về chính sách hạn chế này đối với Cơ đốc giáo, mà chúng tôi đã đề cập đến trong cuốn sách của chúng tôi: *The Vietnamese Tradition of Human Rights* (Truyền thống Việt Nam về Nhân quyền), University of California/Berkeley, 1988.

a) Sự khoan dung về tín ngưỡng đã là một quy luật hơn là sự ngoại lệ cho Thiên Chúa giáo (Cơ đốc giáo) trong giai đoạn từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19 tại Việt Nam. Trong phần lớn hơn của bốn thế kỷ này, hoặc là dân chúng được hưởng sự tự do trong việc theo đức tin Thiên Chúa và thực hành tôn giáo này trong những dịp lễ hoặc trong việc xây dựng nhà thờ (ngay cả các bà hoàng, công chúa cũng được phép theo đức tin), hoặc là các sắc lệnh cấm đoán thì cũng không thi hành hoặc bị thu hồi nhiều lần.

b) Sự cấm đoán lúc đầu thì đã kèm theo những hình phạt nhẹ. Mặc dầu một số vụ giết hại giáo sĩ nước ngoài đã xảy ra trong thế kỷ 18,

Thiên Chúa giáo vẫn được tự do truyền bá sách phúc âm cho đến đời vua Gia Long của triều đại nhà Nguyễn (nhà vua đã để lại di chúc ra lệnh rằng phải khoan dung đối với tất cả những tôn giáo lớn như Khổng giáo, Phật giáo và Cơ đốc giáo). Cuộc đàn áp đẫm máu Thiên Chúa giáo Việt Nam chỉ bắt đầu với sắc lệnh 1833 của vua Minh Mạng và chấm dứt năm 1862 dưới đời vua Tự Đức, nghĩa là chỉ trong thời gian 29 năm. Vua Tự Đức sau đó đã thay đổi chính sách của mình, mở lòng khoan dung đối với Thiên Chúa giáo, và đã sử dụng quân đội để trấn áp những nhà Nho Văn Thân đã ngược đãi giáo dân và xử những nhà lãnh đạo Văn Thân đó tội tử hình.

c) Cái đường lối ngang ngạnh khiêu khích theo đó các nhà truyền giáo và con chiên Việt Nam đã phải nhận những giá trị truyền thống, như thờ tổ tiên hoặc tôn kính Khổng tử hoặc đức Phật (A. de Rhodes đã gièm pha Khổng giáo là “tà thuyết” và gọi đức Phật là “người da đen nói dối này”) là nguyên nhân sâu xa của tình trạng xung đột leo thang giữa giáo dân và tầng lớp quan lại Nho sĩ cầm quyền, lúc đầu họ chỉ yêu cầu những nhà truyền giáo phải rời khỏi. Nhưng sự không dung thứ sau đó của các vua và các quan lại Nho sĩ đối với bất kỳ sự làm sai lệch các tiêu chuẩn Nho giáo nào (như thờ cúng tổ tiên, tôn quân ngay cả trong những lĩnh vực tinh thần), và đòi hỏi những người Thiên Chúa giáo không có tội gì cũng phải bước qua thánh giá để từ bỏ đức tin của họ thì mới thoát tội, thì đã là bằng chứng rõ rệt cho sự vi phạm quyền tự do tôn giáo.

d) Trong nhiều trường hợp, sự đàn áp Thiên Chúa giáo là có lý do và có thể biện minh được bởi nhu cầu an ninh của triều đại hoặc nhà nước, đặc biệt là khi các giáo sĩ ngoại quốc cộng tác với những thế lực nước ngoài với hy vọng tạo nên một đất nước có thiện chí hơn cho sự truyền bá phúc âm. (Chẳng hạn, những biện pháp của Trịnh Tắc năm 1659; của Nguyễn Phúc Khoát năm 1750; của Minh Mạng năm 1838 sau cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi - Marchand; của Thiệu Trị sau cuộc bắn phá Đà Nẵng của Genouilly năm 1847, gây ra bởi thông tin mật báo từ một số giáo dân; hoặc của Tự Đức sau khi Pháp và Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng và Sài Gòn hồi 1858-59 do đề nghị của Giám mục Pellerin). Hơn nữa, sự cạnh tranh giữa những tu sĩ dòng Tên, Phái bộ Hải ngoại (Mission Étrangère) của Pháp, và người Bồ Đào Nha đã khiến họ tổ cáo lẫn nhau là gián điệp và đã làm triều đình Việt Nam thêm nghi ngại. Tuy nhiên, khi chính quyền phân tán giáo dân bữa bãi, hoặc phạt án tử hình những giáo dân Việt Nam bình thường không dính dáng với sự can thiệp của nước ngoài và chỉ có tội phạm duy nhất là không chịu từ bỏ đức tin của họ, mới là một sự vi phạm những quyền căn bản của con người như quyền tự do tôn giáo và quyền không bị xử phạt độc ác. Hơn nữa, những hành động thái quá như vậy đã dẫn đến cái vòng lẩn quẩn: áp bức - phản kháng - can thiệp của nước ngoài - áp bức .v.v... Có lẽ để tránh cái vòng lẩn quẩn tai hại này tại Việt Nam ngày nay nó có thể xảy ra nếu chính quyền cứ nghi ngờ Thiên Chúa giáo sẽ thực hiện những hoạt động phản động chống lại an ninh quốc gia của Việt Nam, và để đảm bảo cho sự sống còn của tự do tôn giáo cho Thiên Chúa giáo tại Việt Nam, Giáo hoàng John Paul II đã có bài thuyết pháp này cho người Việt ở hải ngoại tập trung tại Vatican

ngày 19/6/1988:

“Giáo hội tại Việt Nam, với những thánh tử vì đạo của mình và thông qua sự chứng thực của mình, đã có thể công bố ý chí và sự cam kết không từ bỏ truyền thống văn hoá và các chế định pháp luật của quốc gia. Giáo hội đã tuyên bố và minh chứng rằng Giáo hội mong muốn trở thành một bộ phận của quốc gia, đóng góp với sự trung thực và lòng thành tín cho công cuộc xây dựng đất nước này... Tôi biết rằng trong sâu thẳm con tim các bạn, vẫn giữ được một lòng trung thành cần bản đối với đất nước Việt Nam của các bạn, đối với dân tộc các bạn, đối với văn hoá của mình, đặc biệt là đối với những thân hữu và anh em mà các bạn đã để lại đằng sau... Hãy trung thành với những gốc rễ sâu xa này...”

Sau khi mình định sự trách cứ và trách nhiệm về sự đàn áp Thiên Chúa giáo trong lịch sử Việt Nam, tưởng cũng nên đề cập đến thái độ đối với đạo Cơ đốc của một bộ phận tăng sĩ Phật giáo bình thường, không dính dáng đến chính quyền dưới đời Lê và đời Nguyễn và không chịu trách nhiệm về bất kỳ chính sách nào của triều đình về nhân quyền trong những giai đoạn đó. Một số tăng sĩ đã đi theo đức tin Thiên Chúa, chẳng hạn một người đã theo A. de Rhodes và chúa Trịnh trong cuộc chiến chống lại Chúa Nguyễn ở miền Nam, lấy tên Thánh là Jean (John) (57). Những người khác đã giúp các giáo sĩ Thiên Chúa giáo, như trong trường hợp của cha Baldinotti (58). Một số tăng sĩ khác nữa tham dự các buổi hội thảo về các học thuyết tôn giáo với các tôn giáo khác, kể cả Thiên Chúa giáo; chẳng hạn như cuộc hội thảo kéo dài ba ngày về bốn tôn giáo trong đời chúa Trịnh Sâm, được tổ chức bởi chủ của chúa này—mà có mẹ là tín đồ Thiên Chúa giáo, về những đề tài “Nguồn gốc của con người”, “Mục đích cuộc sống con người”, “Đời sống sau khi chết”, với sự tham dự của các cha Castanheda và Vinh Sơn và đại diện của Khổng giáo, Phật giáo và Đạo giáo (59).

C. Lòng khoan dung Phật giáo tại những quốc gia khác.

Sự thể Phật giáo tôn trọng tự do tư tưởng và tôn giáo biểu lộ không chỉ ở Việt Nam mà còn tại những xã hội hướng về Phật giáo như Tích Lan, Miến Điện, Lào, Campuchia và Thái Lan, nơi mà các giáo sĩ Thiên Chúa giáo cảm thấy có nhiều thuận lợi hơn khi thực hiện công việc truyền bá phúc âm hơn, so với tại Trung Hoa, Nhật Bản hoặc Việt Nam – những nơi mà Khổng giáo khống chế triều đình.

MỘT SUY NGHĨ SAU CÙNG.

Trong vài thập kỷ cuối thế kỷ 20 tại Việt Nam, sự hồi sinh của Phật giáo về phương diện xã hội và chính trị đã làm một số người lo ngại, đặc biệt sau vụ đảo chính năm 1963 tại miền Nam Việt Nam. Nhưng trong những giờ phút huy hoàng nhất đó của Phật giáo tại miền Nam, từ 1963 đến 1966 – khi ảnh hưởng chính trị của tăng đồ là mạnh nhất và dường như đe dọa chế độ quân nhân của Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, thì nhà sư đáng kính Trí Quang đã tuyên bố rằng **Phật giáo không bao giờ muốn tìm kiếm một vị trí độc đoán trên vũ đài chính trị và chỉ đòi hỏi những cuộc tổng tuyển cử dân chủ thông qua phổ thông đầu phiếu, đưa đến một quốc**

hội lập hiến. Những ai mà đã lo ngại có lẽ đã không hay chưa đọc kỹ phần lịch sử đầy đủ chúng tôi trình bày trên, và có lẽ đã bị lung lay bởi bài báo giới thiệu ở trang bìa tạp chí Time về “Con người, làm lay động nước Mỹ” này!

Ảnh hưởng của Phật giáo Việt Nam đối với chính sách nhân quyền của các triều đình trong lịch sử Việt Nam thì đã rõ. Điều này không phải là để nói, như chúng tôi đã cảnh báo với quý độc giả tại phần mở đầu của bài thuyết trình này, rằng các Nho sĩ trong triều đình là “những gã đại tề” gây nguy hiểm cho nhân quyền, bởi vì công trình nghiên cứu rộng lớn hơn của chúng tôi – cuốn sách *Truyền thống Việt Nam về Nhân Quyền*, thì đã cung cấp các chứng cứ phong phú rằng các Nho sĩ, dù là vua hay là quan lại, đã tôn trọng những tiêu chuẩn về nhân quyền đến một mức độ lớn lao.

Nếu người Pháp và người Anh đã đọc nhiều hơn về hồ sơ nhân quyền tại Đông Á nói chung và tại Việt Nam nói riêng, có lẽ họ đã tranh cãi ít hơn về nước nào trong hai nước đã đi trước về vấn đề nhân quyền. Trong dịp phỏng vấn hồi tháng 7/1989 – Kỷ niệm 200 năm cách mạng Pháp—Bà Thủ tướng Anh Thatcher đã tuyên bố rằng người Pháp đã không sáng tạo ra nhân quyền với “Bản Tuyên ngôn về những quyền của con người và của công dân”, bởi vì những quyền này đã có từ thời Cổ Hy Lạp, trong Thánh kinh và trong Magna Carta (Đại Hiến Chương) của Anh. Chính quyền Pháp không lấy làm vui lòng với nhận xét này, đã trừng phạt trả đũa bà Thatcher bằng việc đòi xuất trình uỷ nhiệm thư và hình nhân dạng của tất cả thành viên của phái đoàn Anh quốc, kể cả bà ta. Nếu người Pháp và người Anh đã hiểu biết nhiều hơn về những truyền thống nhân quyền của Đông Á và Việt Nam, có lẽ họ đã nhận ra rằng sự tranh cãi của mình là vô ích.

PHẦN CHÚ THÍCH:

48. *Quốc Triều Hình Luật* hoặc Bộ luật đời Lê. Bản dịch và chú giải của Nguyễn Ngọc Huy và Tạ Văn Tài có tựa đề *The Le Code* (LC), Ban xuất bản Đại học Ohio, 1987, điều 288. Hoàng Việt Luật Lê hoặc The Nguyen Dynasty Code (NC), bản dịch của Philastre có tựa đề *Le Code Annamite*, 1909, điều 75; TT, III: 227.

49. TT, III: 70.

50. Philastre, *Le Code Annamite*, Tập I, điều 336.

51. *Journal of an Embassy to the Courts of Siam and Cochichina* (Nhật Ký của một Phái Bộ Ngoại Giao đến các Triều đình Xiêm la và Đông Dương (Cochinchina), 1928, trang 499.

52. LC, 289; NC, 75.

53. LC, 215.

54. LC, 388,400; NC, 87.

55. LC, 600.

56. NC, 144. Điều khoản này đề cập đến những nhà sư và đạo sĩ phạm các tội này.

57. Alexandre de Rhodes, *Histoire du Royaume du Tunquin* (Lịch sử Vương Quốc Tunquin), Lyon, 1651, các trang 147 –148.

58. Phan Phát Huân, *Việt Nam Giáo Sử*, Saigon, 1965, I: 85.

59. Như trên, I: 222-223

NHỚ VỀ QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM YÊU DẤU

Quê hương tôi bờ biển xanh tươi mát,
Ai Nam Quan cho tới mũi Cà Mau,
Hoàng Liên Sơn núi hùng vĩ xanh màu,
Cửu Long Giang dòng nuôi bao thế hệ.

Bắc Trung Nam cùng chung dòng giống Việt,
Bao anh hùng trên Quê Mẹ Việt Nam,
Chống giặc Tàu, bọn gian ác tham tàn,
Đã bao phen đập tan quân xâm lược.

Đất Thăng Long, từ khi xây dựng nước.
Trái bao Đời: Đinh, Lê, Lý, Nguyễn, Trần
Hai Bà Trưng đuổi giặc Hán xâm lăng,
Rạng vang danh Nữ anh hùng dân Việt.

Đất miền Trung tạo anh hùng hào kiệt,
Đất nơi đây, sỏi đá ruộng khô cần!
Khi lũ lên, nước tràn khắp thôn trang!
Thương miền Trung, vẫn hùng anh bất khuất.

Đất phương Nam, gạo thơm vừa lúa thóc,
Có hoa xinh, trái ngọt, đất hiền hòa,
Biển, sông Hồ, đầy ắp cá tôm cua,
Người dân lành sống an vui hạnh phúc.

Bắc-Trung-Nam cùng chung một Tổ Quốc,
Cảnh phân ly... Ngày đó! quá điêu tàn!
Chiến tranh từng dày xéo Bắc-Trung-Nam.
Mẹ Việt nam đã bao lần rơi lệ!

Song thân tôi từ Thăng Long quê mẹ,
Tôi được nuôi, khôn lớn tại Saigon.
Sống thanh bình, hạnh phúc đất Miền Nam,
Khi lớn khôn mang nặng ơn Đất Nước.

Sau 75, tôi rời xa Cố Quốc,
Nhớ Quê Hương và thân quyến từng ngày,
Nhớ Sài Gòn, tan học, áo trắng bay.
Thương Hà sang, ve sầu, phượng thắm đỏ,

Thương mùa Thu, đường chiều nghiêng nắng đỏ
Nhớ giáo đường, chuông Thánh đổ ngân vang,
Nhớ sân chùa, chuông tinh thức nhẹ nhàng,
Nhớ anh hùng, Đền linh Trần Hưng Đạo.

Bao kỷ niệm thương yêu thời thơ ấu,
Ơn song thân nuôi dưỡng khô nhọc nhằn,
Ơn Thầy Tổ dạy dỗ... trí tuệ sanh,
Dư âm của thời vàng son niên thiếu...

Đất Hà Nội, Thăng Long, chùa, đền, miếu,
Núi Ngự Bình, Huế đẹp, nón bài thơ,
Đà Lạt xinh, Cam Ly, Hồ Than Thở,
Nhớ Nha Trang cát trắng biển yên bình.

Xa Quê Hương... ngàn trùng... xa... xa lắm!
Nhìn cuộc đời, như giấc mộng qua mau,
Thời gian trôi, lặng lẽ... sạch nổi sầu!
Buồn hay vui, tạm yên trong kỷ ức.

Giòng sông êm ái nhẹ ra khơi,
Lặng lẽ cuốn theo bụi trần đời,
Dạt dào sóng vỗ tan vào biển,
Tất cả quay về đại dương thôi.

thơ **HOÀNG THỰC UYÊN**
Arizona



Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Tù nhân dưới chế độ cộng sản có quyền suy diễn, tưởng tượng, mơ mộng và hy vọng về ngày tự do của mình. Điều này mới thực sự là thứ tự do mà không anh công an cán bộ nào ngăn cấm nổi. Cho nên, suốt gần một tháng, từ lần khai cung cuối cùng đến nay, ông Trọng vẫn cứ hy vọng và chờ đợi tự do từng ngày từng giờ, từng phút từng giây như thế, không chịu bỏ cuộc. Ngoài xã hội, ai lại chẳng yêu chuộng tự do, nhưng người ta bị tước đoạt tự do trắng trợn mà không dám hé miệng, và thì giờ của họ dành để nghĩ đến tự do cũng hiếm hoi: họ có những việc cấp bách khác cần làm. Chỉ có tù nhân trong các trại giam là đặt nhiều thì giờ cho vấn đề tự do nhất. Tự do lúc này chính là lý tưởng, là lẽ sống, là tình nhân của họ.

Tôi cũng không thoát khỏi thông lệ ấy. Đã nhiều lúc tôi mơ tưởng, ôm ấp hình bóng của tự do trong những giấc mộng lạnh giá của đêm tù. Nhưng tôi không hy vọng tự do từng giờ từng phút như ông Trọng. Tôi biết điều đó là vô ích, chẳng thiết thực. Tôi dùng thì giờ rảnh rang trong tù để ngồi thiền, tụng chú, niệm Phật. Tôi ngồi thiền hoặc tụng chú khi ông Trọng ngủ say. Tôi niệm Phật suốt ngày, xen kẽ vào những lúc ngồi không với ông ấy. Khi nào tôi và ông

ngưng nói chuyện, khi đó câu niệm Phật khởi lên. Và ngày tháng cứ thế mà trôi.

Tôi đã trải qua một tháng ở trại giam này rồi. Cũng như ông Trọng, tôi chưa được cán bộ cho phép liên lạc với gia đình, nhưng tôi vẫn cứ vui vẻ, không mong đợi, không than trách. Thịnh thoảng sư cô Trí Hải lại nhờ anh nuôi mang đến cho tôi một gói quà nhỏ và một vài phiếu tiền để cầm cự qua ngày. Tôi vẫn hầu như chưa biết thế nào là cái khổ trong tù. Chỉ có thời tiết nóng lạnh của ngày đêm là hơi phiền cho cơ thể tôi.

Từ cuối tháng năm bước qua đầu tháng sáu, thỉnh thoảng Sài-gòn có những cơn mưa tầm tã, nhất là về đêm. Ban ngày không mưa, trong phòng giam vẫn nóng hừng hực, nhưng ban đêm thì lạnh buốt. Tôi không quen mặc đồ tây chật bó để ngủ – lúc còn ngoài tù, trong thời gian lần tránh công an, tôi chỉ mặc đồ tây khi ra đường, còn trong nhà tôi vẫn mặc đồ tu rộng rãi (bộ vật hò, tương tự bộ đồ bà ba của người dân quê Việt Nam) cho thoải mái; buổi tối mặc đồ tu mà ngủ thì còn thông thả hơn bộ pi-gia-ma nữa – nhưng bây giờ, trời lạnh quá mà tôi chỉ có bộ đồ tẩy duy nhất nên phải mặc vào để chống lạnh. Vậy mà đến khuya, cái lạnh cũng làm cho tôi phải co rúm

người lại. Cả tôi và ông Trọng đều chưa được liên lạc với xã hội bên ngoài, lấy đâu mừng mãn để đắp mà chống lạnh, chống muỗi. Muỗi thì thực ra không đáng ngại lắm vì phòng biệt giam bí bưng, họa hoằn lắm mới có một con muỗi chịu khó ghé vào. Chỉ có cái lạnh là không gì ngăn nổi. Cánh cửa sắt dường như còn muốn tiếp sức cho hơi lạnh tấn công chúng tôi nữa là đằng khác. (Cũng cần phải chua thêm ở đây rằng: là công dân Việt Nam, người ta phải tự biết là khi bị công an bắt vào tù thì mọi thứ nhu cầu sinh sống hàng ngày đều bị cắt đứt. Không bao giờ tù nhân được phát mừng mãn, chăn chiếu, áo quần hay bất cứ thứ vật dụng cá nhân nào. Nhà giam của cộng sản chỉ phát cơm và chút nước muối để làm thức ăn thôi. Bởi xã hội cộng sản chỉ chú trọng miếng ăn thức uống, cho nên chỉ cần phân phát cho tù nhân hai thứ đó mà sống cầm hơi, khỏi chết, không cần phải cấp thêm thứ vật dụng nào khác! Nếu không có miếng thì có thể bốc ăn bằng tay, còn không có ca hay chén để lãnh phần cơm, phải nhanh nhẹn lấy đại giấy báo hay bịch ni-lông đầu đổ để anh nuôi xúc đồ vào, kéo không kịp thì mất phần ăn. Tù nhân trong xã hội cộng sản muốn được sống còn thì phải tìm cách liên lạc với gia đình để được thăm nuôi. Nhưng liên lạc thì cũng phải chờ khi nào cán bộ

cho phép mới được viết một lá thư. Thời gian lâu hay mau tùy hứng cảm và trí nhớ của cán bộ. May mà tôi được sư cô Trí Hải và bạn tù tiếp tế trong thời gian này).

Tôi nằm co như một con tôm, hai tay bó lấy chân, điều hòa hơi thở để chống lạnh mà vẫn không sao tránh được những cơn rung mình chuyển qua xương sống và cái tê buốt như xâm kim dưới lòng bàn chân. Trong tư thế nằm co mình chống lạnh như vậy, đã có những lúc tôi cảm thấy mình bé nhỏ một cách lạ lùng khó hiểu. Chỉ có những đứa bé mồ côi bụi đời mới nằm ngủ trong tư thế đó mà thôi, chứ một thầy tu như tôi, ngay cả khi còn là thầy tu nhỏ xíu (chú tiểu), lúc nào cũng nằm ngay ngắn đàng hoàng, ngủ mà phải giữ tư cách như là đang thức, nằm tư thế uy nghiêm của sư tử để ngủ giấc ngủ cát tường (an lành): nằm nghiêng bên phải, tay phải co lên để gối đầu, tay trái duỗi theo hông, chân trái hơi co một chút, tựa trên chân phải đang duỗi thẳng. Nhưng bây giờ tôi không nghĩ xấu hổ gì về chuyện nằm ngủ một cách mất trang nghiêm như đứa bé mồ côi bụi đời đâu. Tôi còn thích thú nữa là khác. Cứ nằm thử một cách mất trang nghiêm, một cách con nít như thế, tự nhiên người ta cảm thấy mình hồn nhiên vô tư lự ngay. Mà không phải sự việc sẽ ngưng lại ở chỗ vô tư lự. Nó còn dẫn người ta đến cái tâm trạng có vẻ như là tui thân, cần tình cảm, hoặc bỗng dưng mà thương yêu con người, thương yêu cuộc đời chi lạ nữa! Tóm lại là trong tư thế nằm ấy, mọi thứ tình cảm-hình như bị dồn ép lại từ đôi chân co lên-tự nhiên dâng tràn, dâng tràn. Bất cứ hình ảnh nào, kỷ niệm nào, mộng ước nào, thuộc về tình cảm, cũng đều dấy hiện trong tư thế nằm kỳ cục đó. Tôi bỗng nghĩ bấy bạ rằng, không chừng vì vậy mà đức Phật dạy đệ tử phải nằm một chân duỗi ra, một chân hơi co lại cho được quân bình! Suy ra, một người nằm ngửa với hai chân duỗi thẳng đơ thì chắc là khô kiệt tình cảm, chẳng biết nghĩ đến ai; nằm nghiêng bên trái thì càng duy lý hơn (vì ép trái tim xuống phía dưới!), còn nằm sấp mà ngủ thì chắc là người khủng! Và tôi cũng nghiệm ra rằng, hễ bị lạnh, cơ thể con người sẽ co rút,

nhưng tâm lý của hân trở nên xung động, hoang tưởng, tràn ra ngoài. Phản ứng cơ thể trước cái lạnh nó lạ lùng như thế, mà phản ứng của tình cảm trong tư thế co mình cũng kỳ lạ không kém! Ừ thì có thể những suy nghĩ của tôi chẳng trúng trật vào đâu, nhưng dù sao, đó cũng là kinh nghiệm của bản thân tôi lúc ấy.

Trong tư thế như con sâu cuộn mình trên lá, hay như con ốc sên trở mình lẳng nghe tiết lạnh của cơn mưa đầu mùa, tôi lắng nghe cái tê buốt của niềm cô đơn thấm vào da thịt mình. Rất lâu trong tư thế nằm đó vào mỗi đêm, tôi thấy mình như một đứa bé mồ côi đang thắc mắc rằng ai sinh ra nó. Tôi thấy tôi là em bé lam lũ ở thôn quê, trên các vùng kinh tế mới, hoặc theo cha mẹ bỏ vùng kinh tế mới để về thành phố sống lang thang ở các vỉa hè. Tôi nhớ những khuôn mặt hốt hơ hốt hải chạy loạn lúc tàn xuân của năm 1975. Nhớ sáu người bị xử bắn ở sân trại Nguyễn Văn Sâm, Phú Lâm vào năm 1978 vì tội chống chính quyền cách mạng nhân dân. Nhớ ba mẹ tôi, hai nhà nghệ sĩ thất thời hiền hậu, nét mặt lúc nào cũng lo âu, chỉ biết dang đôi tay trắng yếu đuối bất lực để bảo bọc bầy con khỏi móng vuốt của xã hội cách mạng siêu việt. Nhớ anh chị em. Nhớ những bạn bè cũ, mới, thân, sơ, tốt, xấu, từ Hội An, Nha Trang, Sài-gòn, Long Thành... Nhớ chú Đức tướng người vạm vỡ khỏe mạnh lại chết sớm vì cơn bệnh mắc phải trên chuyến vượt biên đường rừng. Nhớ hai sư cô Nguyễn Anh, Nguyễn Xuân, em ruột của chú Đức, cứ mỗi lần gặp tôi là nhắc chuyện anh mình, rồi ngồi khóc, làm cho người qua lại thăm chửi là tôi chọc ghẹo gì hai cô ấy! Nhớ cô bé Xù hàng xóm đi đầu mất biệt ở khung trời Phan Rang, không bao giờ tái ngộ. Nhớ cô bé Như Như tinh nghịch với cuộc tình của chàng trai tu sĩ trên đồi Trại Thủy thơ mộng năm xưa. Nhớ thiếu nữ tên Mộng Huyền với cuộc kỳ ngộ ngắn ngủi và một cuộc phân ly vội vàng để lại cả một dấu ấn nặng trĩu trong tâm hồn... Mộng Huyền ơi. Mộng Huyền ơi...

*

Chúng tôi được ông Hưng, một trong những người tổ chức, sắp xếp thành từng toán, tập trung tại nhiều địa điểm khác nhau; rồi từ các địa điểm này, chúng tôi lại được chia thành từng cặp đôi để xuống bãi. Trừ trường hợp đã có cặp sẵn như vợ với chồng, vị hôn thê với vị hôn phu, bạn trai cùng bạn gái, ngoài ra, những người còn lại đều bị cặp mắt sắc lẹm lạnh lợi của ông Hưng quét qua một lượt rồi sắp xếp đầu vào đó, thích hợp ngay. Ông già đi với bà già. Chú trung niên đi với cô trung tuần. Thanh nam cặp với thanh nữ. Bộ dạng nhà quê thì cặp với người quê nhà. Anh cái lương thì cặp với em vọng cổ. Chàng dân phố cặp với nàng thị thành. Lúc đó tóc tôi đã được hai tháng không cạo nên cũng xúng xính, lúp xúp, không còn cái dạng đầu tròn của thầy tu, mà lại đội một cái mũ cát-kết kiểu công nhân ăng-lê màu đen, rồi thêm mặc âu phục nữa, nên ông Hưng cũng chẳng ngại ngùng gì chuyện cặp đôi tôi với một thiếu nữ đang đứng nép vào một góc như là muốn tránh bị gọi tới vậy. Đầu sao, người vượt biên trẻ tuổi như chúng tôi cũng ngoan ngoãn đối với người trong ban tổ chức y như lính quen nghe lệnh cấp trên vậy. Nếu ông Hưng biết tôi là thầy tu, tôi nghĩ là ông vẫn cứ ra lệnh tôi đi chung với thiếu nữ kia như thường, và tôi sẽ tuân lệnh, cũng như thiếu nữ kia sẽ sẵn sàng tuân lệnh. Không ai trong chúng tôi muốn làm trở ngại gì cho chuyện sắp xếp ấy. Cho nên, bảo sao làm vậy. Tôi và nàng ngó nhau một cái thật nhanh. Nàng gật đầu nhẹ để chào. Tôi cũng gật đầu đáp lại. Rồi chúng tôi đóng vai tình nhân, cùng đi xuống bãi.

Trời lúc đó chưa tối hẳn. Nghe nói đường đi khá xa. Cứ đi bộ một lúc thì trời sẽ tối. Người tổ chức nói vậy. Chúng tôi vừa đi vừa ngó chừng người dẫn đường ở phía trước, cách khoảng trăm mét.

Sau lưng chúng tôi, mặt trời đã chìm xuống vực mây phía tây nhưng hãy còn nuôi tiếc lưu lại dấu vết hồng tía của nó trên các đầu núi. Trước mặt chúng tôi, những cụm mây xa ở hướng biển như bị nền trời loang qua màu tím sẫm. Từng vệt mây tím kéo ngang như những nét vẽ còn ướt sơn khi chàng họa sĩ vừa buông cọ xuống. Chấn trời tím. Tôi đưa

tay tính chỉ nàng xem cái đẹp điểm lệ và thớ mộng ấy, nhưng nghĩ sao lại thôi. Nàng quay mặt qua, ngược nhìn tôi, chờ đợi. Thấy tôi không nói gì, nàng chỉ cười. Nước da nàng trắng hồng, nổi bật lên trong bộ đồ đen. Áo thun cổ tròn, dài tay, màu đen. Quần jean, cũng màu đen. Giày xân-đan cũng màu đen hay màu hổ phách sẫm. Nàng cổ tình trang phục toàn màu tối như vậy cũng dễ hiểu. Không phải để làm nổi bật màu da trắng như bông bưởi đâu, mà để thích hợp với đêm tối, thích hợp cho một cuộc vượt trôn. Tôi biết vậy, vì chính tôi cũng được người tổ chức của mọi chuyến vượt biên trước đây dặn dò như thế. Tôi mặc áo sơ mi dài tay màu xanh lá cây hơi sẫm, quần ka-ki đen, giày xân-đan đen. Theo sắp xếp, chúng tôi sẽ bước thong thả như cặp tình nhân đi dạo, từ điểm tập trung đến tận bãi biển. Đến bãi, chúng tôi sẽ lựa một chỗ thích hợp dưới gốc cây, trên bụi đá, một quán nước nào đó để làm đôi tình nhân hồng mắt.

"Em tên Mộng Huyền. Anh tên chi vậy?"

"À, tên Khang, Vĩnh Khang."

Nàng nói tiếng Huế lại giọng Sài-gòn. Sau hai câu để biết tên nhau, chúng tôi cứ tiếp tục bước đi trong im lặng. Chúng tôi là những tình nhân đóng kịch, đâu có thần mật nắm tay nhau được. Giữa chúng tôi có một khoảng cách khá rộng. Chỗ chốc nàng lại lấp cái khoảng trống đó bằng cách đi sát lại phía tôi.

"Mình phải nói chuyện chi cho tự nhiên chứ đừng có lặng thinh mà đi như vậy người ta biết mình vượt biên đó," nàng yêu cầu với giọng nhỏ nhẹ, rót riêng vào tai tôi.

"Ừ, phải vậy mới được," tôi đáp. Nhưng rồi tôi cũng chưa biết phải nói chuyện gì. Chúng tôi đi thêm một đoạn trong im lặng. Cuối cùng, nàng lại cất tiếng:

"Nhà anh ở đâu vậy?"

"Cũng Sài-gòn như Mộng Huyền vậy."

"Sao anh biết em ở Sài-gòn?"

"Mấy người dân Bà Rịa, Long Hải, đâu cần người dẫn đường, đâu cần phải đóng kịch. Họ rành quá nên đi thẳng xuống bãi luôn cũng được mà. Nhóm người khi này được ông Hưng sắp xếp dặn dò, hầu hết là dân Sài-gòn."

"Ừ há, vậy mà em không

biết. Anh mới đi lần đầu hả?"

"Cũng khá nhiều lần. Bây giờ không nhớ là lần thứ mấy. Còn Mộng Huyền thì sao?"

"Em mới đi lần đầu thôi. Thực ra, em sợ lắm, em chẳng muốn đi đâu. Tại mẹ em bảo không đi thì mất cơ hội tốt, vì chuyến này mẹ em nghĩ là đáng hoàng, chu đáo lắm."

Tôi nhìn nàng, thích thú góp thêm niềm tin của mình về chuyện vượt biển:

"Ừ, nghe nói có công an biên phòng lo bãi nữa mà, còn ghe thì mới đóng, máy tốt."

"Với lại có một ông thầy đi trong chuyến này nữa... Có thầy đi chung, mẹ em nói là tốt nhiều chuyến lắm. Nhất là có thể tránh được nạn hải tặc Thái Lan..."

"Cái gì? Ông thầy nào?"

"Em đâu biết. Chỉ nghe mẹ em nói có một thầy trẻ cần đi gấp trong chuyến này. Hình như thầy ấy bị công an tìm bắt dữ lắm, chắc là hoạt động chính trị. Tội nghiệp. Có lẽ thầy ấy tập trung ở địa điểm khác nên mình chưa thấy."

"Này giờ em nói thầy là thầy tu hả."

"Chứ thầy gì nữa. Thầy tu ở chùa đó mà."

"Em biết tên thầy ấy không?"

"Không. Hình như mẹ em có biết, nhưng cũng không biết mặt. Trời cũng tối rồi hả anh, thầy ghê quá, chỗ này sao cây cối nhiều, âm u quá, rùng rợn hả?"

Nàng tự nhiên ôm lấy cánh tay tôi. Khoảng cách giữa hai chúng tôi đã được lấp. Biết nàng sợ, tôi cứ để yên cho nàng bầu lấy cánh tay mình như vậy. Và lại, tôi nghĩ, đóng kịch cỡ này thì quá tốt rồi, sẽ chẳng ai nghi ngờ là tình nhân giả nữa.

"Không phải rừng đâu, chỉ là vườn của người ta thôi. Vườn điều."

"Anh rành quá há. Nhìn cây đó anh biết cây điều liền."

"Ừ, có một đạo anh ở Long Thành... Ồ, coi chừng mất dấu... Cái anh dẫn đường đâu rồi?"

"Khuất sau chỗ kia, chắc không sao đâu. Mình cứ đi tới. Theo hướng đó thế nào cũng tới bãi mà, phải không?"

"Ừ, nhưng làm gì thì làm, mình phải bắt kịp anh chàng dẫn đường, vì chứt nữa lên ghe lên tàu gì, mình cũng theo dấu hiệu của anh ta mà."

Chúng tôi tiến thêm một đoạn xa nữa, quẹo bên phải theo hướng mà người dẫn đường khuất vào khi nãy. Cách khoảng hơn trăm mét, chúng tôi thấy được mờ mờ lưng áo trắng của anh ấy. Nhưng rồi, anh ta không tiến tới nữa, lại chạy ngược về hướng chúng tôi. Tôi giữ Mộng Huyền lại:

"Đừng bước tới nữa, chắc có chuyện. Anh dẫn đường chạy lui kia!"

Tôi vừa dứt lời đã nghe tiếng súng nổ đầu đó. Một tiếng rồi hai, ba tiếng. Rồi một loạt súng liên thanh nổ dồn. Tôi kéo Mộng Huyền bỏ con đường đất, chạy dạt về hướng vườn điều. Anh dẫn đường chạy vụt ngang qua, hô lên:

"Chạy, chạy mau!"

Rồi anh chạy về hướng đường nhựa. Tôi nghĩ nhanh, hướng đường nhựa không tốt, vì công an từ tư gia hay trụ sở ấp, xã, nghe tiếng súng nổ sẽ kéo tới từ hướng đó. Tôi liền kéo tay Mộng Huyền chạy băng vào vườn điều. Rồi tôi chạy trước, nàng chạy theo sau, cứ nhắm khoảng trống trước mặt mà chạy. Tự dưng, trong lúc hiểm nguy và cấp bách ấy, tôi cũng trở nên mạnh dạn, nhanh chân, chứ không chậm chạp khờ khạo như thường lệ. Hơn nữa, so với Mộng Huyền, tôi cũng là người có kinh nghiệm hơn, đó là chưa nói chuyện tôi là con trai, nàng là con gái: ít nhất tôi cũng phải biết chủ động trong những hoàn cảnh hiểm nguy này. Giữa những hàng điều có các lối đi rộng ba thước, cành lá hai bên túa ra choáng hơn một thước, hãy còn gần hai thước, rộng chán. Chúng tôi men theo các lối đó mà chạy về hướng tây, tức hướng ngược chiều với bãi biển, nơi có tiếng súng nổ. Cứ chạy một đoạn đường thẳng về hướng tây, chúng tôi lại rẽ qua một khúc, để tránh phía sau nhìn thấy, rồi lấy lại hướng tây, chạy thẳng tiếp. Chạy một đoạn khá dài mà tiếng súng nổ vẫn còn lẻ tẻ vọng sau lưng, nhưng Mộng Huyền đã có vẻ đuối sức, tôi phải đứng lại chờ nàng từng chập. Chúng tôi chạy bằng suốt chiều ngang của mấy vườn điều. May mà giữa các khoảng vườn không có hàng rào rậm hay kẽm gai làm ranh giới, mà chỉ có những vồng đất làm dấu. Bằng hết các vườn điều, chúng tôi hết lối. Trước mặt chúng tôi là một

khoảng đất rậm rịt tre gai, cỏ tranh mọc cao ngang ngực, lau mọc quá đầu. Tôi quay lại lắng nghe động tĩnh phía bãi biển. Tiếng súng đã ngưng nhưng có tiếng chó sủa và tiếng la hét khóc lóc đầu đó. Mộng Huyền đứng sát bên tôi, thở mạnh. Dưới ánh sao mờ mờ, tôi thấy khuôn mặt trắng bệch của nàng toát ra một vẻ liêu trai ma quái. Tôi hơi rùng mình. Không phải rùng mình vì sợ, mà vì một phần khích nào đó, khó hiểu. Tôi nói khẽ:

“Chắc mình phải băng qua đám cỏ này, tìm chỗ ngồi nấp. Đúng như vậy không ổn đâu.”

Nàng có vẻ sững sốt một chút khi đưa mắt nhìn đám cỏ rậm rịt, nhưng rồi cũng gạt đầu nhẹ, tỏ ý tùy tôi. Tôi đi dọc theo đường ranh giữa đám cỏ và hàng điều cuối cùng để tìm một khoảng tương đối ít cỏ gai. Nàng bước theo tôi sát nút. Cuối cùng, tôi chọn vùng cỏ tranh, rẽ lối bước vào, dùng chân đạp ngã những ngọn cỏ lau cao khi cần để dọn đường cho nàng bước theo phía sau. Nàng im lặng chẳng nói một lời, có vẻ sợ hãi lắm. Thấy tôi nghiến, tôi quay lại khích lệ nàng:

“Ráng một chút nữa đi, mình sắp đến một cánh đồng lúa thì phải.”

Nàng không nói, chỉ chồm tới, níu lấy cánh tay tôi. Gió từ phía trước lùa đến chúng tôi mùi bông lúa của vụ đông xuân. Lúa tháng này mới ngậm hạt. Và tôi nghe phảng phất một mùi hương phấn nào đó từ phía nàng cũng phả nhẹ qua mũi tôi. Tôi và nàng đứng im một lúc. Nàng hỏi khẽ:

“Có sao không anh?”

“Không sao. Mình thoát những người rượt đuổi rồi. Bây giờ chỉ còn tìm cách trở về lại đường nhựa để đón xe về Sài-gòn. Nhưng tốt nhất là phải chờ lúc sáng sớm, người ta còn ngủ.”

“Sao vậy?”

“Bây giờ công an, du kích hãy còn chạy tới chạy lui, họ sẽ chặn đón bất cứ ai đi trên đường trong thời gian này. Ngoài quốc lộ, họ cũng sẽ chạy rà tới rà lui.”

“Sao anh rành quá vậy?”

“Trước đây cũng bị đổ bể một chuyến tương tự như vậy, nhưng chuyến đó còn nguy hiểm hơn nhiều. Thôi mình đi há.”

Quả nhiên trước mặt chúng tôi là ruộng lúa cỡ vài mẫu tây, đang trổ bông, trải dài trên một

vùng đất hơi trũng thấp như thung lũng. Chúng tôi đứng ở vị trí cao, có thể nhìn thấy bên phải cánh đồng là những hàng mít cao; bên trái cũng rợp bóng cây, hình như là điều hay một loại cây ăn trái thấp. Ẩn sau những lùm cây phía trước mặt chúng tôi, nơi tiếp giáp với cuối bờ ruộng, là một căn nhà ngói quét vôi trắng, nổi bật lên trên như một cồn đảo nhỏ. Đường như quanh đây chỉ có duy nhất căn nhà đó. Thấy nhà ngói khang trang, tôi ngần ngừ không dám đến, vì dân quê mà có nhà ngói thì thường là công an hay cán bộ đang làm việc cho nhà nước; còn không thì cũng là gia đình liệt sĩ có công với cách mạng.

“Mình đi đâu vậy?” nàng hỏi nhỏ.

“Chắc tìm chỗ nào khuất để ngồi chờ sáng. Vườn mít phía kia đi.”

Tôi đi trước, dọc theo bờ ruộng, về hướng phải, nàng theo sát phía sau. Một chập, nàng lại níu lấy cánh tay tôi, đi ngang với tôi. Vào sâu với vườn mít, bóng đêm càng có đặc lại như mực tàu. Dù sao, cỏ đã được chủ nhân dọn sạch sẽ, nên chúng tôi chẳng nhọc công tìm kiếm cũng chọn được một gốc mít to, đất hơi bằng phẳng. Tôi bảo nàng ngồi tạm ở gốc mít chờ tôi đi quơ một mớ cỏ chung quanh đem đến. Cỏ này vừa được cuốc dọn đâu chừng vài ngày, lại nằm trong bóng rợp của những cây mít nên chưa khô hẳn, mùi cỏ còn ngai ngái. Tôi giũ đất rồi trải cỏ xuống.

“Mộng Huyền nằm nghỉ ở đây nghe.”

“Chứ anh đi đâu?”

“À... thì cũng gần đây thôi. Chỗ cây mít kế bên kia.”

Nàng ngập ngừng một lúc rồi nói:

“Thôi, anh ở tuốt bên đó em sợ quá à. Hay là anh cứ nằm gần đây đi. Trại thêm cỏ chỗ này nè.”

Tôi lưỡng lự nhưng rồi cũng làm theo ý nàng. Trại thêm cỏ. Chúng tôi nằm xuống. Nàng nằm phía trong, sát gốc mít. Tôi nằm ngoài, phía bên trái của nàng. Cùng nhìn lên trời. Nàng đặt hai tay xuôi theo thân hình. Tôi đặt hai tay đan trên bụng. Hình như nàng liếc nhìn tôi, rồi nàng bắt chước, đan hai tay đặt trên bụng, Cúi chỗ trái

của nàng và cúi chỗ phải của tôi tựa vào nhau. Tôi nhìn qua phải, thấy hình dạng hai ngọn đồi cao vươn dậy trong bóng đêm. Sao lấp lánh giữa những cành lá. Có con chim ăn đêm nào đó vừa chuyền qua cành. Chúng tôi nằm im lặng ngó mông lung như vậy chứ chưa ngủ được. Đồng hồ lúc đó chỉ mới gần tám giờ tối. Một lúc, nàng hỏi nhỏ:

“Nhà anh ở quận mấy Sài-gòn vậy?”

“Ở tạm nhà một người quen, quận 3, đường Nguyễn Thiện Thuật. Còn Mộng Huyền?”

“Nguyễn Trãi, quận nhứt. Sáng mai anh đến nhà em chơi nghe.”

“Để coi thử.”

“Anh đừng ngại, nhà em chẳng có ai đâu, chỉ có mẹ em với em. Thôi, anh không đến liền cũng được nhưng anh nhớ cho em địa chỉ của anh há. Rồi khi nào tiện, em đến chỗ anh, hay anh đến nhà em.”

“Không được đâu... à, không tiện đâu.”

“Sao vậy? A, anh sợ chị ghen hả?”

“Đâu phải... độc thân mà. Có điều là không tiện thôi, tại vì nhà người quen, mình chỉ đến ở tạm, chẳng khai báo với công an.”

“Vậy chứ gia đình anh ở đâu?”

“Nhà Trang.”

“Ồ, Nhà Trang. Biển Nhà Trang đẹp lắm, em có ra đó nghỉ hè với ba mẹ hồi xưa...” nàng thở dài, nói tiếp với giọng thật buồn. “Từ ngày ba đi tù, không còn một kỳ nghỉ hè nào cho gia đình cả... Thôi, vậy đi, sáng mai anh đến nhà em chơi. Đi chuyển này, thăm hại như vậy, ngày mai mình chia tay liền sao được! Buồn chết! Mai nay đi chơi một vòng phố, nha. Chắc anh không rành Sài-gòn bằng em đâu. Mai mình đi chơi cho khuây khỏa chuyện thất bại đêm nay, há!”

“Để mai hãy tính. A này, hồi chiều Mộng Huyền nói là chuyển này có một ông thầy tu đi chung, sẽ tốt lắm mà. Sao tốt đâu không thấy, chỉ thấy chạy muốn đứt hơi.”

Nàng bèn vực:

“Chắc tại thầy ấy đổi ý không đi chuyển này.”

“Em cũng tin tưởng nơi quý thầy dữ há! Vậy chứ em có nghe là một số thầy đi vượt biên bị mất tích trên biển không?”

“Em tin tưởng cái nghiệp chứ

đâu phải tin hoàn toàn vào sự có mặt của quý thầy. Em chỉ nghĩ rằng quý thầy thường phước mạnh, nghiệp nhẹ, đi chung với họ mình có thể bớt gặp chướng nạn, không phải sao?”

Tội phì cười:

“Ừ, cái đó người ta gọi là dựa hơi đổ mả. Cũng có lý, nhưng trên thực tế, gặp trường hợp như đêm nay, chắc ông thầy đó cũng vất vả mà chạy như tụi mình chứ đâu có hơn gì.”

Nàng như chồm dậy, đưa nhanh bàn tay phải trắng muốt qua phía tôi, ba đầu ngón tay của nàng tì lên đôi môi tôi, ý chừng không cho tôi nói bậy:

“Anh đừng nói vậy, mang tội chết!”

Nhưng khi nằm trở lại vị trí cũ rồi, nàng lại cười lên khúc khích. Mấy ngón tay nàng đập lên môi tôi thật nhanh rồi rút đi cũng thật nhanh nhưng nó kèm môi tôi một lúc lâu chẳng nói nên lời. Tôi mỉm cười, vui theo tiếng cười của nàng. Một lúc, nàng gợn một thắc mắc ngộ nghĩnh:

“Anh đoán thử xem, gặp chuyện nguy hiểm như vậy, ông thầy đó sẽ như thế nào, có chạy không?”

“Ờ... anh nghĩ là không chạy đâu. Ông ấy đi từ từ, nếu công an bắt được thì bắt, không bắt được thì tốt. Nhưng cũng có trường hợp ông ấy phải chạy.”

“Trường hợp nào?”

“Trường hợp ông có trách nhiệm phải bảo vệ cho một em bé, một thiếu nữ, hay một người già cả chậm chạp nào.”

“Chứ không bảo vệ đàn ông con trai khỏe mạnh à?”

“Đàn ông con trai khỏe mạnh thì bỏ thầy mà chạy đi mất đất rồi, ông ấy có đuổi theo kịp đâu mà đòi bảo vệ.”

Nàng lại cười phá lên, tự lấy tay bịt miệng. Tôi nhìn nghiêng thấy đôi vai và ngực nàng rung rung. Nam mô Phật, tôi khề nhăm mắt niệm thầm. Đang cười vui như vậy bỗng nghe tiếng súng lại nổ vang từ xa. Nàng bật ngồi dậy, tỉnh đứng lên chạy. Tôi kéo nàng lại:

“Khoan đã, tiếng súng ấy xa lắm. Chắc họ không tìm đến đây đâu. Mộng Huyền ngồi đây nha, chờ chút.” Nói rồi tôi đứng dậy, bước một đoạn về hướng cũ, nghe ngóng. Hình như có tiếng la hét, chạy đuổi. Tôi vừa xoay lại, định quay về chỗ nàng thì đúng ngay nàng đứng sát phía sau. Nàng bước tới, tôi quay lui.

Chúng tôi sấp vào nhau, không khựng lại được. Tôi phải cố gắng giữ thăng bằng để cả hai không té nhào. Tôi dùng hai tay kèm hai tay nàng lại. Chúng tôi đối mặt nhau, đứng sát nhau. Và ngay trong tư thế thuận lợi hợp tình đó, cộng với niềm hãi sợ cần được nương tựa, nàng choàng cả hai tay, ôm lấy tôi:

“Em sợ quá. Anh đừng bỏ em ngồi một mình ở đó nữa nghe.”

“Ừ, không bỏ đâu. Chắc mình phải tìm chỗ khác khuất hơn để trốn, Mộng Huyền à.”

Tôi gỡ tay nàng ra, kéo nàng đi dọc theo những hàng mít, hướng về phía quốc lộ. Nhưng đi một đoạn thì gặp bờ rào kẽm gai; sau bờ rào, có mọc um tùm. Đã hết lối rồi. Từ chỗ này, chúng tôi chỉ còn hai hướng để chọn lựa: hướng thứ nhất, đi lui về phía trái của cánh đồng, nơi có vườn cây ăn trái thấp, mà hướng đó cũng là hướng đi về biển; hướng thứ hai, đi về chỗ ngôi nhà ngói đỏ quét vôi trắng. Tôi đứng lại định tâm một lúc. Hai hướng đi ấy, tôi chẳng thấy hy vọng loé lên ở hướng nào. Tôi lại đi nhanh, vợ một bó cỏ khô. Mộng Huyền cũng bắt chước, làm theo tôi, ôm một nhúm cỏ đi theo. Tôi chọn một gốc mít, trái cỏ xuống. Tôi bảo nàng nằm nghỉ, tôi ngồi bên cạnh.

“Không đi nữa hả anh?” nàng ngây thơ hỏi.

“Không. Hết lối rồi. Đi lúc này còn nguy hiểm hơn. Cứ nán lại đây đi, không sao đâu. Trước sau gì mình cũng thoát.”

“Anh tin vậy à?”

“Ừ, linh tính cho biết vậy.”

Tôi vẫn có niềm tin như thế. Không phải tin vào một sức mạnh thiêng liêng nào mà tin ở sự bình tâm của mình. Một khi tâm tôi bình thản, có vẻ vô sự, thì tôi bình an. Có lần tôi và thầy Nguyên Lạc đi chung một chuyến vượt biển cũng đâu gần vùng này. Chúng tôi được tập trung trong một căn nhà. Bước vào nhà, đã thấy nằm ngổn la liệt sẵn dưới đất gần hai chục người vừa đàn ông, vừa đàn bà, vừa con nít. Tôi và Nguyên Lạc cũng lặng lẽ ngồi xuống đất, chờ đợi. Người ta nói khoảng tám giờ tối sẽ có người đến hướng dẫn từng tốp đi ra bãi đậu ghe. Vậy mà đến tám giờ rưỡi tối, vẫn chưa thấy động tĩnh gì. Có người sốt ruột quá,

bỏ về trước. Nguyên Lạc cũng khá lạnh, chạy ra vườn sau của căn nhà, leo lên cây mít vừa để tránh điểm tập trung khá nguy hiểm của căn nhà, vừa thăm dò tình hình bên ngoài dễ dàng hơn. Những người còn lại trong nhà bồn chồn, nóng ruột, lo lắng, hãi sợ mà chẳng biết làm gì—vì bỏ về thì sợ bị bắt ngoài đường, mà cũng tiếc là sẽ mất cơ hội vượt biển. Trong khi mọi người xao động, đứng ngồi không yên như vậy, tự dưng tôi lại cảm thấy trong lòng vô cùng bình thản. Và bằng một tác động tự nhiên như là đối thế ngồi khi mỏi, tôi ngồi xếp chân trong thế kiết già, hai tay đan vào nhau đặt trên lòng bàn chân. Cảm giác bình an đến với tôi lúc ấy, khiến tôi cứ ngồi yên mà mỉm cười một mình như thế. Đó là lần đầu tiên trên đời, tôi ngồi thiền giữa một đám đông người lạ. Một lúc khá lâu, mở mắt ra, tôi thấy mọi người trong căn nhà, có cả Nguyên Lạc từ ngoài vườn mới vào nữa, đều làm theo tôi, tất cả đều ngồi xếp bằng để cầu nguyện, niệm Phật hay cầu Chúa. Và đầu chừng nửa giờ đồng hồ sau đó, có tiếng la hét khốc lóc, rồi lại có tiếng súng nổ, ở nhà kế bên, chỉ cách nơi chúng tôi một bờ rào kẽm gai thưa. Công an vào xét và bắt những người tập trung ở nhà bên ấy. Rồi lại nghe tiếng công an lục xét, bắt người dân đi. Chỗ sửa vang, rân. Đèn bin rọi chiếu tứ tung. Ánh sáng đèn bin có khi quét ngang hai cửa sổ của căn nhà mà chúng tôi đang ngồi. Đoàn người bên ấy bị công an dẫn đi đâu chừng mười phút thì có dấu hiệu của một cơn mưa lớn sắp đổ ụp xuống. Sấm chớp ầm ầm. Gió cuốn qua cây vườn rào rạt. Và rồi mưa rơi thật lớn, mưa suốt đêm. Chúng tôi tự biết chuyển đi coi như thất bại. Một vài người tìm cách thoát đi. Số còn lại phải chờ gần sáng mới chia nhau từng đợt thoát ra khỏi căn nhà ấy, lòn theo những người đi lễ nhà thờ, ra lễ đường đón xe trên quốc lộ để về lại Sài Gòn.

Nay dặt tay Mộng Huyền, không tìm ra lối, mà tự dưng tôi lại chẳng thấy một chút lo âu nào cả. Tôi biết đó là dấu hiệu của sự bình an.

(còn tiếp)